**HỌC PHẦN I**

**ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**BÀI 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN HỌC**

**MỞ ĐẦU**

Giáo dục quốc phòng và an ninh là một bộ phận hợp thành của nền giáo dục quốc dân, là một nội dung cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nhằm góp phần đào tạo con người phát triển toàn diện, có đạo đức, có sức khỏe và kiến thức Quốc phòng và an ninh, kỹ năng quân sự cần thiết để tham gia vào sự nghiệp xây dựng, củng cố nền Quốc phòng toàn dân.

1. **ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU**
   1. **Nghiên cứu về đường lối quân sự của Đảng**

Nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lý luận của Đảng về đường lối quân sự bao gồm:

1. Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc
2. Quan điểm của Đảng về xây dựng nền QPTD, ANND.
3. Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
4. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
5. Kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN
6. Nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam

* Nội dung cụ thể: Là nghiên cứu các cơ sở lý luận để Đảng ta đề ra các chủ trương, đường lối chiến lược xây dựng nền QPTD, LLVTND, tiến hành CTND bảo vệ Tổ quốc.
* Mục đích: Góp phần hình thành niềm tin, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng và lý tưởng cho sinh viên.
  1. **Nghiên cứu về công tác Quốc phòng và an ninh**

Nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nhiệm vụ, nội dung công tác QPAN của Đảng hiện nay, gồm:

1. Phòng chống chiến lược “DBHB”, BLLĐ của các thế lực thù địch
2. Phòng, chống chiến tranh xâm lược sử dụng vũ khí công nghệ cao
3. Xây dựng lực lượng DQTV, lực lượng DBĐV và động viên CNQP, tăng cường tiềm lực, cơ sở vật chất cho quốc phòng
4. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia
5. Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh
6. Những vấn đề cơ bản về bảo vệ An ninh quốc gia và giữ gìn TTATXH
7. Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
8. Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội Nội dung cụ thể: Là nghiên cứu hệ thống văn bản qui phạm pháp qui của Nhà

nước về BVTQ, giữ gìn TTATXH và an ninh chính trị

Mục đích: Góp phần thực hiện tốt công tác quốc phòng và an ninh, để xây dựng lòng tin chiến thắng trước mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam

**Nghiên cứu về quân sự và kỹ năng quân sự cần thiết**

Nghiên cứu các kiến thức, kỹ năng chiến thuật, kỹ năng kỹ thuật quân sự cần thiết, bao gồm:

1. Những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự
2. Một số loại súng bộ binh: AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41
3. Tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ
4. Phòng chống vũ khí hạt nhân, hoá học, sinh học, vũ khí lửa
5. Vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý
6. Những kỹ năng quân sự cần thiết: Một số nội dung về điều lệnh đội ngũ, và chiến thuật chiến đấu bộ binh

* Nội dung cụ thể: Là nghiên cứu đặc điểm, nguyên lý, tính năng tác dụng, bản chất các nội dung kỹ thuật, chiến thuật bộ binh, các bài tập, thành thạo các thao tác kỹ chiến thuật trong chiến đấu.
* Xây dựng lực lượng DQTV, vận dụng vào chiến đấu.

1. **PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**
   1. **Cơ sở phương pháp luận**

Cơ sở phương pháp luận chung nhất nghiên cứu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninhlà học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Quá trình nghiên cứu cần vận dụng đúng đắn các quan điểm tiếp cận môn học:

1. Quan điểm hệ thống

Nghiên cứu, phát triển các nội dung của Giáo dục quốc phòng và an ninh một cách toàn diện, tổng thể trong mối quan hệ phát triển giữa các bộ phận, các vấn đề của môn học.

1. Quan điểm lịch sử, logic

Phải thấy được sự phát triển của đối tượng, vấn đề nghiên cứu theo thời gian, không gian với những điều kiện lịch sửcụ thể, giúp ta phát hiện, khái quát, nhận thức đúng những qui luật, nguyên tắc của hoạt động QPAN.

1. Quan điểm thực tiễn

Việc nghiên cứu GDQP&AN là phải bám sát thực tiễn xây dựng QĐND–CAND, nền QPTD phục vụ cho BVTQ trong giai đoạn hiện nay.

**1. Các phương pháp nghiên cứu**

Trong nghiên cứu xây dựng, phát triển nội dung GDQP&AN với tư cách là một bộ môn khoa học cần chú ý sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học sau:

1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Như phân tích, tổng hợp, phân loại, hệ thống hóa, giả thuyết nhằm thu tập thông tin khoa học nhằm rút ra kết luận khoa học để bổ sung, phát triển môn học GDQP&AN.

1. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Như quan sát, điều tra, khỏa sát thực tế, nghiên cứu các sản phẩm QPAN, tổng kết kinh nghiệm nhằm tác động trực tiếp vào đối tượng trong thực tiễn, từ đó khái quát

các bản chất, qui luật của các hoạt động QPAN làm phong phú nội dung, kiểm định tính xác thực đúng đắn của các kiến thức GDQP&AN.

1. Kết hợp phương pháp dạy học lý thuyết và thực hành

Nhằm làm cho người học có nhận thức sâu sắc về đường lối, nghệ thuật quân sự, nắm chắc lý thuyết kỹ thuật, chiến thuật, rèn luyện phát triển kỹ năng quốc phòng, thuần thục các thao tác, hành động quân sự.

1. **GIỚI THIỆU VỀ MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH**
   1. **Đặc điểm môn học**
2. Đặc điểm

Đây là môn học được luật định thể hiện rõ đường lối giáo dục của Đảng, được thể chế hoá bằng các văn bản qui phạm pháp luật của Nhà nước (Luật Giáo dục qui định môn học GDQP&AN là môn học chính khóa, bắt buộc; Quốc hội đã thông qua luật GDQP&AN).

1. Ý nghĩa, mục tiêu

Hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Xây dựng, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong khoa học. Góp phần đào tạo cho đất nước một đội ngũ cán bộ KHKT, quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ cao, vừa có ý thức, năng lực sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

* 1. **Chương trình**

Môn học GDQP&AN trình độ đại học được ban hành theo Thông tư liên tịch số: 18/2015/TTLT- BGDĐT- BLĐTNXH “Quy định về tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học”.

Kết cấu chương trình gồm 4 phần chính:

Phần I:Mục tiêu, thời gian, thời điểm thực hiện

PhầnII:Nội dung các học phần và chương trình (Theo thông tư số: 05/2020/TT- BGDĐ về chương trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh ngày 18 tháng 03 năm 2020 cuả Bộ trưởng Bộ GDĐT)

+ Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CSVN

+ Học phần II: Công tác quốc phòng và an ninh

+ Học phần III: Quân sự chung

+ Học phần IV: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

Phần III:Tổ chức thực hiện chương trình, phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập.

* 1. **Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất thiết bị dạy học**

1. Đội ngũ giảng viên

Giảng viên cơ hữu của nhà trường đảm nhiệm.

1. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học

Cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường được xây dựng đảm bảo theo qui định của Bộ GD&ĐT.

* 1. **Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả**

Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học GDQP&AN được qui định trong Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 08/09/2015 Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học GDQP&AN trong các cơ sở nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học

Một số nội dung chủ yếu sau:

1. Hình thức tổ chức dạy học: Học tập trung tại trường.
2. Khi học GDQP&AN sinh viên phải mang mặc gọn gàng, thống nhất theo qui định;Tuyệt đối chấp hành các qui định, qui tắc bảo đảm an toàn về người, vũ khí, trang thiết bị.

* Điều kiện để được dự thi từng học phần:

+ Chấp hành nghiêm kỷ luật học tập.

+ Tham gia học đủ thời gian theo qui định.

1. Điều kiện được cấp chứng chỉ GDQP&AN

* Mỗi sinh viên phải dự thi đủ các học phần theo qui định.
* Điểm thi mỗi học phần đạt từ 5 điểm trở lên.
* Không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
* Chứng chỉ GDQP&AN được ghi kết quả xếp loại.
* Chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh là một trong những điều kiện để xét tốt nghiệp.

**KẾT LUẬN**

GDQP&AN cho sinh viên là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện để sẵn sàng thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược : Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Do vậy sinh viên cần xác định thái độ, động cơ học tập đúng đắn, phấn đấu đạt kết quả cao nhất trong quá trình học tập.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

Câu 1. Đối tượng nghiên cứu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh?

Câu 2. Quá trình nghiên cứu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh phải nắm vững và vận dụng đúng đắn các quan điểm tiếp cận khoa học nào?

Câu 3: Các phương pháp nghiên cứu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh?

**BÀI 2: QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH, QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC**

**MỞ ĐẦU**

Xuất phát từ quan điểm của giai cấp vô sản, lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng, kế thừa và phát triển toàn diện những tư tưởng tiến bộ của nhân loại về các hiện tượng Chiến tranh Quân đội. Mác, Ph.Ăng-ghen đặt nền móng cho toàn bộ học thuyết về chiến tranh, quân đội của giai cấp vô sản, đưa học thuyết trở thành khoa học, chỉ ra thế giới quan, phương pháp luận đúng đắn cho giai cấp vô sản và loài người tiến bộ, trong nhận thức và hoạt động thực tiễn tiến hành chiến tranh cách mạng và tổ chức xây dựng quân đội cách mạng.

Thời đại V.I.Lênin, chủ nghĩa tư bản phát triển đến giai đoạn tột cùng là chủ nghĩa đế quốc. Cuộc cách mạng tháng 10 Nga thắng lợi, nhà nước XHCN đầu tiên ra đời đã mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Trong điều kiện lịch sử mới. V.I.Lênin đã kế tục, bảo vệ, bổ sung, phát triển nhiều luận điểm mới, hoàn chỉnh học thuyết Mác-Lê Nin về Chiến tranh Quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Trung thành với học thuyết Mác - Lê Nin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng phát triển sáng tạo lý luận về chiến tranh, quân đội nhân dân và quốc phòng toàn dân, phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn Việt Nam.

Trong tình hình hiện nay, việc nghiên cứu và quán triệt những quan điểm cơ bản của học thuyết Mác - Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và tư duy mới của Đảng ta về chiến tranh, quân đội & bảo vẽ Tổ quốc XHCN có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đó là cơ sở phương pháp luận trực tiếp cho việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh nhằm bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam XHCN.

1. **QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍMINH VỀ CHIẾN TRANH**
2. **Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh**
3. **Chiến tranh là một hiện tượng chính trị xã hội**

+ C.Ph.Claudơvít (1780 - 1831): Chiến tranh là một hành vi bạo lực dùng để buộc đối phương phục tùng ý chí của mình. Chiến tranh là sự huy động sức mạnh không hạn độ, sức mạnh đến tột cùng của các bên tham chiến.

Ở đây, C.Ph.Claudơvít đã chỉ ra được đặc trưng cơ bản của chiến tranh đó là sử dụng bạo lực. Tuy nhiên, chưa luận giải được bản chất của hành vi bạo lực ấy.

+ Chủ nghĩa Mác-Lênin: Chiến tranh là kết quả của những quan hệ giữa người với người trong xã hội. Nhưng nó không phải những mối quan hệ giữa người với người nói chung, mà là mối quan hệ giữa những tập đoàn người có lợi ích cơ bản đổi lập nhau.

Khác với các hiện tượng chính trị-xã hội khác, chiến tranh được thể hiện dưới một hình thức đặc biệt, sử dụng một công cụ đặc biệt đó là bạo lực vũ trang.

+ Tại sao gọi chiến tranh là một hiện tượng chính trị xã hội

Bởi vì chiến tranh là một hiện tượng xảy ra trong xã hội và mang tính chính trị.

Nó có thể sinh ra và có thể mất đi

1. **Nguồn gốc nảy sinh chiến tranh**

C.Mác và Ph.Ăngghen lần đầu tiên trong lịch sử đã luận giải một cách đúng đắn về nguồn gốc nảy sinh chiến tranh.

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định: Sự xuất hiện và tồn tại của chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất là nguồn gốc sâu xa (nguồn gốc kinh tế), suy đến cùng đã dẫn đến sự xuất hiện, tồn tại của chiến tranh. Đồng thời, sự xuất hiện và tồn tại của giai cấp là nguồn gốc trực tiếp (nguồn gốc xã hội) dẫn đến sự xuất hiện, tồn tại của chiến tranh.

Trong tácphẩm: **“**Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”, Ph.Ăngghen chỉ rõ: Trải qua hàng vạn năm trong chế độ cộng sản nguyên thủy, khi chưa có chế độ tư hữu, chưa có giai cấp đối kháng thì chiến tranh với tính cách là một hiện tượng chính trị xã hội cũng chưa xuất hiện.

Theo đó, Ph. Ăngghen chỉ rõ, khi chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất xuất hiện và cùng với nó là sự ra đời của giai cấp, tầng lớp áp bức bóc lột thì chiến tranh ra đời và tồn tại như một tất yếu khách quan. Chế độ áp bức bóc lột càng hoàn thiện thì chiến tranh càng phát triển. Chiến tranh trở thành “bạn đường” của mọi chế độ tư hữu.

Phát triển những luận điểm của C. Mác, Ph.Ăngghen về chiến tranh trong điều kiện lịch sử mới, V.I. Lênin chỉ rõ trong thời đại ngày nay còn chủ nghĩa đế quốc còn nguy cơ xảy ra chiến tranh, chiến tranh là bạn đường của chủ nghĩa đế quốc.

Như vậy, chiến tranh có nguồn gốc từ chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, có đối kháng giai cấp và áp bức, bóc lột, chiến tranh không phải là một định mệnh gắn liền với con người và xã hội loài người. Muốn xóa bỏ chiến tranh phải xóa bỏ nguồn gốc sinh ra nó.

1. **Bản chất của chiến tranh**

Theo V.I. Lênin: “chiến tranh là sự tiếp tục của chính trị bằng những biện pháp khác” (cụ thể là bằng bạo lực). Theo V.I. Lênin, khi phân tích bản chất chiến tranh, nhất thiết phải có quan điểm chính trị - giai cấp, xem chiến tranh là một hiện tượng lịch sử cụ thể.

+ Giữa chiến tranh và chính trị có quan hệ chặt chẽ với nhau trong đó chính trị chi phối và quyết định toàn bộ tiến trình và kết cục chiến tranh.

+ Ngược lại, chiến tranh là một bộ phận, một phương tiện của chính trị, là một kết quả phản ánh những cố gắng cao nhất của chính trị.

+ Chiến tranh có thể làm thay đổi đường lối, chính sách, nhiệm vụ cụ thể thậm chí có thể còn thay đổi cả thành phần của lực lượng lãnh đạo chính trị trong các bên tham chiến.

Đường lối chính trị của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch vẫn luôn chứa đựng nguy cơ chiến tranh, đường lối đó đã quyết định đến mục tiêu chiến tranh, tổ chức biên chế, phương thức tác chiến, vũ khí trang bị của quân đội do chúng tổ chức ra và nuôi dưỡng

**Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh**

1. **Hồ Chí Minh đánh giá đúng bản chất, quy luật, tác động của chiến tranh đến đời sống xã hội Việt Nam**

Khi nói về bản chất của chủ nghĩa đế quốc, Hồ Chí Minh đã khái quát bằng hình ảnh “con đĩa hai vòi”, một vòi hút máu nhân dân lao động chính quốc, một vòi hút máu nhân dân lao động thuộc địa. Trong hội nghị Véc-xây, Hồ Chí Minh đã vạch trần bản chất, bộ mặt thật của sự xâm lược thuộc địa và chiến tranh cướp bóc của chủ nghĩa thực dân Pháp. “Người Pháp khai hóa văn minh bằng rượu lậu, thuốc phiện”.

Nói về mục đích cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Người khẳng định: “Ta chỉ giữ gìn non sông, đất nước của ta. Chỉ chiến đấu cho quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Còn thực dân phản động Pháp thì mong ăn cướp nước ta, mong bắt dân ta làm nô lệ”

Như vậy, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, cuộc chiến tranh do thực dân Pháp tiến hành ở nước ta là cuộc chiến tranh xâm lược. Ngược lại cuộc chiến tranh của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược là cuộc chiến tranh nhằm bảo vệ độc lập chủ quyền và thống nhất đất nước.

1. **Hồ Chí Minh xác định tính chất xã hội của chiến tranh**

Trên cơ sở mục đích chính trị của chiến tranh, Hồ Chí Minh đã xác định tính chất xã hội của chiến tranh, chiến tranh xâm lược là phi nghĩa, chiến tranh chống xâm lược là chính nghĩa, từ đó xác định thái độ của chúng ta là ủng hộ chiến tranh chính nghĩa, phản đối chiến tranh phi nghĩa.

Người khẳng định: “Chế độ thực dân, tự bản thân nó đã là một hành động bạo lực, độc lập tự do không thể cầu xin mà có được, phải dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền”.

Bạo lực cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, được tạo bởi sức mạnh của toàn dân, bằng cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

1. **Hồ Chí Minh khẳng định: Chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta là chiến tranh nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng**

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi con người là nhân tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh.

Chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng là cuộc chiến tranh toàn dân, phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

+ Tư tưởng của người được thể hiện rõ nét trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp 19/12/1946: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc…, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”.

+ Để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, Người tiếp tục khẳng định: “Ba mươi mốt triệu đồng bào ta ở cả hai miền, bất kỳ già trẻ, gái trai, phải là ba mươi mốt triệu chiến sỹ anh dũng diệt Mỹ cứu nước, quyết giành thắng lợi cuối cùng”.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đánh giặc phải bằng sức mạnh của toàn dân, trong đó phải có lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kháng chiến toàn dân phải đi đôi với kháng chiến toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, đánh địch trên tất cả các mặt trận: Quân sự; chính trị; kinh tế; văn hóa...

1. **QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ QUÂN ĐỘI**
2. **Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về quân đội**
3. **Khái niệm quân đội**

Theo Ph. Ăngghen: “Quân đội là một tập đoàn người vũ trang, có tổ chức do nhà nước xây dựng để dùng vào cuộc chiến tranh tiến công hoặc chiến tranh phòng ngự”.

1. **Nguồn gốc ra đời của quân đội**

Từ khi quân đội xuất hiện đến nay, đã có không ítnhàlý luận đề cập đến nguồn gốc, bản chất của quân đội trên các khía cạnh khác nhau. Nhưng chỉ có chủ nghĩa Mác-Lê nin mới lý giải đúng đắn và khoa học về hiện tượng chính trị xã hội đặc thù này.

Chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định: Quân đội là một hiện tượng lịch sử, ra đời trong giai đoạn phát triển nhất định của xã hội loài người, khi xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự đối kháng giai cấp trong xã hội. Chính chế độ tư hữu và đối kháng giai cấp đã làm nảy sinh nhà nước thống trị bóc lột. Để bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị và đàn áp quân chúng nhân dân lao động, giai cấp thống trị đã tổ chức ra lực lượng vũ trang thường trực làm công cụ bạo lực của nhà nước.

Như vậy, chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự phân chia xã hội thành giai cấp đối kháng là nguồn gốc ra đời của quân đội.

Chừng nào còn chế độ tư hữu, còn chế độ áp bức bóc lột thì quân đội vẫn còn tồn tại. Quân đội chỉ mất đi khi giai cấp, nhà nước và những điều kiện sinh ra nó tiêu vong.

1. **Bản chất giai cấp của Quân đội**

Bản chất giai cấp của quân đội phụ thuộc vào bản chất giai cấp của nhà nước đã tổ chức ra quân đội đó. Quân đội do giai cấp, nhà nước tổ chức, nuôi dưỡng và xây dựng theo đường lối, quan điểm chính trị, quân sự của giai cấp mình. Đó là cơ sở để quân đội trung thành với nhà nước, giai cấp đã tổ chức ra nó.

Bản chất giai cấp của quân đội không phải tự phát hình thành mà phải trải qua quá trình xây dựng lâu dài và được củng cố liên tục. Bản chất giai cấp của quân đội là tương đối ổn định nhưng không phải là bất biến. Bị chi phối bởi nhiều yếu tố như: giai cấp, nhà nước, các lực lượng, tổ chức chính trị xã hội và việc giải quyết các mối quan hệ trong nội bộ trong quân đội.

Trong tình hình hiện nay, các học giả tư sản thường rêu rao luận điếm “Phi chính trị hóa quân đội”, cho quân đội phải đứng ngoài chính trị, quân đội là công cụ bạo lực của toàn xã hội, không mang bản chất giai cấp.

+ Thực chất quan điểm “phi chính trị hóa quân đội”của các học giả tư sản nhằm làm suy yếu sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, làm giảm sức mạnh chiến đấu, từng bước làm thoái hóa về chính trị tư tưởng, phai nhạt bản chất cách mạng của quân đội. Đó là một mục tiêu quan trọng trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc.

+ Mặt khác, mặt trái của nền kinh tế thị trường tác động không nhỏ tới tăng cường bản chất giai cấp công nhân, bản chất cách mạng của quân đội. Những biểu hiện cường điệu lợi ích vật chất, lề thói thực dụng, cơ hội về chính trị, sự suy giảm về đạo đức cách mạng là những cản trở trong xây dựng quân đội cách mạng hiện nay.

1. **Sức mạnh chiến đấu của Quân đội**

Theo quan điểm của C.Mác và Ph. Ăngghen, sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Con người, điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, vũ khí trang bị, khoa học quân sự, trong xây dựng chiến đấu cho quân đội, các Ông rất chú trọng đến khâu đào tạo đội ngũ cán bộ, đánh giá và nhận xét về tài năng của các tướng lĩnh quân sự, đồng thời phê phán sự yếu kém của đội ngũ này.

V.I.Lênin đã chỉ rõ sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Yếu tố quân số, tổ chức, cơ cấu biên chế; yếu tố chính trị - tinh thần và kỷ luật; số lượng, chất lượng vũ khí trang bị kỹ thuật; trình độ huấn luyện và thể lực; trình độ khoa hoc và nghệ thuật quân sự; bản lĩnh lãnh đạo, trình độ tổ chức chỉ huy của cán bộ các cấp.

Giữa các yếu tố trên có mối quan hệ biện chứng với nhau. Tuy nhiên, vị trí, vai trò của từng yếu tố là không ngang bằng nhau, trong những điều kiện xác định, yếu tố chính trị tinh thần giữ vai trò quyết định đến sức mạnh chiến đấu của quân đội. V.I.Lênin khẳng định: “Trong mọi cuộc chiến tranh rốt cuộc thắng lợi đều tùy thuộc vào tinh thần của quần chúng đang đổ máu trên chiến trường”

1. **Nguyên tắc xây dựng quân đội kiểu mới của V.I.Lênin**

V.I.Lênin đã chỉ ra những nguyên tắc cơ bản trong xây dựng quân đội kiểu mới: Đảng cộng sản lãnh đạo Hồng quân tăng cường bản chất giai cấp công nhân; đoàn kết thống nhất quân đội với nhân dân; trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản; xây dựng chính quy; không ngừng hoàn thiện cơ cấu tổ chức; phát triển hài hòa các quân chủng; binh chủng; sẵn sàng chiến đấu. Trong đó sự lãnh đạo của Đảng cộng sản là nguyên tắc quan trọng nhất quyết định đến sức mạnh, sự tồn tại, phát triển, chiến đấu, chiến thắng của Hồng quân.

Ngày nay, những nguyên tắc cơ bản về xây dựng quân đội kiểu mới của V.I.Lênin vẫn giữ nguyên giá trị, là cơ sở lý luận khoa học cho các Đảng cộng sản xác định phương hướng tổ chức xây dựng quân đội của mình.

1. **Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội**

Hồ Chí Minh khẳng định sự ra đời của quân đội là một tất yếu, là vấn đề có tính quy luật trong đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc ở Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ mối quan hệ biện chứng giữa sự ra đời của quân đội với sự nghiệp giải phóng giai cấp và giải phóng dân tộc. Người viết: “Dân tộc Việt Nam nhất định phải được giải phóng. Muốn đánh chúng phải có lực lượng quân sự, phải có tổ chức"

Ngày 22-12-1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân-tiền thân của quân đội ta hiện nay được thành lập.

Để thực hiện được mục tiêu cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam đã tổ chức ra lực lượng vũ trang cách mạng làm nòng cốt cho cuộc đấu tranh giai cấp, dân tộc mà tiền thân của nó là những đội xích vệ đỏ, du kích vũ trang, sau đó phát triển thành quân đội nhân dân.

+ Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng vũ trang cách mạng của giai cấp công nhân và quần chúng lao động, đấu tranh với kẻ thù giai cấp và kẻ thù dân tộc.

+ Quá trình xây dựng chiến đấu và trưởng thành của quân đội ta luôn luôn gắn liền với phong trào cách mạng của quần chúng, với các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc xã hội Chủ nghĩa. Chính từ thực tiễn phong trào cách mạng của quần chúng, những thăng trầm của chiến tranh, những thử thách ác liệt cùng với những hi sinh to lớn mà phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” được rèn luyện, kiểm nghiệm nghiêm ngặt nhất và được phát triển lên những đỉnh cao.

1. **Quân đội nhân dân Việt Nam mang bản chất của giai cấp công nhân**

Với cương vị là người tổ chức, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện quân đội ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên coi trọng bản chất giai cấp công nhân liên hệ mật thiết với tính nhân dân trong tiến hành chiến tranh nhân dân chống thực dân, đế quốc xâm lược.

Trong xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến giáo dục, nuôi dưỡng các phẩm chất cách mạng, bản lĩnh chính trị và coi đó là cơ sở, nền tảng để xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện.

+ Trong bài nói chuyện tại buổi chiêu đãi mừng quân đội ta tròn hai mươi tuổi ngày 22-12-1964, một lần nữa Chủ tịch Hồ Chí Minh lại khẳng định, “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì Chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”.

Quân đội nhân dân Việt Nam được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp tổ chức lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện, được nhân dân hết lòng yêu thương, đùm bọc, đồng thời được kế thừa những truyền thống tốt đẹp của dân.

Do đó, ngay từ khi ra đời và trong suốt quá trình phát triển, quân đội ta luôn thực sự là một quân đội kiểu mới mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, đồng thời có tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc.

1. **Khẳng định quân đội ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu**

Đây là một trong những cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phát triển lý luật về quân đội. Trong bài Tình đoàn kết quân dân ngày càng thêm bền chặt ngày 3-3-1952, Người viết: “Quân đội ta là quân đội nhân dân. Nghĩa là con em ruột thịt của nhân dân. Đánh giặc để giành lại độc lập thống nhất cho Tổ quốc, để bảo vệ tự do, hạnh phúc của nhân dân. Ngoài lợi ích của nhân dân, quân đội ta không có lợi ích nào khác”.

1. **Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với quân đội**

Đảng cộng sản Việt Nam -Người tổ chức lãnh đạo giáo dục và rèn luyện quân đội-là nhân tố quyết định sự hình thành và phát triển bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta.

Cơ chế lãnh đạo của Đảng: Tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội trong thực hiện chế độ công tác Đảng, công tác chính trị. Nhờ đó, quân đội nhân dân Việt Nan trở thành một quân đội kiểu mới mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân.

Thành tựu to lớn trong tăng cường bản chất giai cấp công nhân cho quân đội ta là, Đảng đã đào tạo lên những thế hệ “Bộ đội Cụ Hồ”, một mẫu hình mới của con người xã hội chủ nghĩa trong quân đội kiểu mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Quân đội ta có sức mạnh vô địch vì nó là một quân đội nhân dân do Đảng ta xây dựng, Đảng ta lãnh đạo và giáo dục.

1. **Nhiệm vụ và chức năng cơ bản của quân đội**

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Hiện nay quân đội ta có hai nhiệm vụ chính. Một là, xây dựng một đội quân ngày càng hùng mạnh và sẵn sàng chiến đấu. Hai là, thiết thực tham gia lao động sản xuất góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội'”.

Nhiệm vụ của quân đội ta hiện nay là :

+ Luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ

nghĩa.

+ Quân đội phải tham gia vào nhiệm vụ xây đựng đất nước, sản xuất ra của cải

vật chất.

+ Tiến hành công tác huấn luyện.

Đây là vấn đề khác về chất so với quân đội của giai cấp bóc lột.

Quân đội ta có ba chức năng: Ba chức năng đó phản ánh cả mặt đối nội, đối ngoại của quân đội.

+ Là quân đội chiến đấu: Với tư cách là đội quân chiến đấu, quân đội luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần bảo vệ trật tự an toàn xã hội, tham gia vào cuộc tiến công địch trên mặt trận lý luận, chính trị - tư tưởng, văn hóa

+ Là đội quân công tác: qụân đội tham gia vận động quần chúng nhân dân xây dựng cơ sở chính trị-xã hội vững mạnh, góp phần tăng cường sự đoàn kết giữa Đảng với nhân dân, quân đội với nhân dân; giúp dân chống thiên tai, giải quyết khó khăn trong sản xuất và đời sống,tuyên truyền vận động nhân dân hiểu rõ và chấp hành đúng đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

+ Là đội quân sản xuất: quân đội tăng gia sản xuất cải thiện đời sống, xây dựng kinh tế, góp phần xây dựng, phát triển đất nước, trong điều kiện hiện nay, quân đội còn

là lực lượng nòng cốt và xung kích trong xây dựng kinh tế-quốc phòng ở các địa bàn chiến lược, nhất là ở biên giới, biển đảo, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn gian khổ và ở những địa bàn có những tình huống phức tạp nảy sinh.

Thực tiễn hơn bảy mươi năm xây dựng, chiến đấu, trung thành của quân đội ta đã chứng minh: quân đội đã thực hiện đầy đủ và thực hiện xuất sắc ba chức năng trên cùng toàn Đảng, toàn dân lập nên những chiến công hiểm hách trong chiến tranh giải phóng dân tộc trước đây. Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

1. **QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.**
2. **Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa**
3. **Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan**

Xuất phát từ yêu cầu bảo vệ thành quả cách mạng của giai cấp công nhân là phải đẩy lùi sự tấn công của bọn phản cách mạng.

Xuất phát từ quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội phải đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa đế quốc.

Xuất phát từ bản chất, âm mưu của kẻ thù và thực tiễn cách mạng thế giới.

+ Sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, giai cấp tư sản trong nước tuy đã bị đánh đổ về mặt chính trị, nhưng chúng vẫn chưa từ bỏ tham vọng muốn quay trở lại địa vị thống trị đã mất. Do vậy, chúng tìm mọi cách liên kết với các phần tử phản động và chủ nghĩa tư bản bên ngoài hòng lật đổ chính quyền cách mạng còn non trẻ của giai cấp công nhân.

+ Từ khi chủ nghĩa xã hội phát triển thành hệ thống thế giới, sự chống phá của kẻ thù càng quyết liệt hơn. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là một tổn thất của phong trào cách mạng thế giới, song nó cũng để lại cho các nước xã hội chủ nghĩa những bài học đắt giá rằng: xây dựng chủ nghĩa xã hội phái luôn gắn liền với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Có như vậy, Tổ quốc xã hội chủ nghĩa mới tồn tại và phát triển.

Thực tiễn trên đây một lần nữa đã chứng minh cho luận điểm của V.I.Lênin rằng: giành chính quyền đã khó, nhưng giữ được chính quyền còn khó hơn.

1. **Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nghĩa vụ, trách nhiệm của toàn dân tộc**

V.I.Lênin chỉ rõ : bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ, là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, của giai cấp vô sản trong nước, nhân dân lao động và giai cấp vô sản thế giới có nghĩa vụ ủng hộ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

V.I.Lênin luôn lạc quan tin tưởng về sức mạnh bảo vệ Tổ quốc của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Người khẳng định:“ Không bao giờ người ta có thể chiến thắng được một dân tộc mà đa số công nhân và nông dân đã biết, đã cảm và trông thấy rằng họ bảo vệ chính quyền của mình, chính quyền Xô Viết, chính quyền của những người lao động, rằng họ bảo vệ sự nghiệp mà một khi thẳng lợi sẽ đảm bảo cho họ cũng

như con cái họ có khả năng hưởng thụ mọi thành quả văn hóa, mọi thành quả lao động của con người”.

1. **Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, phải thường xuyên tăng cường tiềm lực quốc phòng gắn với phát triển kinh tế-xã hội**

V.L.Lênin đã đưa ra nhiều biện pháp đề bảo vệ Tổ quốc như: củng cốchính quyền Xô Viết các cấp; bài trừ nội phản, tiêu diệt bọn bạch vệ; đẩy mạnh phát triển nền kinh tế-văn hóa, khoa học kĩ thuật, vận dụng đường lối đối ngoại khôn khéo, kiên định về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù; hết sức chăm lo xây dựng quân đội kiểu mới.

V.I.Lênin cùng Đảng Bôn xê vích Nga lãnh đạo nhân dân, tranh thủ thời gian hòa bình, xây dựng đất nước mạnh lên về mọi mặt, từng bước biến các tiềm lực thành sức mạnh hiện thực của nền quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

1. **Đảng cộng sản lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa**

V.I.Lênin chỉ ra rằng: Đảng cộng sản phải lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ

quốc.

Đảng phải đề ra chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình, có sáng kiến để

lôi kéo quần chúng và phải có đội ngũ đảng viên gương mẫu hi sinh.

Trong quân đội, chế độ chính ủy được thực hiện, cán bộ chính trị được lấy từ đại biểu ưu tú của công nông, thực chất đó là đại diện của Đảng, để thực hiện lãnh đạo của Đảng trong quân đội.

Đảng hướng dẫn, giám sát các hoạt động của các cấp, các nghành, các tổ chức xã hội, các đoàn thể nhân dân lao động. Sự lãnh đạo của Đảng là nguyên tắc cao nhất, là nguồn gốc sức mạnh vững chắc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

1. **Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa**
2. Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan

Tính tấtyếukhách quan của sự nghiệpbảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được Chủ tịch Hồ Chỉ Minh chi rõ:

+“Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Ý chí giữ nước của Người rất sâu sắc và kiên quyết. Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 19-12-1946, Người nói: “Chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ... Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!...”. Ngay sau khi cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, trước sự uy hiếp của thực dân đế quốc và bọn phản động tay sai, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Đảng đề ra nhiều biện pháp thiết thực, cụ thể để giữ vững chính quyền nhân dân cho kháng chiến lâu dài.

+ Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra một chân lí rằng: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi”.

+ Trước khi đi xa, trong Di chúc Người căn dặn: “ Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước có thể còn kéo dài, đồng bào ta có thể phải hi sinh nhiều của nhiều người. Dù saơ chúng ta phải quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ đến thắng lợi hoàn toàn”.

Ý chí quyết tâm giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

1. Mục tiêu Bảo vệ Tổ quốc là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi công dân

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi công dân Việt Nam.

+ Trong Bản Tuyên ngôn độc lập, Người khẳng định: “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy”. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta, Người kêu gọi: Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc.

+ Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Người kêu gọi nhân dân cả nước quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất Tổ quốc, cả nước đi lên xã hội chủ nghĩa.

1. Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhất quán quan điểm: Phát huy sức mạnh tổng hợp trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đó là sức mạnh của toàn dân tộc, toàn dân, của từng người dân, của các cấp, các nghành từ Trung ương đến cơ sở, là sức mạnh của các nhân tố chính trị, quân sự, kinh tế văn hóa - xã hội, sức mạnh truyền thống với hiện đại sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

So sánh về sức mạnh giữa chúng ta với quân xâm lược trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, Người phân tích: Chúng ta có chính nghĩa, có sức mạnh đoàn kết toàn dân từ Bắc đến Nam, có truyền thống đấu tranh bất khuất, lại có sự đồng tình ủng hộ rộng lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhân dân tiến bộ trên thế giới, chúng ta nhất định thắng.

Để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng quân đội nhân dân, coi đó là lực lượng chủ chốt để bảo vệ Tổ quốc.

Người căn dặn: Chúng ta phải xây dựng quân đội ngày càng hùng mạnh, sẵn sàng chiến đấu để giữ gìn hòa bình, bảo vệ đất nước, bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đảng ta là người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc, ngày nay toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, chúng ta cần thực hiện tốt một số nội dung chiến lược sau đây :

+ Một là, xây dựng tiềm lực toàn diện của đất nước, đặc biệt tiềm lực kinh tế, tạo ra thế và lực mới cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

+ Hai là, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng quân đội nhân dân và công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

+ Ba là, quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công, chủ động đánh thắng địch trong mọi hoàn cảnh, tình huống chiến tranh.

+ Bốn là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

**KẾT LUẬN**

Học thuyết Mác–Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa mang tính cách mạng và khoa học sâu sắc. Đó là cơ sở lí luận để các Đảng Cộng sản đề ra chủ trương, đường lối chiến lược xây dựng nền quốc phòng, an ninh, xây dựng lực lượng vũ trang và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn hiện nay tình hình thế giới, khu vực và trong nước đang có nhiều biến đổi và diễn biến phức tạp. Tuy nhiên cho đến nay những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc vẫn còn nguyên giá trị. Vì vậy, nghiên cứu và nắm vững những nội dung cơ bản trên, vận dụng sáng tạo vào thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay đang đặt ra có tính cấp thiết cả về lí luận và thực tiễn. Sinh viên là lớp trí thức trẻ, cần nghiên cứu nhận thức đúng đắn nội dung trên, xây dựng thế giới quan khoa học, niềm tin và trách nhiệm của mình để góp phần tích cực vào bảo vệ, phát triển những nội dung đó trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về nguồn gốc, bản chất chiến tranh ?
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội ?
3. Quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ?
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ?
5. Quan điểm chỉ đạo và một số giải pháp cơ bản của Đảng ta về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới ?

**BÀI 3: XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

**MỞ ĐẦU**

Nghị quyết Đại hội XII của Đảng cộng sản Việt Nam đã xác định: “Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, tranh thủ tối đa sự đồng tình ủng hộ của cộng đồng quốc tế, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN; bảo vệ công cuộc đổi mới, sự nghiệp CNH,HĐH, bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc; bảo vệ nền văn hóa dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, ANQG,TTATXH...”. Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc là nhiệm vụ hết sức lớn lao, nặng nề có liên quan trực tiếp đến an nguy của quốc gia. Đây là nhiệm vụ chủ đạo mang tính thường trực của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Vì vậy, việc nghiên cứu nắm vững quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước góp phần xây dựng nền QPTD và an ninh nhân dân vững chắc là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của toàn dân trong đó có sinh viên.

* 1. **VỊ TRÍ, ĐẶC TRƯNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN**

1. **Vị trí**
2. Một số khái niệm

Quốc phòng toàn dân là gì? là nền quốc phòng mang tính chất “vì dân, do dân, của dân”, phát triển theo phương hướng toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và ngày càng hiện đại, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước, sẵn sàng đánh bại mọi hành động xâm lược và bạo loạn lật đổ của các thể lực đế quốc, phản động, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Nền quốc phòng toàn dân là gì? “Nền quốc phòng toàn dân là sức mạnh quốc phòng của đất nước được xây đựng trên nền tảng nhân lực, vật lực, tinh thần mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường”.

An ninh nhân dân là gì? “Là sự nghiệp của toàn dân, do nhân dân tiến hành, lực lượng an ninh nhân dân làm nòng cốt dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Kết hợp phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng chuyên trách, nhằm đập tan mọi âm mưu và hành động xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, cùng với quốc phòng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nền an ninh nhân dân là gì? là sức mạnh về tinh thần, vật chất, sự đoàn kết và truyền thống dựng nước, giữ nước của toàn dân tộc được huy động vào sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, trong đó lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh nhân dân làm nòng cốt.

1. Vị trí

Là tạo ra sức mạnh để ngăn ngừa, đẩy lùi, đánh bại mọi âm mưu, hành động xâm hại đến mục tiêu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ

nghĩa.Đảng ta đã khẳng định: *“Trong khi đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta không một chút lơi lỏng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, luôn luôn coi trọng quốc phòng - an ninh, coi đó là nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ”.*

1. **Đặc trưng**
2. **Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân chỉ có mục đích duy nhất là tự vệ chính đáng**

Chúng ta xây dựng nền quốc phòng, an ninh, nhân dân vững mạnh là để tự vệ, chống lại thù trong, giặc ngoài, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân.

1. **Đó là nền quốc phòng, an ninh vì dân, của dân và do toàn thể nhân dân tiến hành**

Là thể hiện truyền thống, kinh nghiệm của dân tộc ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước.Cho phép ta huy động mọi người, mọi tổ chức, mọi lực lượng đều thực hiện xây dựng nền quốc phòng, an ninh và đấu tranh quốc phòng, an ninh.

1. **Đó là nền quốc phòng, an ninh có sức mạnh tổng hợp do nhiều yếu tố tạo**

**thành**

Như chính trị, kinh tế, văn hoá, tư tưởng, khoa học, quân sự, an ninh,... cả ở trong

nước, ngoài nước, của dân tộc và của thời đại, trong đó những yếu tố bên trong của dân tộc bao giờ cũng giữ vai trò quyết định.Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là cơ sở, tiền đề và là biện pháp để nhân dân đánh thắng kẻ thù xâm lược.

1. **Nền quốc phòng, an ninh nhân dân được xây đựng toàn diện và từng bước hiện đại**

Việc tạo ra sức mạnh quốc phòng, an ninh không chỉ ở sức mạnh quân sự, an ninh mà phải huy động được sức mạnh của toàn dân về mọi mặt chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế, văn hoá, khoa học. Phải kết hợp hữu cơ giữa quốc phòng, an ninh với các mặt hoạt động xây dựng đất nước, vói hoạt động đối ngoại.

Xây dựng nền quốc phòng, an ninh toàn diện phải đi đôi với xây dựng nền quốc phòng, an ninh hiện đại là một tất yếu khách quan. Xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân từng bước hiện đại. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh.

1. **Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với nền an ninh nhân dân**

Nền quốc phòng và nền an ninh nhân dân của chúng ta đều được xây dựng nhằm mục đích tự vệ, đều phải chống thù trong, giặc ngoài để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Giữa nền quốc phòng toàn dân với nền an ninh nhân dân chỉ khác nhau về phương thức tổ chức lực lượng, hoạt động cụ thể, theo mục tiêu cụ thể được phân công mà thôi.

Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng và an ninh phải thường xuyên và tiến hành đồng bộ, thống nhất từ trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch xây dựng, hoạt động của cả nước cũng như từng vùng, miền, địa phương, mọi nghành, mọi cấp.

* 1. **XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG, AN NINH NHÂN DÂN VỮNG MẠNH ĐỂ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

1. **Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân**

Tạo sức mạnh tổng hợp của đất nước sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức và quy mô.

Tạo thế chủ động cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tạo thế chủ động cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững ổn định chính trị, môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo hướng xã hội chủ nghĩa.

1. **Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân**

Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Lực lượng quốc phòng, an ninh là những con người, tổ chức và những cơ sở vật chất, tài chính đảm bảo cần các hoạt động đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh. Gồm lực lượng toàn dân (lực lượng chính trị) và lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Lực lượng chính trị bao gồm các tổ chức trong hệ thống chính trị các tổ chức chính trị-xã hội và những tổ chức khác trong đời sống xã hội đã được phép thành lập và quần chúng nhân dân.

+ Lực lượng vũ trang nhân dân bao gồm quân đội nhân dân, dânquân tự vệ, công an nhân dân.

Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh là xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

1. **Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh ngày càng vững mạnh**
2. **Tiềm lực quốc phòng, an ninh là khả năng nhân lực, vật lực, tài chính có thể huy động để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

Tiềm lực quốc phòng, an ninh được thể hiện ở trên tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội, nhưng tập trung ở tiềm lực chính trị, tinh thần; tiềm lực kinh tế; tiềm lực khoa học, công nghệ; tiềm lực quân sự, an ninh.

Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh là tập trung xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần; tiềm lực kinh tế; tiềm lực khoa học, công nghệ và xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh.

1. **Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần**

Là khả năng về chính trị tinh thần có thể huy động tạo nên sức mạnh để thực hiện ở năng lực của Đảng, quản lí điều hành của Nhà nước; ý chí, quyết tâm của nhân dân, của các lực lượng vũ trang nhân dân sẵn sàng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh bảo vệ Tổ quốc trong mọi điều kiện, hoàn cảnh, tình huống.

Vị trí: Tiềm lực chính trị tinh thần là nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh của quốc phòng, an ninh, có tác động to lớn đến hiệu quả xây dựng và sử dụng các tiềm lực khác, là cơ sở, nền tảng của tiềm lực quân sự, an ninh.

1. **Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần của nền quốc phòng toàn dân an ninh nhân dân cần tập trung**

+ Xây dựng tình yêu quê hương đất nước niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, quản lí của Nhà nước, đối với chế độ xã hội chủ nghĩa.

+ Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

+ Xây dựng khối đoàn kết toàn dân nâng cao cảnh giác cách mạng giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

+ Thực hiện tốt giáo dục quốc phòng, an ninh, giáo dục truyền thống yêu nước, đấu tranh chống ngoại xâm, xác định trách nhiệm sinh viên.

1. **Xây dựng tiềm lực kinh tế**

Tiềm lực kinh tế là khả năng về kinh tế của đất nước có thể khai thác, huy động nhằm phục vụ cho quốc phòng, an ninh.

Biểu hiện của tiềm lực kinh tế là ở nhân lực, vật lực, tài lực của quốc gia có thể huy động cho quốc phòng, an ninh và tính cơ động của nền kinh tế đất nước trong mọi điều kiện hoàn cảnh.

Vị Trí của tiềm lực kinh tế: Tạo sức mạnh vật chất là cơ sở vật chất của các tiềm lực khác.

Xây dựng tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là tạo khả năng về kinh tế của đất nước. Cụ thể là :

+ Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ.

+ Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế-xã hội tăng cường quốc phòng, an ninh; phát triển công nghiệp quốc phòng, trang bị kĩ thuật hiện đại cho quân đội và công an.

+ Kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế với cơ sở hạ tầng quốc phòng; không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho các lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Có kế hoạch chuyển nền kinh tế từ thời bình sang thời chiến, duy trì phát triển của nền kinh tế.

1. **Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ**

Tiềm lực khoa học, công nghệ là khả năng về khoa học (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội-nhân văn) và công nghệ quốc gia có thể khai thác, huy động để phục vụ cho quốc phòng, an ninh.

Biểu hiện của tiềm lực khoa học, công nghệ là ở số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học kĩ thuật, cơ sở vật chất kĩ thuật có thể huy động phục vụ cho quốc phòng, an ninh và năng lực ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học có thể đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh.

Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ là tạo nên khả năng về khoa học, công nghệ của quốc gia có thể khai thác, huy động phục vụ cho quốc phòng, an ninh.

Do đó, phải huy động tổng lực các khoa học, công nghệ quốc gia, trong đó khoa học quân sự, an ninh làm nòng cốt để nghiên cứu các vấn đề về quân sự, an ninh, về sửa chữa, cải tiến, sản xuất các loại vũ khí trang bị. Đồng thời phát hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học, kĩ thuật.

1. **Xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh**

Tiềm lực quân sự, an ninh là khả năng về vật chất và tinh thần có thể huy động tạo thành sức mạnh phục vụ cho nhiệm vụ quân sự, an ninh, cho chiến tranh.

Biểu hiện của tiềm lực quân sự, an ninh : được biểu hiện ở khả năng duy trì và không ngừng phát triển trình độ sẵn sàng chiến đấu, năng lực và sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân; nguồn dự trữ về sức người, sức của trên các lĩnh vực đời sống xã hội và nhân dân có thể huy động phục vụ cho nhiệm vụ quân sự, an ninh, cho chiến tranh.

Vị trí của tiềm lực quân sự, an ninh là nhân tố cơ bản, là biểu hiện tập trung, trực tiếp sức mạnh quân sự, an ninh của nhà nước giữ vai trò nòng cốt để bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.

Tiềm lực quân sự, an ninh được xây dựng trên nền tảng của các tiềm lực chính trị tinh thần, kinh tế, cần tập trung vào:

+ Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh toàn diện. Gắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước với quá trình tăng cường vũ khí trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ trong lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

+ Bố trí lực lượng luôn đáp ứng yêu cầu chuẩn bị cho đất nước về mọi mặt, sẵn sàng động viên thời chiến.

+ Tăng cường nghiên cứu khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc hiện nay và nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng.

1. **Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc**

Thế trận quốc phòng, an ninh là sự tổ chức, bố trí lực lượng, tiềm lực mọi mặt của đất nước và của toàn dân trên toàn bộ lãnh thổ theo yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

1. **Nội dung xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân**

* Phân vùng chiến lược về quốc phòng, an ninh kết hợp với vùng kinh tế trên cơ sở quy hoạch các vùng dân cư theo nguyên tắc bảo vệ đi đôi với xây dựng đất nước.
* Xây dựng hậu phương, tạo chỗ dựa vững chắc cho thế trận quốc phòng, an ninh. Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) tạo nền tảng của thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh, nhân dân.
* Triển khai các lực lượng trong thế trận: tổ chức phòng thủ dân sự, kết hợp cải tạo địa hình với xây dựng hạ tầng và các công trình quốc phòng, an ninh.
* **MỘT SỐ BIỆN PHÁP CHÍNH XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN**

1. **Thường xuyên thực hiện giáo dục quốc phòng, an ninh**

Thực hiện chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị và Nghị định 116/2007/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về giáo dục quốc phòng-an ninh. Nội dung giáo dục quốc phòng, an ninh phải toàn diện, coi trọng giáo dục truyền thống, tình yêu quê hương, đất nước, chế độ xã hội chủ nghĩa: nghĩa vụ công dân đối với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Âm mưu, thủ đoạn của địch; đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh. Làm cho mọi người, mọi tổ chức biết tự bảo vệ trước sự chống phá của các thế lực thù địch. Phải vận dụng nhiều hình thức, phương pháp giáo dục tuyên truyền để nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh.

1. **Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, trách nhiệm triển khai thực hiện của các cơ quan, tổ chức và nhân dân**

Cụ thể hoá các nội dung lãnh đạo về quốc phòng-an ninh và bổ sung cơ chế hoạt động của từng cấp, từng nghành, từng địa phương, đặc biệt chú trọng khi xử trí các tình huống phức tạp.

Điều chỉnh cơ cấu quản lí Nhà nước về quốc phòng, an ninh của bộ máy Nhà nước các cấp từ Trung ương đến cơ sở. Tổ chức phân công cán bộ chuyên trách để phát huy vai trò làm tham mưu trong tổ chức, thực hiện công tác quốc phòng, an ninh.

Chấp hành nghiêm Quy chế 107/2003/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ về phối hợp quân đội với công an và Nghị quyết 51-NQ/TW của bộ Chính trị về việc tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với chế độ chính uỷ, chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

1. **Nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân cho sinh viên trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân**

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là trách nhiệm của toàn dân. Mọi công dân, mọi tổ chức, lực lượng đều phải tham gia theo phạm vi và khả năng của mình.

Đối với sinh viên, phải tích cực học tập nâng cao trình độ hiểu biết về mọi mặt, nắm vững kiến thức quốc phòng, an ninh, nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch. Trên cơ sở đó, tự giác, tích cực luyện tập các kĩ năng quân sự, an ninh và chú động tham gia các hoạt động về quốc phòng, an ninh do nhà trường, xã, phường, thị trấn.

**KẾT LUẬN**

Để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN, yêu cầu khách quan là phải xây dựng nền QPTD và nền ANND vững mạnh. Đây là một chủ trương chiến lược của Đảng, Nhà nước, đồng thời cũng là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Phát huy trách nhiệm của sinh viên trong xây dựng nền QPTD, là nhiệm vụ hết sức quan trọng của cấp ủy, chính quyền và đoàn thể chính trị - xã hội ở địa phương. Đồng thời là trách nhiệm của công dân của sinh viên đối với ổn định và phát triển của quê hương đất nước.

Là sinh viên, cần nhận thức đầy đủ trách nhiệm, tích cực thực hiện và vận động các tín đồ thực hiện quan điểm chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền QPTD và nền ANND bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

Câu 1. Nêu vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Câu 2. Trình bày muc đích, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh. Liên hệ thực tiễn và trách nhiệm của bản thân.

**BÀI 4: CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

**MỞ ĐẦU**

Tiến hành chiến tranh nhân dân là một trong những quan điểm tư tưởng cơ bản trong đường lối quân sự của Đảng, là nghệ thuật, đồng thời cũng là quy luật giành thắng lợi trong chiến tranh của dân tộc ta.

Ngày nay trong điều kiện mới, chúng ta vẫn phải dựa vào sức mạnh của toàn dân, tiến hành chiến tranh toàn dân, toàn diện, đập tan mọi âm mưu của kẻ thù, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Để thực hiện được điều đó, phải nắm vững âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, nắm vững những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo trong chiến tranh, trên cơ sở đó vận dụng linh hoạt các hình thức, phương pháp tác chiến phù hợp mới có hiệu quả.

Nghiên cứu về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là vấn đề hết sức cần thiết đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta hiện nay, nhằm góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam XHCN trong tình hình mới.

* 1. **NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC**

1. **Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc**
2. **Mục đích của chiến tranh nhân dân**

Chiến tranh nhân dân Viêt Nam là quá trình sử dụng tiềm lực của đất nước, nhất là tiềm lực quốc phòng an ninh, nhằm đánh bại ý đồ xâm lược lật đổ của kẻ thù đối với cách mạng nước ta.

Mục đích: “Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước - bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”.

1. **Đối tượng tác chiến của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc**

Đối tượng tác chiến. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động có hành động phá hoại, xâm lược lật đổ cách mạng, hiện nay chúng thực hiện chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ để xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở nước ta và sẵn sàng sử dụng lực lượng vũ trang hành động quân sự can thiệp khi có thời cơ. (Không được mơ hồ hiện nay Mỹ vẫn là đối tượng tác chiến của chúng ta)

Âm mưu, thủ đoạn chủ yếu của kẻ thù khi xâm lược nước ta:

+ Thực hiện đánh nhanh, thắng nhanh, kết hợp tiến công quân sự từ bên ngoài vào với hành động bạo loạn lật đổ từ bên trong; đồng thời kết hợp với các biện pháp phi vũ trang để lừa bịp dư luận.

+ Lực lượng tham gia với quân đông, vũ khí trang bị hiện đại.

+ Khi tiến công thường trong giai đoạn đầu sẽ bao vây, phong tỏa, sau sử dụng hỏa lực đánh bất ngờ, ồ ạt. Giai đoạn thực hành thôn tính lãnh thổ có thể đồng thời hỗ trợ bạo loạn lật đổ ở bên trong của các lực lượng phản động và sử dụng các biện pháp chính trị, ngoại giao để lừa bịp dư luận.

Khi tiến hành chiến tranh xâm lược, địch có điểm mạnh, yếu sau:

+ Mạnh : Có thể tuyệt đối về sức mạnh quân sự, kinh tế và tiềm lực khoa học công nghệ. Có thể cấu kết được với lực lượng phản động nội địa, thực hiện trong đánh ra, ngoài đánh vào.

+ Yếu : Đây là cuộc chiến tranh phi nghĩa, chắc chắn bị nhân loại phản đối. Dân tộc ta có truyền thống yêu nước, chống xâm lược, chắc chắn sẽ làm cho chúng bị tổn thất nặng nề, đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của địch. Địa hình thời tiết nước ta phức tạp khó khăn cho địch sử dụng phương tiện, lực lượng.

1. **Tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân Việt Nam bảo vệ Tổ quốc**
2. **Tính chất**

Là cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, lấy lực lượng vũ trang ba thứ làm nòng cốt, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Là cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ cách mạng, nhằm bảo vệ độc lập tự do của dân tộc, bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹnlãnh thổ của đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân và mọi thành quả của cách mạng.

Là cuộc chiến tranh mang tính hiện đại (hiện đại về vũ khí, trang bị, tri thức và nghệ thuật quân sự).

1. **Đặc điểm**

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới có những đặc điểm cơ bản như sau:

Trong bối cảnh quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, chứng ta tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, nhằm góp phần thực hiện những mục tiêu lớn của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Do vậy, chúng ta có thể tập hợp, động viên và phát huy cao độ, đông đảo được sức mạnh của toàn dân, chung sức đánh giặc.

Trong cuộc chiến tranh, nhân dân ta phải bảo vệ được độc lập thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, cuộc chiến tranh mang tính độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính, nhưng đồng thời cũng được sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của cả loài người tiến bộ trên thế giới, tạo sức mạnh tổng hợp của quốc gia và quốc tế, dân tộc và thời đại để đánh thắng chiến tranh xâm lược của kẻ thù.

Chiến tranh diễn ra khẩn trương, quyết liệt phức tạp ngay từ đầu và trong suốt quá trình chiến tranh.Tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta, địch sẽ thực hiện phương châm chiến lược đánh nhanh, giải quyết nhanh. Quy mô chiến tranh có thể lớn và ác liệt ngay từ đầu. Kết hợp tiến công hỏa lực với tiến công trên bộ, tiến công từ bên ngoài kết hợp với bạo loạn lật đổ ở bên trong và bao vây phong tỏa đường không, đường biển và đường bộ để nhằm tới mục tiêu chiến lược trong thời gian ngắn.

Hình thái đất nước được chuẩn bị sẵn sàng, thế trận quốc phòng, an ninh nhân dân ngày càng được củng cố vững chắc, có điều kiện để phát huy sức mạnh tổng hợp chủ động đánh địch ngay từ ngày đầu và lâu dài.

**QUAN ĐIẾM CỦA ĐẢNG TRONG CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC**

Từ trong thực tiễn, Đảng ta nhận định: Trong một vài thập kỉ tới ít có khả năng xảy chiến tranh thế giới. Nhưng chiến tranh cục bộ xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ còn xảy ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp. Nếu đất nước phải đối mặt với một cuộc chiến tranh xâm lược mới của kẻ thù chúng ta cần nắm vững một số quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

* + 1. **Tiến bành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực**

1. **Vị trí**

Đây là quan điểm cơ bản xuyên suốt, thể hiện tính nhân dân sâu sắc trong chiến tranh. Khẳng định, đây là cuộc chiến tranh của dân, do dân và vì dân với tinh thần đầy đủ nhất. Là điều kiện để phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp trong cuộc chiến tranh.

1. **Nội dung thể hiện**

Trong điều kiện mới, ta vẫn phải “lấy nhỏ thắng lớn”, “lấy ít địch nhiều” để đánh thắng những đội quân mạnh hơn ta gấp nhiều lần, Đảng ta không chỉ dựa vào lực lượng vũ trang mà phải dựa vào sức mạnh của toàn dân, tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc.

Động viên toàn dân đánh giặc. Đánh giặc bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, bằng những cách đánh độc đáo, sáng tạo.

Toàn dân đánh giặc phải có lực lượng nòng cốt là lực lượng vũ trang nhân dân gồm ba thứ quân dân quân tự vệ. bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực. Dân quân tự vệ làm nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc ở cơ sở, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ làm nòng cốt cho phong trào chiến tranh nhân dân ở địa phương. Bộ đội chủ lực cùng lực lượng vũ trang địa phương làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc trên chiến trường cả nước.

Tiến hành chiến tranh toàn dân, đó là truyền thống, đồng thời là quy luật giành thắng lợi trong chiến tranh dân tộc ta chống những kẻ thù xâm lược lớn mạnh hơn ta nhiều lần. Ngày nay, chúng ta phải kế thừa và phát huy truyền thống ấy lên một trình độ mới phù hợp với điều kiện mới, thực hiện, chiến tranh toàn dân đánh thắng cuộc tiến công xâm lược của địch.

1. **Biện pháp thực hiện**

Tăng cường giáo dục Quốc phòng cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ nói chung và sinh viên nói riêng.

Không ngừng chăm lo xây dựng các lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, đặc biệt là chất lượng chính trị

Không ngừng nghiên cứu nghệ thuật quân sự, nghiên cứu các cuộc chiến tranh gần đây ở trên thế giới để phát triển nghệ thuật quân sự lên một tầm cao mới. Xây dựng tỉnh (thành phố) thành khu vực phòng thủ vững chắc.

* + 1. **Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh**

1. **Vị trí**

Quan điểm trên có vai trò quan trọng, vừa mang tính chỉ đạo và hướng dẫn hành động cụ thể để giành thắng lợi trong chiến tranh.

1. **Nội dung**

Chiến tranh là một cuộc thử thách toàn diện đối với sức mạnh vật chất tinh thần của quốc gia. Để đánh bại chiến tranh tổng lực của địch, chúng ta phải đánh địch trên tất cả các mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, tư tưởng. Mỗi mặt trận đấu tranh đều có vị trí quan trọng của nó.

Tất cả các mặt trận đấu tranh trên phải kết hợp chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau và tạo điều kiện cho đấu tranh quân sự giành thắng lợi trên chiến trường.

Truyền thống và kinh nghiệm của cuộc chiến tranh giải phóng và giữ nước trong lịch sử ông cha ta cũng như dưới sự lãnh đạo của Đảng, chứng tỏ nhân dân ta đã tiến hành cuộc kháng chiến toàn diện, đấu tranh với địch trên nhiều mặt nhưng chủ yếu đã đánh địch và thắng địch trên mặt trận quân sự, nhờ đó mà nhân dân ta đã giành được thắng lợi, giành và giữ nền độc lập dân tộc.

1. **Biện pháp**

Đảng phải có đường lối chiến lược, sách lược đúng. Động viên sức mạnh của toàn dân tiến hành đấu tranh trên các mặt trận khi kẻ thù phát động chiến tranh xâm lược.

Phải vận dụng sáng tạo nhiều hình thức và biện pháp đấu tranh thích hợp trên từng mặt; đồng thời có nghệ thuật chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ các mặt trận đấu tranh trong từng giai đoạn cũng như quá trình phát triển của chiến tranh. Song, phải luôn quán triệt, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để kết thúc chiến tranh.

* + 1. **Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt**

Kẻ thù xâm lược nước ta là nước lớn, có quân đông, trang bị vũ khí, kĩ thuật cao, có tiềm lực kinh tế quân sự mạnh hơn ta nhiều lần.

Vì vậy, trước hết ta phải chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đánh được lâu dài, ra sức tạo thời cơ, nắm vững thời cơ, chủ động đối phó và giành thắng lợi càng sớm càng tốt. Ta kiên quyết ngăn chặn địch không cho chúng mở rộng để thu hẹp không gian chiến tranh. Mặt khác cũng phải chuẩn bị sẵn sàng để thắng địch trong điều kiện chiến tranh mở rộng.

* + 1. **Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh**

Đây là một kinh ngiệm đồng thời là truyền thống chống giặc ngoại xâm trước kia cũng như cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ.

Nếu chiến tranh xảy ra. Quy mô chiến tranh, thương vong về người, tiêu hao về vật chất kĩ thuật sẽ rất lớn, nhu cầu bảo đảm cho chiến tranh và ổn định đời sống nhân dân đòi hỏi cao và khẩn trương.

Muốn duy trì được sức mạnh để đánh thắng kẻ thù xâm lược, ta cần phải có tiềm lực kinh tế quân sự nhất định bảo đảm cho tác chiến giành thắng lợi

Vì vậy trong chiến tranh ta phải: vừa kháng chiến, vừa duy trì và đẩy mạnh sản xuất bảo đảm nhu cầu vật chất kĩ thuật cho chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân. Ta phải thực hành tiết kiệm trong xây dựng và tong chiến tranh, lấy của địch đánh địch, giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta, không ngừng tăng thêm tiềm lực của chiến tranh, càng đánh càng mạnh.

* + 1. **Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn**

Hiện nay kẻ địch đang đẩy mạnh chiến lược “ Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ để chống phá cách mạng nước ta.

Vì vậy, đi đôi với đấu tranh quân sự trên chiến trường, ta phải kịp thời trấn áp mọi âm mưu và hành động phá của địch ở hậu phương ta, bảo đảm an ninh chính trị. Giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc hậu phương, giữ vững sự chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng.

* + 1. **Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới**

Cuộc chiến tranh xâm lược của địch là tàn bạo và vô nhân đạo sẽ bị nhân dân tiến bộ trên thế giới phản đối.

Đoàn kết mở rộng quan hệ tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới, kể cả nhân dân nước có quân xâm lược.

* 1. **MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHIỂN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC**

1. **Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân**

Thế trận chiến tranh nhân dân là sự tổ chức bố trí lực lượng để tiến hành chiến tranh và hoạt động tác chiến.

Thế trận chiến tranh bố trí rộng trên cả nước nhưng phải có trọng tâm, trọng điểm. Xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh toàn diện, có khả năng, độc lập tác chiến, đồng thời phối hợp với bộ đội chủ lực và đơn vị bạn đánh địch, liên tục dài ngày, liên kết thành thế trận làng nước.

1. **Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân**

Lực lượng chiến tranh nhân dân là toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện lấy lực lượng vũ trang nhân dân gồm ba thứ quân làm nòng cốt.

Lực lượng toàn dân được tổ chức chặt chẽ thành lực lượng quần chúng rộng rãi và lực lượng quân sự.

Lực lượng vũ trang nhân dân được xây dựng vững mạnh toàn diện, coi trọng cả số lượng và chất lượng, trong đó lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở.

1. **Phối hợp chặt chẽ chống quân địch tiến công từ bên ngoài vào và bạo loạn lật đổ từ bên trong**

Kẻ thù xâm lược nước ta có thể sử dụng lực lượng tiến côngtừbên ngoài vào và bạo loạn lật đổ ở bên trong, đánh nhanh giải quyết nhanh, vì vậy buộc ta phải chủ động ngăn chặn ý đồ của chúng, không để kẻ địch cấu kết với nhau.

Trong quá trình chuẩn bị lực lượng vũ trang phải có kế hoạch, phương án chiến đấu và được quán triệt tới mọi người, kết hợp giải quyết tốt các tình huống chiến đấu diễn ra.

**KẾT LUẬN**

Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN chúng ta vẫn phải “lấy ít địch nhiều”, “lấy nhỏ đánh lớn”, chống lại kẻ thù xâm lược có tiềm lực kinh tế, quân sự lớn hơn ta nhiều lần. Con đường đi đến thắng lợi của nhân dân ta vẫn phải tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, đánh địch cả bằng quân sự, chính trị, ngoại giao... bằng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp lực lượng tại chỗ và lực lượng cơ động, đánh địch trên mọi địa bàn, mọi địa hình của đất nước ta.

Từ tính chất và đặc điểm của chiến tranh hiện nay, đòi hỏi chúng ta phải nắm vững và vận dụng sáng tạo những quan điểm cơ bản của Đảng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, để xây dựng phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Mục đích, tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc?
2. Quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN?
3. Tại sao phải tiến hành chiến tranh toàn dân, toàn diện?

**BÀI 5: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM**

**MỞ ĐẦU**

Lực lượng vũ trang nhân dân là các tổ chức vũ trang và bán vũ trang của nhân dân Việt Nam do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong bất cứ hoàn cảnh nào LLVT cũng là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành của Nhà nước và nhân dân. Là một bộ phận của lực lượng chính trị, từ nhân dân mà ra, do nhân dân nuôi dưỡng, vì nhân dân mà chiến đấu. Là công cụ bạo lực của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, làm nòng cốt trong chiến tranh giải phóng dân tộc, ngày nay là lực lượng nòng cốt của nền QPTD, ANND và CTND bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng LLVTND là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị.

1. **ĐẶC ĐIỂM VÀ QUAN ĐIỂM NGUYÊN TẮC CƠ BẢN XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN**
2. **Khái niệm**

Lực lượng vũ trang nhân dân là các tổ chức vũ trang và bán vũ trang của nhân dân Việt Nam do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lí, có nhiệm vụ “chiến đấu giành và giữ độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và những thành quả cách mạng, cùng toàn dân xây dựng đất nước. Là lực lượng xung kích trong khởi nghĩa toàn dân giành chính quyền, là lực lượng nòng cốt của quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân”.

Nội dung chủ yếu của khái niệm:

Là tổ chức vũ trang và bán vũ trang của nhân dân Việt Nam do Đảng cộng sản Việt nam lãnh đạo, Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lí.

Nhiệm vụ:

+ Chiến đấu giành và giữ độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

+ Bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và những thành quả cách mạng.

+ Cùng toàn dân xây dựng đất nước.

+ Là lực lượng nòng cốt trong khởi nghĩa giành chính quyền, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và chiến tranh nhân dân.

1. **Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân**

Cả nước đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá ta quyết liệt.

+ Đất nước đã hòa bình thống nhất, là điều kiện thuận lợi cho xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động đẩy mạnh chiến lược “Diễn biến hòa bình” chống phá cách mạng Việt Nam. Trong đó lực lượng vũ trang nhân dân là một trọng điểm, với mục tiêu là vô hiệu hóa, phi chính trị hóa lực lượng vũ trang nhân dân

Điều kiện quốc tế đã thay đổi, có nhiều diễn biến phức tạp.

Tình hình thế giới: Chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, Liên Xô sụp đổ (1991), phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới gặp nhiều khó khăn. Nhưng hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, chạy đua vũ trang (nhất là chạy đua vũ khí hạt nhân), hoạt động khủng bố, tranh chấp biên giới, tài nguyên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp.

Khu vực Đông Nam Á, vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố mất ổn định, các nước lớn đang tăng cường ảnh hưởng của mình để lôi kéo các nước ASEAN.

Sự nghiệp đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đất nước ta bước sang thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế thế giới toàn diện hơn.

Thuận lợi: Tiềm lực và vị thế của VN được tăng cường, Đảng có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đường lối độc lập tự chủ, sáng tạo. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước, đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Lực lượng vũ trang ta tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc, nhân dân. Đó là nền tảng vững chắc để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

Thách thức: Nước ta vẫn tồn tại những (nguy cơ) thách thức lớn mà Đại hội Đảng lần thứ X xác định: Tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới; chệch hướng XHCN, xa rời mục tiêu xã hội chủ nghĩa tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí là nghiêm trọng; các thế lực thù địch thực hiện chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ.

Hiện nay và trong những năm tới, chúng ta đang đứng trước nhiều vấn đề phải giải quyết, trong đó có mâu thuẫn chủ yếu là. Nhu cầu phải đầu tư cho quốc phòng-an ninh, cho xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ngày càng lớn và cấp thiết, nhưng khả năng của nền kinh tế, ngân sách nhà nước là rất hạn hẹp.

Thực trạng của lực lượng vũ trang nhân dân.

Lực lượng vũ trang nhân dân ta đã có bước trưởng thành lớn mạnh cả về bản lĩnh chính trị, chất lượng tổng hợp, trình độ chính quy, sức mạnh chiến đấu không ngừng được nâng lên.

Song trên thực tế cần tập trung tháo gỡ một số vấn đề.

+ Chất lượng chính trị, trình độ lí luận, tính nhạy bén, sắc sảo và bản lĩnh chính trị của không ít cán bộ, chiến sĩ chưa tương xứng với vị trí, yêu cầu, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

+ Khả năng chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân còn có những mặt hạn chế, chưa đáp ứng được các tình huống phức tạp(nếu xảy ra). Công tác huấn luyện, đào tạo cán bộ còn có những nội dung bất cập.

+ Trình độ chính quy của quân đội ta chưa đáp ứng được yêu cầu tác chiến hiện đại. Chấp hành kỷ luật của một bộ phận lực lượng vũ trangchuyển biến chậm.

+ Trang bị của lực lượng vũ trang còn lạc hậu và thiếu đồng bộ.

+ Vấn đề nghiên cứu phát triển hoàn thiện nền khoa học nghệthuật quân sự Việt Nam trong thời kì mới cần được tổ chức một cách khoa học, phối hợp chặt chẽ giữa viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và thực tiễn.

1. **Quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới**
2. **Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với lực lượng vũ trang nhân dân**

* Ý nghĩa: là quan điểm, nguyên tắc cơ bản nhất trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng đối với các lực lượng vũ trang sẽ quyết định bản chất cách mạng, mục tiêu, phương hướng chiến đấu, đường lối tổ chức và cơ chế hoạt động của lực lượng vũ trang nhân dân, bảo đảm nắm chắc quân đội trong mọi tình huống.
* Nội dung:

+ Đảng cộng sản Việt Nam độc tôn nắm quyền lãnh đạo lực lượng vũ trang nhân dân theo nguyên tắc “tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt”, Đảng không nhường hoặc chia sẻ quyền lãnh đạo cho bất cứ giai cấp, lực lượng, tổ chức nào. Đảng có hệ thống tổ chức từ Trung ương đến cơ sở, lãnh đạo mọi hoạt động của lực lượng vũ trang.

+ Đảng lãnh đạo theo hệ thống dọc, từ Bộ Quốc phòng đến các đơn vị cơ sở trong toàn quân. Trực tiếp lãnh đạo các đơn vị ở địa phương (bộ đội địa phương và dân quân tự vệ là các cấp ủy đảng ở địa phương).

+ Đảng lãnh đạo trên mọi hoạt động của lực lượng vũ trang nhân dân trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, tổ chức, cả trong xây dựng và chiến đấu.

1. **Tự lực, tự cường xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân**

* Là truyền thống, kinh nghiệm trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Thực tiễn xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong mấy chục năm qua.
* Nội dung: Tự lực, tự cường dựa vào sức mình để xây dựng, để giữ vững tính độc lập tự chủ.

1. **Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở**

* Xuất phát từ lí luận mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng. Truyền thống xây dựng lực lượng vũ trang của ông cha ta “binh quý hổ tinh, bất quý hổ đa”. Từ đòi hỏi yêu cầu cao của nhiệm vụ đối với lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Thực tiễn xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, Đảng ta luôn coi trọng xây dựng chất lượng, lấy chất lượng chính trị làm cơ sở. Do đó lực lượng vũ trang nhân dân của ta hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đảng Nhà nước giao cho.

+ Sự chống phá của kẻ thù trong chiến Lược “Diễn biến hòa hình” bạo loạn lật đổ nhằm phi chính trị hóa quân đội.

* Nội dung:

+ Nắm vững và giải quyết tốt mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng.

+ Nâng cao chất lượng là chính, đồng thời có số lượng phù hợp với tình hình nhiệm vụ và khả năng kinh tế của đất nước. Phải có cơ cấu hợp lí giữa các thứ quân, giữa lực lượng thường trực với lực lượng dự bị động viên.

+ Thường xuyên làm tốt công tác huấn luyện, diễn tập để nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân có chất lượng toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức.

1. **Bảo đảm lực lượng vũ trang nhân dân luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi**

Đây là quan điểm phản ánh chức năng, nhiệm vụ chủ yếu cơ bản, thường xuyên của lực lượng vũ trang nhân dân, có ý nghĩa quan trọng bảo đảm cho lực lượng vũ trang nhân dân chủ động đối phó kịp thời và thắng lợi trong mọi tình huống có thể xảy ra.

* Nội dung:

+ Lực lượng vũ trang nhân dân phải luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, đánh địch kịp thời, bảo vệ được mình, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống.

+ Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh về mọi mặt, duy trì và chấp hành nghiêm các chế độ, quy định về sẵn sàng chiến đấu, trực ban, trực chiến, trực chỉ huy.

1. **PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI**

Phương hướng chung:Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới xác định: “Tập trung xây dựng lực lượng quân đội, công an có bản lĩnh chính trị vững vàng lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc và nhân dân. Với tổ chức, biên chế, mức tăng đầu tư ngân sách hợp lí, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trực tiếp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. Đây là cơ sở để xác định phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang.

* 1. **Xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân theo hướng cách mạng, chính quy; tinh nhuệ; từng bước hiện đại; có một số quân, binh chủng tiến thẳng lên hiện đại**

1. **Xây dựng quân đội, công an cách mạng**
   * Vị Trí : Đây là vấn đề cơ bản hàng đầu trong nhiệm vụ xây dựng quân đội của Đảng trong mọi giai đoạn cách mạng
   * Nội dung:

+ Xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội, công an làm cho lực lượng này tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân.

+ Chấp hành mọi đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước.

+ Kiên định mục tiêu lí tưởng xã hội chủ nghĩa,vững vàng trước mọi khó khăn thử thách, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

+ Trước diễn biến tình hình phải phân biệt đúng sai.

+ Đoàn kết quân dân, đoàn kết nội bộ, đoàn kết quốc tế tốt.

+ Kỉ luật tự giác nghiêm minh, dân chủ rộng rãi.

* + Xây dựng quân đội, công an chính quy

Chính quy: Là thực hiện thống nhất về mọi mặt (tổ chức, biên chế, trang bị). Dựa trên những chế độ, điều lệnh quy định, đưa mọi mặt hoạt động của quân đội vào nề nếp. Nhằm thống nhất ý chí và hành động về chính trị, tư tưởng và tổ chức của mọi quân nhân, để tăng cường sức mạnh chiến đấu.

* + Nội dung: Thống nhất về bản chất cách mạng, mục tiêu chiến đấu, về ý chí quyết tâm, nguyên tắc xây dựng quân đội, công an về tổ chức biên chế trang bị. Thống nhất về quan điểm tư tưởng quân sự, nghệ thuật quân sự, về phương pháp huấn luyện giáo dục. Thống nhất về tổ chức thực hiện chức trách nề nếp chế độ chính quy, về quản lí bộ đội, quản lí trang bị.

1. **Xây dựng quân đội, công an tinh nhuệ**

Tinh nhuệ: Là biểu hiện mọi hoạt động của quân đội trên các lĩnh vực đạt hiệu quả cao

Nội dung: Được xây dựng toàn diện trên mọi lĩnh vực chính trị, tổ chức.

+ Tinh nhuệ về chính trị: Đứng trước diễn biến của tình hình, có khả năng phân tích và kết luận chính xác đúng, sai từ đó có thái độ đúng đắn với sự việc đó.

+Tinhnhuệ về tổ chức: Tổ chức gọn nhẹ nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao.

+ Tinh nhuệ về kĩ chiến thuật: Phải giỏi sử dụng các loại binh khí kĩ thuật hiện có, biết sử dụng trang bị vũ khí hiện đại. Giỏi các cách đánh, vận dụng mưu trí sáng tạo các hình thức chiến thuật.

1. **Xây dựng quân đội từng bước hiện đại**
   * Vị trí: Đi đôi với chính quy, tinh nhuệ phải tiếp tục từng bước hiện đại hóa quân đội về trang bị, vũ khí. Hiện đại hóa là một tất yếu, nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội, công an ta. (làm rõ tại sao phải từng bước hiện đại mà lại không hiện đại ngay)
   * Nội dung: Từng bước đổi mới vũ khí, trang bị kĩ thuật cho quân đội.

Xây dựng rèn luyện quân nhân có bản lĩnh trí tuệ và năng lực hành động, đáp ứng yêu cầu tác chiến hiện đại. Phát triển các quân binh chủng kĩ thuật; có nghệ thuật quân sự hiện đại, khoa học quân sự hiện đại; có hệ thống công nghiệp quốc phòng hiện đại, bảo đảm cho quân đội, công an hoạt động trong mọi điều kiện, tình huống.

1. **Một số quân, binh chủng tiến thẳng lên hiện đại**
   * Vị trí: Cùng với từng bước hiện đại LLVT thì đối với quân đội cần phải hiện đại ngay một số quân binh chủng để đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc, bắt kịp trình độ sẵng chiến đấu của các nước trên thế giới.
   * Nội dung: Xét trong tình hình hiện nay cần hiện đại nhanh các quân binh chủng như Không quân; Hải quân, ngoài ra thông tin liên lạc phải đi trước một bước.

Những nội dung trên là cả một quá trình phấn đấu lâu dài mới đạt được, hiện nay ta phải thực hiện bước đi: “từng bước” nghĩa là phải dần dần bằng khả năng của nền kinh tế và trình độ khoa học của đất nước. Quá trình hiện đại hóa quân đội phải gắn vói

quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, với từng bước phát triển công nghiệp quốc phòng, sản xuất mới vũ khí cần thiết.

* 1. **Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, huấn luyện và quản lý tốt, đảm bảo khi cần sẽ huy động nhanh chóng theo kế hoạch**
  + Lực lượng dự bị động viên là gì? Là gồm quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật đã xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội nhằm duy trì tiềm lực quân sự, là yếu tố góp phần quyết định sự thắng lợi trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.
  1. **Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh rộng khắp coi trọng cả số và chất lượng, lấy chất lượng làm chính**
  + Vị trí của lực lượng dân quân tự vệ

Bác Hồ nói: Dân quân tự vệ là du kích là một lực lượng vô địch, là bức tường sắt của Tổ quốc, vô luận kẻ thù hung bạo thế nào, hễ đụng đến lực lượng đó, bức tường đó thì địch nào cũng phải tan rã.

Năm 1990, Chính phủ đã ban hành Điều lệ dân quân tự vệ.

Pháp lệnh Dân quân tự vệ năm 2004, đây là sự thể chế hóa đường lối quan điểm của Đảng về nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang quần chúng.

* + Nội dung:

+ Dân quân tự vệ được xây dựng rộng khắp ở tất cả thôn, xóm, bản làng, nông trường, công trường, doanh nghiệp, nhưng có trọng điểm chú ý có hình thức phù hợp trong các thành phần kinh tế

+ Chú trọng xây dựng cả số lượng và chất lượng, lấy chất lượng làm chính, tổ chức biên chế phải phù hợp. Huấn luyện phải thiết thực, hiệu quả.

+ Có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ dân quân tự vệ. Thực hiện tốt các chính sách đối với dân quân tự vệ.

1. **NHỮNG BIỆN PHÁP CHỦ YẾU XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN**
   * Về tổ chức biên chế lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Bộ đội chủ lực: Tổ chức các đơn vị phải gọn, mạnh, cơ động, có sức chiến đấu cao. Bố trí các binh đoàn chủ lực phải gắn với thế trận quốc phòng-an ninh nhân dân trên cả nước cũng như từng vùng chiến lược.

+ Bộ đội địa phương: Phải căn cứ vào tình hình cụ thể để tổ chức và bố trí cho phù hợp với từng địa phương và thế trận cả nước.

+ Bộ đội biên phòng: cần có số lượng phù hợp, chất lượng cao, tổ chức hợp lí để hoàn thành nhiệm vụ quản lí, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, vùng biển, đảo... theo nhiệm vụ được giao.

+ Dân quân tự vệ: Được tổ chức trên cơ sở lực lượng chính trị ở từng đơn vị hành chính, đơn vị sản xuất và dân cư ở cơ sở, có số lượng phù hợp, chất lượng cao.

* + Nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục, xây dựng và phát triển khoa học quân sự Việt Nam.
  + Từng bước giải quyết yêu cầu về vũ khí, trang bị kĩ thuật của lực lượng vũ trang nhân dân.
  + Xây dựng đội ngũ cán bộ lục lượng vũ trang nhân dân có phẩm chất, năng lực tốt.
  + Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các chính sách của Đảng, nhà nước đối với lục lượng vũ trang nhân dân.

**KẾT LUẬN**

Xây dựng LLVTND là nội dung cơ bản trong đường lối quốc phòng, an ninh, đường lối quân sự của Đảng. Trong tình hình quốc tế, khu vực đang diễn biến phức tạp, sự nghiệp xây dựng LLVTND đang đặt ra những yêu cầu mới cao hơn. Trên cơ sở quán triệt các quan điểm, nguyên tắc xây dựng LLVTND, cần tập trung nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của LLVTND, bảo đảm cho LLVT luôn xứng đáng là lực lượng chính trị tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

Sinh viên là thế hệ trẻ, chủ nhân tương lai của đất nước cần phải nắm vững quan điểm, phương châm xây dựng LLVTND của Đảng góp phần xây dựng LLVTND vững mạnh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Nêu khái niệm lực lượng VTND Việt Nam?
2. Nguyên tắc xây dựng lực lượng VTND ?
3. Phương hướng xây dựng quân đội, công an nhân dân trong tình hình hiện nay?

**BÀI 6: KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI**

**MỞ ĐẦU**

Xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội gắn với QPAN là một trong những nội dung quan trọng trong đường lối xây dựng kinh tế và củng cố QPAN là chủ trương đường lối đúng đắn và nhất quán của Đảng và nhà nước. Thực hiện chủ trương đường lối chính sách đó trên phạm vi cả nước cũng như từng khu vực,địa phương đã triển khai thực hiện việc xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội với QPAN ở cơ sở bằng nhiều hình thức mang lại kết quả tốt, góp vào ổn định kinh tế-xã hội, phát triển kinh tế gắn với QP-AN từng bước được củng cố.

Trước tình hình đó kết hợp chặt kinh tế xã hội, QPAN càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Do vậy thống nhất quan điểm, tầm quan trọng, nắm nội dung kết hợp nâng cao trách nhiệm, năng lực thực hiện triển khai là vô cùng quan trọng.

1. **CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC KẾT HỢP KINH TẾ VỚI TĂNG CƯỜNG CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở VIỆT NAM**

\* Một số khái niệm.

Hoạt động kinh tế là gì?. Là hoạt động cơ bản, thường xuyên, gắn liền với sự tồn tại của xã hội loài người. Đó là toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất và tái sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội, phục vụ cho nhu cầu đời sống con người.

Quốc phòng là gì?. Là công việc giữ nước của một quốc gia bao gồm tổng thể các hoạt động đối nội và đối ngoại trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội... nhằm mục đích bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ những giá trị vật thể, phi vật thể của quốc gia, tạo môi trường thuận lợi để xây dựa đất nước.

An ninh là gì? Là trạng thái ổn định an toàn, không có dấu hiệu nguy hiểm để đe dọa sự tồn tại và phát triển bình thường của cá nhân, của tổ chức, của toàn xã hội. Bảo vệ an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn dân và của cả hệ thống chính trị do lực lượng an ninh làm nòng cốt; bảo vệ an ninh luôn kết hợp chặt chẽ với củng cố quốc phòng.

1. **Cơ sở lý luận của sự kết hợp**

Kinh tế, quốc phòng, an ninh là những mặt hoạt động cơ bản của mỗi quốc gia, dân tộc độc lập có chủ quyền. Mỗi lĩnh vực có mục đích, cách thức hoạt động riêng và chịu sự chi phối của hệ thống quy luật riêng, song giữa chúng lại có mối quan hệ, tác động qua lại lẫn nhau. Trong đó, kinh tế là yếu tố suy cho đến cùng quyết định đến quốc phòng-an ninh; ngược lạiquốc phòng-an ninh cũng có tác động tích cực trở lại với kinh tế, bảo vệ và tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế phát triển.

* + Kinh tế quyết định đến nguồn gốc ra đời, sức mạnh của quốc phòng, an ninh.

+ Lợi ích kinh tế, suy đến cùng là nguyên nhân làm nảy sinh các mâu thuẫn và xung đột xã hội. Để giải quyết mâu thuẫn đó, phải có hoạt động quốc phòng, an ninh.

+ Bản chất của chế độ kinh tế-xã hội quyết định đến bản chất của quốc phòng-an ninh. Xây dựng sức mạnh quốc phòng, an ninh vì mục đích bảo vệ và đem lại lợi ích cho mọi thành viên trong xã hội là do bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa quy định;

còn tăng cường sức mạnh quốcphòng, an ninh vì mục đích bảo vệ lợi ích cho giai cấp tư sản cầmquyền, thực hiện chiến tranh xâm lược là do bản chất của chế độ kinh tế-xã hội tư bản chủ nghĩa quyết định.

* + Kinh tế còn quyết định đến việc cung cấp cơ sở vật chất kĩ thuật nhân lực cho hoạt động quốc phòng-an ninh. Ph.Ăngghen đã khẳng định: Không có gì phụ thuộc vào kinh tế tiên quyết hơn là chính quân đội và hạm đội”; “Thắng lợi hay thất bại của chiến tranh đều phụ thuộc vào điều kiện kinh tế,...”.Vì vậy, để xây dựng quốc phòng, an ninh vững mạnh phải xây dựng, phát triển kinh tế.
  + Kinh tế còn quyết định đến việc cung cấp số lượng, chất lượng nguồn nhân lực cho quốc phòng, an ninh, qua đó quyết định đến tổ chức biên chế của lực lượng vũ trang; quyết định đến đường lối chiến lược quốc phòng-an ninh. Để xây dựng chiến lược quốc phòng, an ninh quốc gia của mỗi nước, phải căn cứ vào nhiều yếu tố, trong đó tổ chức biên chế của lực lượng vũ trang và vào trang bị vũ khí kĩ thuật hiện có là căn cứ đặc biệt quan trọng. Những yếu tố này đều phụ thuộc vào nền kinh tế.
  + Quốc phòng-an ninh không chỉ phụ thuộc vào nền kinh tế mà còn tác động trở lại với kinh tế-xã hội trên cả góc độ tích cực và tiêu cực.

+ Quốc phòng-an ninh vững mạnh sẽ tạo môi trường hòa bình, ổn định lâu dài, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế-xã hội. Quá trình thực hiện nhiệm vụ quốc phòng-an ninh trong thời bình, ở mức độ nhất định cũng có tác dụng kích thích kinh tế phát triển. Tiêu dùng cho hoạt động quốc phòng, an ninh, một mặt, đặt ra cho nền kinh tế phải sản xuất ra sản phẩm hoặc thông qua mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại để đáp ứng nhu cầu trang bị QPAN, tức là tạo ra thị trường tiêu thụ sản phẩm của nền kinh tế.

+ Hoạt động quốc phòng, an ninh tiêu tốn đáng kể một phần nguồn nhân lực của xã hội. Những tiêu dùng này, như V.I.Lênin đánh giá, là tiêu dùng “mất đi” , không quay vào tái sản xuất xã hội. Do đó, sẽ ảnh hưởng đến xã hội, ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế.

+ Hoạt động quốc phòng-an ninh còn ảnh hưởng đến đường lối phát triển kinh tế, cơ cấu kinh tế.

+ Hoạt động quốc phòng-an ninh còn có thể dẫn đến hủy hoại môi trường sinh thái, để lại hậu quả nặng nề cho kinh tế, nhất là khi chiến tranh xảy ra.

Do đó, để hạn chế những tác động tiêu cực này, phải kết hợp tốt tăng cường củng cố quốc phòng-an ninh với phát triển kinh tế-xã hộiviệc kết hợp phải được thực hiện một cách khoa học, hợp lí, cân đối và hài hòa.

1. **Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp**
2. Thực tiễn của các nước trên thế giới:

Thực tiễn trên thế giới mỗi quốc gia cũng đều chăm lo thực hiện kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cổ quốc phòng, an ninh, kể cả những nước mà hàng trăm năm nay chưa có chiến tranh.

Tuy nhiên, các nước khác nhau, với chế độ chính trị-xã hội khác nhau điều kiện hoàn cảnh khác nhau thì sự kết hợp cũng có sự khác nhau về mục đích, nội dung, phương

thức và kết quả. Ngay trong một nước, trong mỗi giai đoạn phát triển thì sự kết hợp cũng khác nhau.

1. Thực tiễn ở nước ta qua các giai đoạn lịch sử

Ở Việt Nam, sự kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh đã có lịch sử lâu dài. Dựng nước đi đôi với giữ nước là quy luật tồn tại, phát triển của dân tộc ta.

Đứng trước nguy cơ thường xuyên bị đe dọa, xâm lược và thôn tính của các thế lực thù địch, để xây dựng và phát triển đất nước. Các triều đại phong kiến Việt Nam luôn lấy lợi ích quốc gia dân tộc làm trọng, đề ra kế sách giữ nước với tư tưởng: “nước lấy dân làm gốc”, “dân giàu, nước mạnh”, “quốc phú binh cường” ; thực hiện “ khoan thư sức dân làm kế sâu rễ bền gốc”, chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc để “yên dân” mà “vẹn đất”. Thực hiện kế sách “ngụ binh ư nông”, “động vi binh, tĩnh vi dần” để vừa phát triển kinh tế, vừa tăng cường sức mạnh quốc phòng bảo vệ Tổ quốc.

Trong xây dựng, phát triển kinh tế, đã sử dụng nhiều chính sách như khai hoang lập ấp ở những nơi xung yếu để “phục binh sẵn, phá thế giặc giữ từ xa; phát triển nghề thủ công để vừa sản xuất ra các công cụ sản xuất, vừa sản xuất ra các vũ khí, phương tiện phục vụ cho toàn dân đánh giặc; chăm lo mở mang đường sá, đào sông ngòi, kênh rạch, cơ động lực lượng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng, do nắm vững quy luật và biết kế thừa kinh nghiệm của lịch sử nên đã thực hiện sự kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng-an ninh một cách nhất quán bằng những chủ trương sáng tạo, phù hợp với từng thời kì của cách mạng.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954) Đảng ta đề ra chủ trương “Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc”, “Vừa chiến đấu, vừa tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm”; vừa thực hiện phát triển kinh tế ở địa phương vừa tiến hành chiến tranh nhân dân rộng khắp-“Xây dựng là kháng chiến”, địch đến thì đánh, địch lui ta lại tăng gia sản xuất.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước(l954-1975), kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh đã được Đảng ta chỉ đạo thực hiện ở mỗi miền với nội dung và hình thức thích hợp.

Miền Bắc đã xây dựng, phát triển chế độ xã hội mới, nền kinh tế, văn hóa mới, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; đồng thời kết hợp chặt chẽ với chăm lo củng cố quốc phòng, an ninh vững mạnh, đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ, bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa và chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam đánh thắng giặc Mĩ xâm lược.

Ở miền Nam, Đảng chỉ đạo quân dân ta kết hợp chặt chẽ giữa đánh địch với củng cố mở rộng hậu phương, xây dựng căn cứ địa miền Nam vững mạnh. Đây chính là một điều kiện cơ bản đảm bảo cho cách mạng nước ta đi đến thắng lợi.

Ở thời kì này, cả hai miền Nam, Bắc đã kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh dưới nhiều hình thức phong phú, sinh động và thiết thực,

đã tạo được sức mạnh tổng hợp đánh thắng giặc Mĩ xâm lược và để lại nhiều bài học quý giá cho thời kì sau.

Thời kì cả nước độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội (từ 1975 đến nay) việc kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh trên phạm vi cả nước cũng như từng địa phương, bộ, ban ngành có bước chuyển biến cả trong nhận thức và tổ chức thực hiện, đã thu được nhiều kết quả quan trọng.

1. **NỘI DUNG KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**
2. **Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế-xã hội**

Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng-an ninh phải được thể hiện ngay trong việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế. Mục tiêu và phương hướng tổng quát phát triển kinh tế-xã hội nước ta đến năm 2020 nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Như vậy trong mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đã bao quát toàn diện các vấn đề của đời sống xã hội, trong đó nổi lên ba vấn đề lớn là: tăng trưởng kinh tế song với tiến bộ xã hội, tăng cườngquốc phòng-an ninh và mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm giải quyết hài hòa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

1. **Kết hợp phát triển kinh tế và xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng- an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ**
2. **Phương hướng chung**

Kết hợp theo vùng lãnh thổ là gắn kết phát triển vùng kinh tế chiến lược, với vùng chiến lược quốc phòng, an ninh, tạo ra thế chiến lược cả kinh tế lẫn quốc phòng, an ninh theo ý đồ phòng thủ chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam bền vững trên toàn cục và mạnh ở từng trọng điểm.

Hiện nay nước ta đã phân chia thành các vùng kinh tế lớn và các vùng chiến lược, các quân khu. Mỗi vùng đều có vị trí chiến lược về phát triển kinh tế và chiến lược phòng thủ bảo vệ Tổ quốc.

Các vùng chiến lược khác nhau (vùng kinh tế trọng điểm, vùng biển đảo và vùng biên giới ) có sự khác nhau về đặc điểm và yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế, quốc

phòng, an ninh, nên nội dung kết hợp cụ thể trong mỗi vùng có thể có sự khác nhau. Song việc kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với quốc phòng, an ninh phải được thể hiện những nội dung chủ yếu sau:

+ Một là, kết hợp trong xây dựng chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh của vùng, cũng như trên địa bàn từng tỉnh, thành phố.

+ Hai là, kết hợp trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng cơ cấu kinh tế địa phương với xây dựng các khu vực phòng thủ then chốt cụm chiến đấu liên hoàn, các xã (phường) chiến đấu trên địa bàn của các tỉnh (thành phố), huyện (quận).

+ Ba là, kết hợp trong quá trình phân công lại lao động của vùng, phân bố lại dân cư với tổ chức xây dựng và điều chỉnh, sắp xếp bố trí lại lực lượng quốc phòng, an ninh trên từng địa bàn, lãnh thổ cho phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội và kế hoạch phòng thủ bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm ở đâu có đất, có biển, đảo là ở đó có dân và có lực lượng quốc phòng, an ninh để bảo vệ cơ sở, bảo vệ Tổ quốc.

+ Bốn là, kết hợp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế với xây dựng các công trình quốc phòng, quân sự, phòng thủ dân sự, thiết bị chiến trường.Bảo đảm tính “lưỡng dụng” trong mỗi công trình được xây dựng.

+ Năm là, kết hợp xây dựng các cơ sở, kinh tế vững mạnh toàn diện, rộng khắp với xây dựng các căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu cần, kĩ thuật và hậu phương vững chắc cho mỗi vùng và ở các địa phương đều sẵn sàng đối phó khi có chiến tranh xâm lược.

Trên cơ sở kết hợp quan điểm toàn cục nói trên, xuất phát từ sự phân tích đặc điểm tiềm năng phát triển kinh tế cũng như vị trí địa chính trị, quân sự, quốc phòng, an ninh của các vùng lãnh thổ trong cả nước, hiện nay Đảng ta xác định phải chú trọng nhiều hơn cho các vùng kinh tế trọng điểm. vùng biển đảo và vùng biên giới.

1. **Đối với các vùng cụ thể**

Đối với các vùng kinh tế trọng điểm Đặc điểm của vùng kinh tế trọng điểm:

+ Hiện nay, nước ta xác định 3 vùng kinh tế trọng điểm: phía Bắc (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh); phía Nam (Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu); miền Trung (Đà Nằng, Thừa Thiên Huế, Dung Quất, Quảng Ngãi). Các vùng kinh tế trọng điểm nói trên đều là nòng cốt cho phát triển kinh tế của từng miền và cho cả nước.

+ Về kinh tế. các vùng kinh tế trọng điểm là nơi có mật độ dân cư và tính chất đô thị hóa cao, gắn liền với các khu công nghiệp lớn, đặc khu kinh tế các liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài. Đây là nơi tập trung đầu mối giao thông quan trọng, các sân bay, bến cảng, kho tàng, dịch vụ...

+ Về quốc phòng - an ninh, mỗi vùng kinh tế trọng điểm thường nằm trong các khu vực phòng thủ và phòng thủ then chốt của đất nước, nơi có nhiều đối tượng, mục tiêu quan trọng phải bảo vệ; đồng thời cũng là nơi nằm trên các hướng có khả năng là hướng tiến công chiến lược chủ yếu trong chiến tranh xâm lược của địch; hoặc đã và đang là địa bàn trọng điểm để thực hiện chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ với nước ta.Vì vậy, phải thực hiện thật tốt phát triển kinh tế gắn với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh trên các vùng này.

* + Nội dung kết hợp cần tập trung vào các vấn đề sau:

+ Trong quy hoạch, kế hoạch xây dựng các thành phố, các khu công nghiệp cần lựa chọn quy mô trung bình, bố trí phân tán, trải đều trên diện rộng, không nên xây dựng tập trung thành những siêu đô thị lớn, để thuận lợi cho quản lí, giữ gìn an ninh chính trị trong thời bình và hạn chế hậu quả tiến công hỏa lực của địch khi có chiến tranh. (Mở rộng Hà Nội là một ví dụ và xây dựng các thành phố vệ tinh xung quanh trung tâm)

+ Phải kết hợp chặt chẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế với kết cấu hạ tầng của nền quốc phòng toàn dân. Gắn xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế với xây dựng các công trình phòng thủ, các thiết bị chiến trường, các công trình phòng thủ dân sự... “công trình ngầm lưỡng dụng”...

+ Trong quá trình xây dựng các khu công nghiệp tập trung, đặc khu kinh tế phải có sự gắn kết với quy hoạch xây dựng lực lượng quốc phòng - an ninh, các tổ chức chính trị, đoàn thể ngay trong các tổ chức kinh tế đó. Lựa chọn đối tác đầu tư, bố trí xen kẽ, tạo thế đan cài lợi ích giữa các nhà đầu tư nước ngoài trong khu công nghiệp, đặc khu kinh tế, khu chế xuất. (Để nếu có chiến tranh xảy ra không tạo ra làn sóng phản đối của các nước)

+ Việc xây dựng, phát triển kinh tế ở các vùng kinh tế trọng điểm phải nhằm đáp ứng phục vụ nhu cầu dân sinh thời bình và cả cho việc chuẩn bị đáp ứng nhu cầu chi viện cho các chiến trường khi chiến tranh xảy ra. Kết hợp phát triển kinh tế tại chỗ với xây dựng căn cứ hậu phương của từng vùng kinh tế trọng điểm để sẵn sàng chủ động di dời, sơ tán đến nơi an toàn khi có tình huống chiến tranh xâm lược.

Đối với vùng núi biên giới

Đặc điểm của vùng núi biên giới:

+ Vùng núi biên giới của nước ta có chiều dài tiếp giáp với Trung Quốc, Lào, Campuchia. Đây là địa bàn sinh sống chủ yếu cua đồng bào dân tộc ít người, mật độ dân số thấp (trung bình khoảng 20 - 40 người/km ), kinh tế chưa phát triển, trình độ dân trí thấp, đời sống dân cư còn nhiều khó khăn.

+ Vùng núi biên giới có tầm quan trọng đặc biệt trong chiến lược phòng thủ bảo vệ Tổ quốc.

+ Trước đây các vùng này đã từng là căn cứ địa kháng chiến, hậu phương chiến lược của cả nước. Ngày nay, trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc, các vùng núi biên giới vẫn là vùng chiến lược hết sức trọng yếu. Trước mắt cũng như lâu dài, việc kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh ở các vùng núi biên giới là cực kì quan trọng.

* Việc kết hợp cần tập trung vào các nội dung sau:

+ Phải quan tâm đầu tư phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, an ninh ở các vùng cửa khẩu, các vùng giáp biên giới với các nước. (Hiện nay chúng ta có các đoàn kinh tế quốc phòng của Quân đội)

+ Phải tổ chức tốt việc định canh, định cư tại chỗ và có chính sách phù hợp để động viên, điều chỉnh dân số từ các nơi khác đến vùng núi biên giới.

+ Tập trung xây dựng các xã trọng điểm về kinh tế và quốc phòng, an ninh. Trước hết, cần tập trung xây dựng phát triển hệ thống hạ tầng cơ sở, mở mới và nâng cấp các tuyến đường dọc, ngang, các tuyến đường vành đai kinh tế. (Hiện nay đang xây dựng các tuyến đường dọc biên giới).

+ Thực hiện tốt chương trình xóa đói, giảm nghèo, chương trình 135 về phát triển kinh tế-xã hội đối với các xã nghèo.

+ Đối với những nơi có địa thế quan trọng, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn,

cần kết hợp mọi nguồn lực, mọi lực lượng của cả Trung ương và địa phương để cùng giải quyết.

+ Đặc biệt với các địa bàn chiến lược trọng yếu dọc sát biên giới, cần có chính sách động viên và sử dụng lực lượng vũ trang, lực lượng quân đội làm nòng cốt xây dựng các khu kinh tế quốc phòng hoặc các khu quốc phòng-kinh tế, nhằm tạo thế lực mới cho phát triển kinh tế, xã hội và tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh.

Đối với vùng biển đảo

* + Đặc điểm của vùng biển đảo:

+ Nước ta có vùng biển vừa dài vừa rộng, với diện tích hơn 1 triệu km2 (gấp hơn 3 lần diện tích đất liền).

+ Tuy nhiên, việc khai thác lợi thế đó của ta còn nhiều hạn chế, đặc biệt vùng biển đảo của ta hiện nay đang có nhiều tranh chấp rất phức tạp, chứa đựng nguy cơ đe dọa chủ quyền quốc gia, lợi ích dân tộc và rất dễ bùng nổ xung đột. (Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, khu vực vịnh Bắc Bộ. Đáng chú ý 02/2009 quốc hội Philippin thông qua đường cơ sở trên biên giới theo đó có một phần quần đảo trường sa thuộc lãnh thổ của họ).

+ Trong khi đó, chúng ta lại chưa có chiến lược tổng thể hoàn chỉnh về phát triển kinh tế biển và bảo vệ biển, đảo.

+ Lực lượng và sức mạnh tổng hợp trên biển còn quá mỏng.

Vì vậy, việc quan tâm thực hiện sự kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh trên vùng biển, đảo là đòi hỏi bức bách và rất quan trọng cả trước mắt cũng như lâu dài, nhằm nhanh chóng tạo thế và lực đủ sức bảo vệ, làm chủ toàn diện vùng biển, đảo, góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế biển phát triển nhanh làm giàu cho Tổ quốc.

* + Nội dung kết hợp cần tập trung vào các vấn đề sau:

+ Tập trung trước hết vào xây dựng, hoàn thiện chiến lược phát triển kinh tế và xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh bảo vệ biển, đảo trong tình hình mới.

+ Xây dựng quy hoạch, kế hoạch từng bước đưa dân ra vùng ven biển và các tuyến đảo gần trước có lực lượng xây dựng căn cứ hậu phương, bám trụ phát triển kinh tế và bảo vệ biển, đảo một cách vững chắc, lâu dài.

+ Nhà nước phải có cơ chế chính sách thỏa đáng động viên, khích lệ dân ra đảo bám trụ làm ăn lâu dài.

+ Phát triển các loại hình dịch vụ trên biển, đảo, tạo điều kiện cho dân bám trụ, sinh sống làm ăn.

+ Xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện mở rộng liên kết làm ăn kinh tế ở vùng biển, đảo thuộc chủ quyền nước ta với các nướcphát triển.

+ Chú trọng đầu tư phát triển chương trình đánh bắt xa bờ, thông qua đó xây dựng lực lượng dân quân biển, các hải đoàn tự vệ của ngành Hàng hải, Cảnh sát biển, kềm cựa, kiểm soát, ngăn chặn kịp thời những hoạt động vi phạm chủ quyền biển, đảo của

nước ta... Xây dựng một số đơn vị kinh tế - quốc phòng mạnh trên biển, đảo để làm nòng cốt cho phát triển kinh tế biển và tạo thế bảo vệ biển, đảo vững chắc.

+ Xây dựng phương án đối phó với các tình huống có thể xảy ra ở vùng biển, đảo nước ta. Mạnh dạn đầu tư xây dựng lực lượng nòng cốt và thế trận phòng thủ trên biển, đảo, trước hết là phát triển và hiện đại hóa lực lượng Hải Quân nhân dân Việt Nam để đủ sức mạnh canh giữ, bảo vệ vùng biển, đảo.

1. **Kết hợp kinh tế quốc phòng và an ninh trong các ngành các lĩnh vực kinh tế chủ yếu**
2. **Kết hợp trong công nghiệp**
   * Vị trí của ngành công nghiệp là ngành kinh tế quan trọng của quốc gia, cung cấp máy móc, nguyên nhiên liệu cho các ngành kinh tế khác và sản xuất ra vũ khí, trang thiết bị quân sự đáp ứng nhu cầu hoạt động quốc phòng, an ninh.
   * Nội dung kết hợp kinh tế xã hội với quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong phát triển công nghiệp là:

+ Bố trí một cách hợp lí trên các vùng lãnh thổ, quan tâm đến vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế kém phát triển, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

+ Tập trung đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp liên quan đến quốc phòng như cơ khí chế tạo, điện tử, công nghiệp, điện tử kĩ thuật cao, luyện kim, hóa chất, đóng tàu để vừa đáp ứng nhu cầu trang bị cơ giới cho nền kinh tế, vừa có thể sản xuất ra một số sản phẩm kĩ thuật công nghệ cao phục vụ quốc phòng, an ninh.

+ Phát triển công nghiệp quốc gia theo hướng mỗi nhà máy, xí nghiệp vừa có thể sản xuất hàng dân dụng, vừa có thể sản xuất hàng quân sự. (Động viên công nghiệp quốc phòng).

Các nhà máy công nghiệp quốc phòng trong thời bình, ngoài việc sản xuất hàng quân sự phải tham gia sản xuất hàng dân sự chất lượng cao, phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

+ Mở rộng liên doanh, liên kết giữa ngành công nghiệp nước ta (bao gồm cả công nghiệp quốc phòng) với công nghiệp của cả nước tiên tiến trên thê giới, ưu tiên những ngành, lĩnh vực có tính lưỡng dụng cao.

+ Thực hiện chuyển giao công nghệ hai chiều, từ công nghiệp quốc phòng vào công nghiệp dân dụng và ngược lại.

+ Phát triển hệ thống phòng không công nghiệp và phát triển lực lượng tự vệ để bảo vệ các nhà máy, xí nghiệp trong cả thời bình và thời chiến.

+ Xây dựng kế hoạch động viên công nghiệp quốc gia phục vụ thời chiến; thực hiện dự trữ chiến lược các nguyên, nhiên, vật liệu quý hiếm cho sản xuất quân sự.

1. **Kết hợp trong nông, lâm, ngư nghiệp**

+ Theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị cao phục vụ tiêu dùng trong nước, xuất khẩu và có lượng dự trữ dồi dào về mọi mặt cho quốc phòng, an ninh.

+ Kết hợp trong nông, lâm, ngư nghiệp phải gắn với việc giải quyết tốt các vấn đề xã hội như xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe, đền ơn đáp nghĩa, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, xây dựng nông thôn, góp phần tạo thế trận phòng thủ“ thế trận lòng dân” vững chắc.

+ Phải kết hợp gắn việc động viên đưa dân ra lập nghiệp ở các đảo để xây dựng các làng, xã, huyện đảo vững mạnh với chú trọng đầu tư xây dựng phát triển các hợp tác xã nghề cá đội tàu đánh cá xa bờ, xây dựng lực lượng tự vệ, lực lượng dân quân biển, đảo; phối hợp chặt chẽ với lực lượng Hải quân và Cảnh sát biển để bảo vệ biển, đảo.

+ Phải đẩy mạnh phát triển trồng rừng gắn với công tác định canh định cư, xây dựng các cơ sở chính trị vững chắc ở các vùng rừng biên giới nước ta, đặc biệt là ở Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

1. **Kết hợp trong giao thông vận tải, bưu điện, y tế, khoa học công nghệ, giáo dục và xây dựng cơ bản**
   * Trong giao thông vận tải.

**+** Phát triển hệ thống giao thông vận tải đồng bộ cả đường bộ và đường sắt**,** đườngkhông, đường thủy, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa trong nước và mở rộng giao lưu với bên ngoài.

+ Trong xây dựng các mạng đường bộ, cần chú trọng, nâng cấp các tuyến trục đường Bắc-Nam. Với tuyến đường trục dọc Trường Sơn đường Hồ Chí Minh. Từ các tuyến đường này phải phát triển các tuyến đường ngang, nối liền giữa các trục dọc với nhau và phát triển đến các huyện, xã trong cả nước, nhất là đến các xã vùng cao, vùng sâu, miền núi biên giới, xây dựng các tuyến đường vành đai biên giới.

+ Trong các công trình giao thông vận tải, phải tính đến cả nhu cầu hoạt động thời bình và thời chiến, nhất là cho các phương tiện cơ động của lực lượng vũ trang có trọng tải và lưu lượng vận chuyển lớn, liên tục. Ở những đầu nút giao thông, những nơi dự kiến địch có thể đánh phá trong chiến tranh, phải có kế hoạch làm nhiều đường vòng tránh. Bên cạnh các cây cầu lớn qua sông, phải làm sẵn những bến phà, bến vượt ngầm. Ở những đoạn đường có địa hình cho phép thì làm đường hầm xuyên núi, cải tạo các hang động săn có dọc hai bên đường làm kho trạm, nơi trú quân khi cần thiết.

+ Phải thiết kế, xây dựng lại hệ thống đường ống dẫn dầu Bắc -Nam, chôn sâu bí mật, có đường vòng tránh trên từng cung đoạn, bảo đảm hoạt động an toàn cả thời bình và thời chiến.

+ Ở các vùng đồng bằng ven biển, đi đôi với phát triển hệ thống đường bộ, cần chú trọng cải tạo, phát triển đường sông, đường biển, xây dựng các cảng sông, cảng biển, bảo đảm đi lại, bốc dỡ thuận tiện.

+ Việc mở rộng nâng cấp sân bay phải chú ý cả sân bay ở tuyến sau, ở sâu trong nội địa, sân bay dã chiến và có kế hoạch sử dụng cả đường cao tốc làm đường băng cho máy bay khi cần thiết trong chiến tranh.

+ Trong một số tuyến đường xuyên Á, sau này được xây đựng qua Việt Nam. Ở những nơi cửa khẩu, nơi tiếp giáp các nước bạn phải có kế hoạch xây dựng các khu vực

phòng thủ kiên cố, vững chắc, đề phòng khả năng địch sử dụng các tuyến đường này khi tiến công xâm lược nước ta với quy mô lớn.

+ Xây dựng kế hoạch động viên giao thông vận tải cho thời chiến.

* + Trong bưu chính viễn thông.

+ Phải kết hợp chặt chẽ giữa ngành bưu điện quốc gia với ngành thông tin quân đội, công an để phát triển hệ thống thông tin quốc gia hiện đại, đảm bảo nhanh chóng, chính xác, an toàn thông tin liên lạc phục vụ lãnh đạo chỉ huy, điều hành đất nước trong mọi tình huống, cả thời bình và thời chiến. Có phương án thiết kế xây dựng và bảo vệ hệ thống thông tin liên lạc một cách vững chắc trong mọi tình huống.

+ Bí mật và có khả năng chống nhiễu cao, phòng chống chiến tranh thông tin điện tử của địch.

+ Khi hợp tác với nước ngoài về xây dựng, mua sắm các thiết bị thông tin điện tử phải cảnh giác cao, lựa chọn đối tác, có phương án chống âm mưu phá hoại của địch.

+ Xây dựng kế hoạch động viên thông tin liên lạc cho thời chiến.

* + Trong xây dựng cơ bản.

+ Khi xây dựng bất cứ công trình nào, ở đâu, quy mô nào cũng phải tính đến yếu tố tự bảo vệ và có thể chuyển hóa phục vụ được cả cho quốc phòng, an ninh, cho phòng thủ tác chiến và cho phòng thủ dân sự.

+ Đối với các xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, cần kết hợp trong nghiên cứu sáng chế, chế tạo những vật liệu siêu bền, có khả năng chống xuyên, chống mặn, chống bức xạ, dễ vận chuyển phục vụ xây dựng các công trình phòng thủ, công sự trận địa của lực lượng vũ trang và của khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố.

+ Khi cấp phép đầu tư xây dựng cho đối tác nước ngoài, phải có sự tham gia ý kiến của cơ quan quân sự có thẩm quyền.

* + Trong khoa học và công nghệ, giáo dục.

+ Phải phối hợp chặt chẽ và toàn diện hoạt động giữa các ngành khoa học và công nghệ then chốt của cả nước với các nghành khoa học của quốc phòng, an ninh trong việc hoạch định chiến lược nghiên cứu phát triển và quản lí sử dụng phục vụ cho cả xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

* + Trong lĩnh vực y tế.

+ Phối hợp kết hợp chặt chẽ giữa ngành y tế dân sự với y tế quân sự trong nghiên cứu, ứng dụng, trong đào tạo nguồn nhân lực, trong khám chữa bệnh cho nhân dân, bộ đội và cho người nước ngoài.

+ Xây dựng mô hình quân dân y, kết hợp trên các địa bàn, đặc biệt là ở miền núi, biên giới, hải đảo.

+ Xây dựng kế hoạch động viên y tế dân sự cho quân sự khi có chiến tranh xảy

ra.

+ Phát huy vai trò của y tế quân sự trong phòng chống, khám chữa bệnh cho nhân

dân thời bình và thời chiến.

1. **Kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc**

Nội dung:

+ Tổ chức biên chế và lực lượng vũ trang phải phù hợp với điều kiện kinh tế và nhu cầu phòng thủ đất nước.

+ Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất kĩ thuật trong huấn luyện, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang.

+ Khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh quân đội, công an cho phát triển kinh tế xã hội.

+ Phát huy tốt vai trò tham mưu của các cơ quan quân sự, công an các cấp trong việc thẩm định, đánh giá các dự án đầu tư, nhất là các dự án đầu tư có vốn nước ngoài.

1. **Kết hợp trong hoạt động đối ngoại**

Mục tiêu chung của mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế là giữ vững môi trường hòa bình, tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tận dụng ngoại lực, phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế quốc tế, bảo đảm giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc và an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường.

Việc mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế về kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, quốc phòng, quân sự của nước ta với các nước và vùng lãnh thổ, các trung tâm chính trị kinh tế quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực phải hướng vào việc phục vụ cho phát triển kinh tế trong nước; đồng thời phải giữ vững nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực trong mở rộng quan hệ đối ngoại.

Nội dung kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh trong lĩnh vực đối ngoại cần tập trung vào các lĩnh vực sau:

* + Mở rộng hoạt động đối ngoại phải quán triệt và thực hiện tốt nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng hòa bình.
  + Phát huy vai trò của cán bộ, nhân viên các đại sứ quán, lãnh sự quán của nước ta ở nước ngoài trong việc quảng bá sản phẩm hàng hóa, truyền thông Việt Nam; đồng thời nắm vững đường lối đối ngoại, đường lối quân sự của nước ngoài cung cấp tình hình giúp Đảng, Nhà nước hoạch định chính sách đối ngoại đứng đắn.

1. **MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾT HỢP PHÁT TRIỀN KINH TẾ XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH**
2. **Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý nhà nước trong việc thực hiện kết hợp kinh tế quốc phòng-an ninh**

Vai trò lãnh đạo của các cắp ủy đảng trong việc kết hợp được thể hiện ở chỗ:

+ Thường xuyên nắm vững chủ trương đường lối của Đảng, kịp thời ra những quyết định lãnh đạo ngành, địa phương mình, thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng-an ninh một cách đúng đắn.

Để nâng cao hiệu lực quán lí nhà nước của chính quyền các cấp trong kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng-an ninh phải:

+ Từng cấp phải làm đúng chức nâng, nhiệm vụ theo qui định của pháp luật và Nghị định 119/2004/NĐ-CP của Chính phủ ban hành 11-05-2004.

+ Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các quy hoạch, kế hoạch kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở các ngành, Bộ, địa phương cơ sở của mình dài hạn và hàng năm.

+ Đổi mới nâng cao quy trình, phương pháp quản lí, điều hành của chính quyền các cấp, chỉ đạo ở mọi khâu mọi bước của quá trình thực hiện, kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường quốc phòng-an ninh.

1. **Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng-an ninh cho các đối tượng**

Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu và đang là đòi hỏi cấp thiết đối với cán bộ và nhân dân cả nước ta hiện nay.

* + Đối tượng bồi dưỡng: Phổ cập kiến thức quốc phòng-an ninh cho toàn dân nhưng trước hết phải tập trung vào đội ngũ cán bộ chủ trì các cấp, các bộ, ngành, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương, cơ sở.
  + Nội dung bồi dưỡng: Có chương trình bồi dưỡng cho phù hợp và thiết thực nhằm nâng cao cả kiến thức, kinh nghiệm và năng lực thực tiễn sát với cương vị đảm nhiệm với từng loại đối tượng.
  + Hình thức bồi dưỡng: Kết hợp bồi dưỡng tại trường với tại chức, kết hợp lí thuyết với thực hành.

1. **Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp kinh tế quốc phòng và an ninh trong thời kỳ mới**

Hiện nay, nước ta đã và đang xây dựng chiến lược phát triển kinh tế xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng-an ninh đến năm 2020. Xem đó là một trong những mặt, khâu quan trọng hàng đầu để chỉ đạo, quản lí nhà nước, về kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh một cách có hiệu lực, hiệu quả.Trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch chiến lược tổng thể về kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong thời kì mới, phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ, ngành địa phương từ khảo sát, đánh giá các nguồn nhân lực (cả bên trong và bên ngoài).

1. **Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách có liên quan đến thực hiện**

Mọi chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến kết hợp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh đều phải được thể chế hóa thành luật pháp, pháp lệnh, nghị định,.. .một cách đồng bộ, thống nhất để quản lí và tổ chức thực hiện nghiêm túc có hiệu lực và hiệu quả trong cả nước.

1. **Củng cố kiện toàn và phát huy vai trò tham mưu của cơ quan chuyên trách quốc phòng - an ninh các cấp**

Căn cứ vào Nghị định 119/2004/NĐ-CP ngày 11-05-2004 của Chính phủ về Công tác quốc phòng ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc chính phủ và các địa phương, cần nghiên cứu bổ sung mở rộng thêm chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên trách quản lí nhà nước về quốc phòng, an ninh trong thời kì mới.

Để thực hiên tốt việc kết hợp, cần quản triệt và thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó phải quán triệt sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cho toàn dân, nhất là cho sinh viên - những người quyết định tương lai của đất nước. Quá trình kết hợp phải được triển khai có kế hoạch, có cơ chế chính sách cụ thể, chặt chẽ, đồng bộ.

**KẾT LUẬN**

Kết hợp kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố QPAN là một tất yếu khách quan, là một nội dung đường lối kinh tế của Đảng, Nhà nước nhằm thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược. Quá trình kết hợp kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QPAN ở nước ta phải tiến hành ngay trong quy hoạch, kế hoặc phát triển kinh tế-xã hội có sự phối hợp của các ngành, các cấp dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự diều hành của chính quyền, vai trò tham mưu và tổ chức thực hiện của các cơ quan, ban, ngành tạo nên sức mạnh tổng hợp cho kinh tế-xã hội, phát triển kinh tế QPAN vững mạnh. Để tạo sức mạnh bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay và tương lai.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Phân tích tính tất yếu phải kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng-an ninh ở nước ta hiện nay?
2. Nội dung, phương thức kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng-an ninh ở nước ta hiện nay?
3. Phân tích các giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng-an ninh ở nước ta hiện nay?

**BÀI 7: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM**

**MỞ ĐẦU**

Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, tổ tiên ta luôn phải chống lại kẻ thù xâm lược lớn hơn nhiều lần về quân sự, kinh tế. Song với lòng yêu nước, ý chí kiên cường với cách đánh mưu trí, sáng tạo Tổ tiên ta đã đánh thắng tất cả kẻ thù xâm lược, viết nên những trang sử hào hùng của dân tộc.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, tinh thần yêu nước và cách đánh của quân dân ta lại được phát huy lên một tầm cao mới và đã đánh thắng hai kẻ thù xâm lược có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh là thực dân Pháp và đế quốc Mĩ. Từ trong thực tiễn chống giặc ngọai xâm của dân tộc đã hình thành nên nghệ thuật quân sự Việt Nam đó là nghệ thuật chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nghệ thuật quân sự Việt Nam không ngừng phát triển, góp phần thiết thực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

1. **TRUYỀN THỐNG VÀ NGHỆ THUẬT ĐÁNH GIẶC CỦA ÔNG CHA TA**
   1. **Đất nước trong buổi đầu lịch sử**

Cách đây mấy nghìn năm, từ khi các Vua Hùng mở nước Văn Lang, lịch sử dân tộc Việt Nam bắt đầu thời đại dựng nước và giữ nước. Do yêu cầu tự vệ trong chống giặc ngoại xâm và yêu cầu thuỷ lợi của nền kinh tế nông nghiệp đã tác động mạnh mẽ đến sự hình thành của nhà nước trong buổi đầu lịch sử, sự ra đời của nhà nước Văn Lang là một tất yếu để giữ nước.

Vào nửa sau thế kỷ thứ III trước công nguyên, nhân sự suy yếu của triều đại Hùng Vương cuối cùng, Thục Phán là một thủ lĩnh người Âu Việt đã thống nhất hai bộ tộc Lạc Việt và Âu Việt, thành lập nước Âu Lạc, dời đô từ Lâm Thao về Cổ Loa (Hà Nội). Nhà nước Âu Lạc kế thừa nhà nước Văn Lang trên mọi lĩnh vực.

Do có vị trí địa lí thuận lợi, nước ta luôn bị các thế lực ngoại xâm lược nhòm ngó. Do vậy, yêu cầu chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập và cuộc sống đã sớm xuất hiện trong lịch sử dân tộc ta.

* 1. **Những yếu tố tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc**
  + Về địa lí

Nhà nước Văn Lang trước kia, nhà nước Việt Nam ngày nay có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực Đông Nam á và biển Đông, có hệ thống giao thông thuận lợi. Đã từ lâu, nhiều kẻ thù luôn nhòm ngó, đe doạ và tiến công xâm lược. Để bảo vệ đất nước, bảo vệ sự trường tồn của dân tộc, cha ông ta đã đoàn kết và phát huy tối đa ưu thế của địa hình để lập thế trận đánh giặc.

* + Về kinh tế

Kinh tế nước ta là tự cung, tự cấp, sản xuất nông nghiệp là chính, trong đó trồng trọt, chăn nuôi là chủ yếu, trình độ canh tác thấp.

* + Về chính trị, văn hoá - xã hội

Nước Việt Nam có 54 dân tộc anh em cùng chung sống hoà thuận, đoàn kết. Trong quá trình dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã sớm xây dựng được nhà nước, xác định chủ quyền lãnh thổ, tổ chức ra quân đội để cùng toàn dân đánh giặc, xây dựng được nền văn hoá mang bản sắc Việt Nam. Trong quá trình đó, dân tộc ta đã xây dựng được nền văn hoá truyền thống: Đoàn kết, yêu nước, thương nòi, sống hoà thuận, thuỷ chung; lao động cần cù sáng tạo, đấu tranh anh dũng kiên cường bất khuất.

* 1. **Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược**
  + Những cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên:

Cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên mà sử sách ghi lại là cuộc kháng chiến chống quân Tần. Đó là cuộc kháng chiến lâu dài và gian khổ, từ năm 214 đến 208 TCN của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của vua Hùng và Thục Phán.

+ Sau cuộc kháng chiến chống Tần là cuộc kháng chiến của nhân dân Âu Lạc do An Dương Vương lãnh đạo chống chiến tranh xâm lược của Triệu Đà, từ năm 184 đến 179 trước công nguyên nhưng bị thất bại. Từ đây, đất nước ta rơi vào thảm hoạ hơn một nghìn năm bị phong kiến Trung Hoa đô hộ (thời kì Bắc thuộc).

* + Những cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược giành và giữ độc lập từ thế kỷ thứ II trước công nguyên đến đầu thế kỷ thứ X

+ Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng vào mùa xuân năm 40 đã giành được độc lập. Nền độc lập dân tộc được khôi phục và giữ vững trong ba năm.

+ Năm 248, Triệu Thị Trinh phất cờ khởi nghĩa. Nghĩa quân của người con gái núi Nưa (Triệu Sơn, Thanh Hoá) làm cho quân thù nhiều phen kinh hồn, bạt vía. Sau gần nửa năm chiến đấu khiến cho toàn thể Giao Châu đều chấn động. Mặc dù bà Triệu cùng nghĩa quân chiến đấu rất anh dũng, nhưng kẻ thù có sức mạnh vượt trội và đàn áp rất khốc liệt, nên khởi nghĩa bị thất bại.

+ Mùa xuân năm 542, phong trào yêu nước của người Việt lại bùng lên mạnh mẽ, rầm rộ. Dưới sự tổ chức và lãnh đạo của Lý Bôn, anh hùng hào kiệt bốn phương cùng toàn dân vùng lên lật đổ chính quyền của nhà Lương. Sau đó, nghĩa quân liên tiếp đánh thắng hai cuộc phản công của kẻ thù. Đầu năm 544, Lý Bôn lên ngôi hoàng đế (Lý Nam Đế), đặt quốc hiệu là Vạn Xuân.

+ Khởi nghĩa của Lý Tự Tiên và Đinh Kiến năm 687.

+ Khởi nghĩa của Mai Thúc Loan (Mai Hắc Đế) năm 722.

+ Khởi nghĩa của Phùng Hưng (Bố Cái Đại Vương) năm 766 đến 791.

+ Khởi nghĩa năm 938 của Ngô Quyền

* + Các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược từ thế kỷ X đến thế kỷ XVIII

+ Kháng chiến chống quân Tống lần thứ nhất năm 981 của nhà Tiền Lê

+ Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ 2 (1075 - 1077) của nhà Lý

+ Ba lần kháng chiến chống quân Nguyên của nhà Trần ở thế kỷ XIII

Từ năm 1225, Nhà Trần thay thế Nhà Lí đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo công cuộc dựng nước và giữ nước (1226 - 1400), đã lãnh đạo nhân dân ta ba lần kháng chiến chống quân Nguyên, giành thắng lợi vẻ vang, bổ sung những nét đặc sắc vào nền nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Cuộc kháng chiến lần thứ nhất vào năm 1258, quân và dân ta đã đánh thắng 3 vạn quân Nguyên.

Cuộc kháng chiến lần thứ hai vào năm 1285, quân và dân ta đã đánh thắng 60 vạn quân Nguyên.

Cuộc kháng chiến lần thứ ba vào năm 1287 - 1288, quân và dân ta đã đánh thắng 50 vạn quân Nguyên.

Trong vòng 30 năm (1258 - 1288), dân tộc ta phải liên tiếp ba lần đứng lên chống xâm lược.

+ Cuộc kháng chiến chống Minh do Hồ Quý Ly lãnh đạo (1400-1407).

+ Khởi nghĩa Lam Sơn và chiến tranh giải phóng dân tộc do Lê Lợi, Nguyễn Trãi lãnh đạo.

+ Khởi nghĩa Tây Sơn và các cuộc kháng chiến chống quân Xiêm 1784-1785, kháng chiến chống quân xâm lược Mãn Thanh 1788-1789

+ Triều đại của Nguyễn Ánh (Gia Long), Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức và Bảo Đại là ông vua cuối cùng của nhà nước phong kiến Việt Nam.

* 1. **Nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta**

Lịch sử đã đặt ra cho dân tộc ta biết bao thử thách ngặt nghèo trong quá trình dựng nước và giữ nước với nghệ thuật đánh giặc đặc sắc:

* + Về tư tưởng chỉ đạo tác chiến

+ Ông ta luôn nắm vững tư tưởng tiến công, coi đó như một quy luật để giành thắng lợi trong suốt quá trình chiến tranh. Thực hiện tiến công liên tục mọi lúc, mọi nơi, từ cục bộ đến toàn bộ, để quét sạch quân thù ra khỏi bờ cõi.

Sử sách còn ghi lại, thời nhà Lý đã chủ động đánh bại kẻ thù ở phía Nam (quân Chiêm Thành), phá tan âm mưu liên kết của nhà Tống với Chiêm Thành. Trước nguy cơ xâm lược của nhà Tống, Lý Thường Kiệt đã sử dụng biện pháp "tiên phát chế nhân" chủ động tiến công trước để đẩy kẻ thù vào thế bị động. Ông đã tận dụng thế "thiên hiểm" của địa hình, xây dựng tuyến phòng thủ sông Như Nguyệt, thực hiện trận quyết chiến chiến lược, chủ động chặn và đánh địch từ xa để bảo vệ Thăng Long.

+ Cả nước đánh giặc, trăm họ ai cũng là binh ( ba lần thắng quân nguyên mông)

+ Đánh giặc thần tốc, táo bạo, bất ngờ (Nguyễn Huệ đánh quân thanh, quân Xiêm)

* + Về mưu kế đánh giặc

Mưu là để lừa địch, đánh vào chỗ yếu, chỗ sơ hở, chỗ ít phòng bị, làm cho chúng bị động, lúng túng đối phó. Kế là để điều địch theo ý định của ta, giành quyền chủ động, buộc chúng phải đánh theo cách đánh của ta. Trong các cuộc chiến tranh giải phóng, với ý chí kiên cường của dân tộc, triều đại nhà Lý, Trần, hậu Lê...đã tạo được thế trận chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc, kết hợp các cách đánh, các lực lượng cùng đánh..

Để bảo vệ Thăng Long, Lý Thường Kiệt đã xây dựng tuyến phòng ngự sông Cầu để chặn giặc, khi quân nhà Tống tiến công vượt sông không thành công phải chuyển vào phòng ngự. Ông đã dùng quân địa phương và dân binh liên tục quấy rối, làm cho địch mệt mỏi, căng thẳng, tạo thời cơ cho quân đội nhà Lý chuyển sang phản công giành thắng lợi hoàn toàn.

Kế sách đánh giặc của ông cha ta không những sáng tạo, mà còn hết sức mềm dẻo, khôn khéo đó là "biết tiến, biết thoái, biết công, biết thủ". Biết kết hợp chặt chẽ giữa tiến công quân sự với binh vận, ngoại giao, tạo thế mạnh cho ta, biết phá thế mạnh của giặc, trong đó tiến công quân sự luôn giữ vai trò quyết định. Ông cha ta đã phát triển mưu, kế đánh giặc, biến cả nước thành một chiến trường, tạo ra một "thiên la, địa võng" để diệt địch. Làm cho "địch đông mà hoá ít, địch mạnh mà hoá yếu".

* + Nghệ thuật chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc

Thực hiện toàn dân đánh giặc là một trong những nét độc đáo trong nghệ thuật quân sự của tổ tiên ta, hễ kẻ thù đụng đến nước ta, thì "vua tôi đồng lòng, anh em hoà mục, cả nước chung sức, trăm họ là binh", giữ vững quê hương, bảo vệ xã tắc.

Hội nghị Diên Hồng do nhà Trần tổ chức, chính sách “khoan thư sức dân” là một đỉnh cao của tư tưởng dựa vào dân để chiến đâú.

Từ lời thề của hai Bà Trưng và nghĩa quân: "Một xin rửa sạch nước thù; Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng; Ba kẻo oan ức lòng chồng; Bốn xin vẻn vẹn sở công lệnh này", đến Hịch tướng sĩ, Bình Ngô đại cáo, nghệ thuật "lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo”

Nội dung cơ bản của thực hiện toàn dân đánh giặc là : Mỗi người dân là một người lính, đánh giặc theo cương vị, chức trách của mình. Mỗi thôn, xóm, bản, làng là một pháo đài diệt giặc, cả nước là một chiến trường.

* + Nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh

Đây là nét đặc sắc và tất yếu trong nghệ thuật quân sự của ông cha ta khi đối đầu với kẻ địch mạnh

Để chống lại 30 vạn quân xâm lược Tống (1077), nhà Lý trong khi chỉ có khoảng 10 vạn quân, Lý Thường Kiệt đã tận dụng được ưu thế địa hình và các yếu tố khác để tạo ra sức mạnh hơn địch và đánh thắng địch.

Thời nhà Trần có khoảng 15 vạn quân, chống lại giặc Nguyên - Mông, lần thứ 2 là 60 vạn, lần 3 là khoảng 50 vạn. Nhà Trần đã "lấy đoản binh để chế trường trận", hạn chế sức mạnh của giặc, để đánh thắng giặc.

Cuộc khởi nghĩa của Lam Sơn, quân số lúc cao nhất có khoảng 10 vạn, đã đánh thắng 80 vạn quân Minh xâm lược. Vì Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã vận dụng "tránh thế ban mai, đánh lúc chiều tà" và vận dụng cách đánh "vây thành để diệt viện".

Nhà Tây Sơn có khoảng 10 vạn quân, nhưng đã đánh thắng 29 vạn quân xâm lược và quân bán nước Lê Chiêu Thống vì Nguyễn Huệ đã dùng lối đánh táo bạo, thần tốc, bất ngờ.

* + Nghệ thuật kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao và binh vận

Chiến tranh là sự thử thách toàn diện đối với mỗi quốc gia trong tham chiến. Trong chống giặc ngoại xâm, ông cha ta đã biết kết hợp chặt chẽ các mặt trận nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để đánh thắng kẻ thù. Mỗi mặt trận có vị trí, tác dụng khác nhau, nhưng cùng thống nhất ở mục đích tạo ra sức mạnh để giành thắng lợi trong chiến tranh.

Đấu tranh mặt trận chính trị nhằm nâng cao sức mạnh tinh thần của ta, huy động sức mạnh của toàn dân vào cuộc chiến.

Mặt trận quân sự là mặt trận quyết liệt nhất, thực hiện tiêu diệt sinh lực, phá huỷ phương tiện chiến tranh của địch, quyết định thắng lợi trực tiếp của chiến tranh, tạo đà, tạo thế cho các mặt trận khác phát triển.

Mặt trận ngoại giao kết hợp với mặt trận quân sự, chính trị tạo ra thế có lợi để kết thúc chiến tranh càng sớm càng tốt. Điển hình: Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã mở "Hội thề Đông Quan", cấp ngựa, thuyền, lương thảo cho hàng binh nhà Minh về nước trong danh dự, để muôn đời dập tắc chiến tranh.

Mặt trận binh vận để vận động làm tan dã hàng ngũ của giặc, góp phần quan trọng để hạn chế thấp nhất tổn thất của nhân dân ta trong chiến tranh.

* + Về nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận đánh lớn

Thời nhà Lý có phòng ngự sông Cầu (Như Nguyệt), đây là một điển hình về kết hợp chặt chẽ hai hình thức tác chiến phòng ngự và phản công trên cả quy mô chiến lược, chiến thuật. Tác chiến phòng ngự ở Như Nguyệt không chỉ chặn đứng 30 vạn quân Tống, mà còn làm thất bại ý đồ đánh nhanh, thắng nhanh để chiếm Thăng Long của chúng, khiến quân địch phải chuyển từ chủ động tiến công sang bị động phòng ngự.

Thời nhà Trần, lần chống giặc Nguyên thứ 2, Trần Quốc Tuấn đã tổ chức một cuộc rút lui chiến lược, làm thất bại kế hoạch hợp vây của địch. Trong cuộc truy đuổi, giặc Nguyên không thực hiện được những đòn quyết chiến với chủ lực ta, trái lại, chúng vấp phải một cuộc chiến tranh của toàn dân Đại Việt.

Thời nhà hậu Lê, sau 10 năm bền bỉ, gian khổ, ngoan cường, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo đã hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang giải phóng dân tộc, giải phóng Thăng Long. Lê Lợi và Nguyễn Trãi chủ trương "lánh chỗ thực, đánh chỗ hư, tránh nơi vững chắc, đánh nơi sơ hở". Khi nghe tin viện binh nhà Minh sắp sang, nhiều tướng sĩ yêu cầu Lê Lợi hạ gấp thành Đông Quan (Thăng Long) để diệt trừ nội ứng, rồi sau đó sẽ dốc toàn lực để đánh viện binh. Lê Lợi đã phân tích một cách sáng suốt và quyết định không đánh thành mà tiến hành diệt viện binh của địch.

Nghệ thuật quân sự của Nguyễn Huệ và quân Tây Sơn được biểu hiện tập trung nhất, rực rỡ nhất trong việc tổ chức và thực hành các trận quyết chiến chiến lược, đặc biệt là giải phóng Thăng Long trong mùa xuân Kỷ Dậu 1789. Khi chọn đánh vào Thăng Long, là địa bàn tập trung hầu hết quân địch, là nơi bộ chỉ huy quân Thanh và triều đình Lê Chiêu Thống, Nguyễn Huệ đã nhìn thấy rất rõ trong cái mạnh của địch, chúng bộc lộ những điểm yếu và sơ hở. Điểm yếu cơ bản của quân tướng nhà Thanh là rất chủ quan, ngạo mạn, cho rằng, Tây Sơn không dám và không thể tiến công chúng, do đó thế trận rất lỏng lẻo.

Trong thực hành tác chiến, Nguyễn Huệ đã thiết lập một hệ thống tổ chức hành quân đạt hiệu quả tối đa, khiến quân địch hoàn toàn bị động. Trong cách đánh, Nguyễn Huệ rất chú trọng hợp vây chiến dịch, chiến thuật và tiến công địch bằng các đòn thọc sâu, hiểm hóc. Đây vừa là nghệ thuật kết hợp tiến công chính diện với bên sườn, vừa là

tiến hành nhiều trận đánh diễn ra đồng thời, liên tiếp, nhanh mạnh, bất ngờ, khiến địch không thể ứng cứu được cho nhau và nhanh chóng thất bại.

1. **NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM TỪ KHI CÓ ĐẢNG LÃNH ĐẠO**

Kế thừa, phát triển nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên, nghệ thuật quân sự Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã không ngừng phát triển, gắn liền với thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ.

* 1. **Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam**
  + Truyền thống đánh giặc của tổ tiên

Trải qua mấy nghìn năm chống giặc ngoại xâm, nghệ thuật quân sự của tổ tiên đã hình thành và không ngừng phát triển, trở thành những bài học vô giá cho các thế hệ sau. Nhiều tư tưởng quân sự kiệt xuất như :"Binh thư yếu lược", "Hổ trướng khu cơ", "Bình Ngô đại cáo", “Quân trung từ mệnh tập”; những trận đánh điển hình như: Bạch Đằng, Như Nguyệt, Chi Lăng, Tây Kết, Ngọc Hồi, Đống Đa...đã để lại những kinh nghiệm quý giá.

* + Chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc

Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động.

* + Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là sự tiếp thu, kế thừa truyền thống đánh giặc của tổ tiên, vận dụng lí luận Mác-Lênin về quân sự, kinh nghiệm của các nước trên thế giới vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, là cơ sở cho sự hình thành và phát triển Nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã từng biên dịch "Binh pháp Tôn Tử", viết về "kinh nghiệm du kích Tàu", "du kích Nga"..., phát triển nguyên tắc chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự qua các thời kì đấu tranh cách mạng. Hồ Chí Minh và Đảng ta đã đề ra phương châm chỉ đạo chiến tranh, phương thức tác chiến chiến lược, nắm bắt đúng thời cơ, đưa chiến tranh Việt Nam kết thúc thắng lợi.

* 1. **Nội dung nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo**
  + Chiến lược quân sự

Chiến lược quân sự là tổng thể phương châm, chính sách và mưu lược được hoạch định để ngăn ngừa và sẵn sàng tiến hành chiến tranh (xung đột vũ trang) thắng lợi; bộ phận hợp thành (quan trọng nhất) có tác dụng chủ đạo trong nghệ thuật quân sự.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, chiến lược quân sự Việt Nam đã thể hiện các nội dung chủ yếu sau.

+ Xác định đúng kẻ thù, đúng đối tượng tác chiến

Sau cách mạng tháng 08-1945 nước chúng ta có đến 4 kẻ thù cùng một lúc bằng sự phân tích sắc sảo Đảng ta nhận định Pháp là kẻ thù chính của dân tộc ta lúc này.

Sau hiệp định Giơnevơ xác định kẻ thù chủ yếu của ta là đế quốc Mĩ.

+ Đánh giá đúng kẻ thù

Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích, đánh giá đúng mạnh, yếu của kẻ thù. Bước vào kháng chiến chống Pháp, bề ngoài so sánh lực lượng địch, ta hết sức chênh lệch nhưng Đảng ta nhận định "Lực lượng của Pháp như mặt trời lúc hoàng hôn, hống hách lắm nhưng đã gần tắt nghỉ" còn "lực lượng của ta ngày càng thêm mạnh, như suối mới chảy, như lửa mới nhen, chỉ có tiến...". Đối với đế quốc Mĩ, Đảng đưa ra nhận định "Mĩ giàu nhưng không mạnh", đây là một tư duy chính xác, khoa học vượt trên mọi tư duy của thời đại trong thời điểm lịch sử. Từ những nhận định trên của Đảng ta, chiến lược quân sự Việt Nam đã tiếp thêm sức mạnh cho nhân dân ta quyết tâm đánh Mĩ và biết thắng Mĩ.

+ Mở đầu và kết thúc chiến tranh đúng lúc Mở đầu chiến tranh

Trong kháng chiến chống pháp Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "... Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, giặc Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa...".

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, Đảng ta đã chọn đúng thời điểm sau năm 1960, chuyển từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng, cách mạng miền Nam đã có bước trưởng thành, đây là thời điểm sau đồng khởi và không cho Mĩ tạo cớ phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc).

Kết thúc chiến tranh

Trong kháng chiến chống Pháp, chúng ta chọn thời điểm sau khi giành thắng lợi ở chiến dịch Điện Biên Phủ. Trong kháng chiến chống Mĩ, ta chọn thời điểm, kết thúc thắng lợi chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Tại các thời điểm đó, thế và lực cách mạng đều mạnh, có đủ điều kiện để quyết định kết thúc chiến tranh, tự quyết định vận mệnh của đất nước, mà không phụ thuộc vào những yếu tố tác động khách quan.

+ Phương châm tiến hành chiến tranh

Đảng ta chỉ đạo tiến hành chiến tranh với tinh thần "tự lực cánh sinh, đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính", nhưng kháng chiến lâu dài không đồng nghĩa với kéo dài vô thời hạn, mà phải biết lựa chọn thời điểm có lợi nhất để kết thúc chiến tranh càng sớm càng tốt.

+ Phương thức tiến hành chiến tranh

Cuộc chiến tranh chống quân xâm lược nước ta là chiến tranh cách mạng, chính nghĩa và tự vệ. Do đó, Đảng ta chỉ đạo : phương thức tiến hành chiến tranh là chiến tranh nhân dân kết hợp giữa địa phương với các binh đoàn chủ lực, kết hợp chặt chẽ tiến công địch bằng hai lực lượng chính trị, quân sự ; bằng ba mũi giáp công quân sự, chính trị, binh vận ; trên cả ba vùng chiến lược : rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị, làm cho địch bị động, lúng túng trong đối phó, dẫn đến sai lầm về chiến lược, sa lầy về chiến thuật và thất bại.

Như vậy chiến lược quân sự Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ đã phát triển cao, giải quyết thành công nhiều vấn đề lí luận, thực tiễn chiến

tranh, thực sự trở thành bộ phận chủ đạo của NTQS Việt Nam, góp phần quan trọng đưa hai cuộc kháng chiến của quân và dân ta đi đến thắng lợi.

* + Nghệ thuật chiến dịch

"Nghệ thuật chiến dịch, là lí luận và thực tiễn chuẩn bị, thực hành chiến dịch và các hoạt động tác chiến tương đương, bộ phận hợp thành của nghệ thuật quân sự, khâu nối liền giữa chiến lược quân sự và chiến thuật."

Chiến dịch hình thành trong kháng chiến chống Pháp, được đánh dấu bằng chiến dịch Việt Bắc-Thu Đông 1947. Trong kháng chiến chống Pháp, ta đã tiến hành hơn 40 chiến dịch ở các quy mô khác nhau là hơn 50 chiến dịch trong kháng chiến chống Mĩ. Sự hình thành chiến dịch và phát triển của nghệ thuật chiến dịch, bộ phận hợp thành của nghệ thuật quân sự Việt Nam là toàn diện, tập trung những vấn đề chủ yếu sau.

+ Loại hình chiến dịch

Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, Quân đội nhân dân Việt Nam và các lực lượng vũ trang đã tổ chức và thực hành các loại hình chiến dịch :

Chiến dịch tiến công. Ví dụ : Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, chiến dịch tiến công Tây Nguyên, chiến dịch Hồ Chí Minh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975.

Chiến dịch phản công. Ví dụ: chiến dịch phản công Việt Bắc năm 1947, chiến dịch phản công đường số 9 - Nam Lào năm 1971.

Chiến dịch phòng ngự. Ví dụ chiến dịch phòng ngự Quảng Trị năm 1972, phòng ngự cánh đồng Chum-Xiêng Khoảng (Lào) năm 1972.

Chiến dịch phòng không, như chiến dịch phòng không Hà Nội 1972. Chiến dịch tiến công tổng hợp, như chiến dịch tiến công tổng hợp Khu 8.

+ Quy mô chiến dịch

Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, quy mô chiến dịch được phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, quy mô chiến dịch của ta còn rất nhỏ bé, lực lượng tham gia từ 1đến 3 trung đoàn, vũ khí, trang bị chiến đấu thô sơ. Đến cuối cuộc kháng chiến chống Pháp, trong chiến dịch Điện Biên Phủ, lực lượng tham gia đã lên tới 5 đại đoàn cùng nhiều lực lượng khác.

Trong kháng chiến chiến chống Mĩ, giai đoạn đầu lực lượng chỉ có từ 1 đến 2 trung đoàn, sau đó phát triển đến sư đoàn. Đến cuối cuộc kháng chiến, đặc biệt là chiến dịch Hồ Chí Minh, lực lượng bộ binh là 5 quân đoàn và nhiều binh chủng, quân chủng khác, phối hợp chặt chẽ với nổi dậy của quần chúng. Trong hai cuộc kháng chiến, ở những giai đoạn đầu, các chiến dịch diễn ra chủ yếu ở địa hình rừng núi, nhưng giai đoạn cuối đã diễn ra trên tất cả địa hình để nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

+ Nghệ thuật chiến dịch là cách đánh chiến dịch

Nghệ thuật tạo ưu thế lực lượng, đảm bảo đánh địch trên thế mạnh, hình thành sức mạnh áp đảo địch trong chiến dịch. Nghệ thuật vận dụng sáng tạo cách đánh chiến dịch (vận dụng hai cách đánh lần lượt và đồng loạt). Nghệ thuật phát huy sức mạnh của

các binh chủng, quân chủng trong tác chiến hiệp đồng quy mô lớn. Nghệ thuật kết hợp tiến công với nổi dậy, phối hợp tác chiến ba thứ quân, lấy đòn đánh lớn của chủ lực làm trung tâm phối hợp. Nghệ thuật chỉ đạo vận dụng chiến thuật sáng tạo để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến dịch. Nghệ thuật khuếch trương kết quả của trận then chốt trước với trận then chốt sau trong chiến dịch tiến công.

Như vậy cách đánh chiến dịch của ta là cách đánh chiến dịch của chiến tranh nhân dân phát triển cao, là vận dụng tổng hợp cách đánh của nhiều lực lượng, kết hợp nhiều phương thức, quy mô tác chiến (đánh du kích, đánh vận động, đánh trận địa, đánh phân tán và đánh tập trung hiệp đồng quan binh chủng) trong đó tác chiến hiệp đồng ngày càng giữ vai trò chủ yếu.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, chiến dịch đã hoàn thành tốt nhiệm vụ do chiến lược vạch ra, tạo sự chuyển hoá chiến lược to lớn, góp phần quyết định giành thắng lợi trong chiến tranh. Các chiến dịch Điện Biên Phủ, Tây Nguyên, Huế- Đà Nẵng, Hồ Chí Minh… đã để lại nhiều kinh nghiệm quý giá, có thể vận dụng vào chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ngày nay và tương lai.

* + Chiến thuật

"Chiến thuật là lí luận và thực tiễn về tổ chức và thực hành trận chiến đấu của phân đội, binh đội, binh đoàn lực lượng vũ trang, bộ phận hợp thành của nghệ thuật quân sự Việt Nam".

Chiến thuật hình thành, phát triển gắn liền với lịch sử xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của quân đội ta. Sự phát triển đó là kết quả của sự chỉ đạo chiến lược, chiến dịch, nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận chiến đấu của bộ đội ta trước một đối tượng địch, địa hình cụ thể. Nội dung của chiến lược được thể hiện :

+ Vận dụng các hình thức chiến thuật vào các trận chiến đấu

Giai đoạn đầu của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, lực lượng, vũ khí, trang bị của ta còn hạn chế, do đó, tư tưởng tác chiến của bộ đội ta là "quán triệt tư tưởng tiến công, triệt để dùng du kích chiến, vận động chiến để tiêu diệt địch". Các giai đoạn sau của hai cuộc kháng chiến, bộ đội ta đã trưởng thành, không những đánh giỏi vận động chiến (đánh địch ngoài công sự), mà từng bước vận dụng công kiên chiến (đánh địch trong công sự).

Giai đoạn cuối của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ. Chiến thuật phòng ngự được vận dụng như phòng ngự đồi A1 trong chiến dịch Điện Biên Phủ, phòng ngự Quảng Trị năm 1972, phòng ngự Thượng Đức năm 1974... Ngoài ra, các đơn vị còn vận dụng các hình thức chiến thuật truy kích, đánh địch đổ bộ đường không, hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao.

+ Quy mô lực lượng tham gia trong các trận chiến đấu

Quy mô lực lượng tham gia vào chiến trường ngày càng lớn, có khi áp đảo quân địch trong một thời điểm nhất định

+Cách đánh

Nội dung cách đánh trong từng hình thức chiến thuật phát triển từ cách đánh của lực lượng bộ binh là chủ yếu đến cách đánh hiệp đồng binh chủng. Cách đánh của ta thể hiện tính tích cực, chủ động tiến công, bám thắt lưng địch, chia địch ra mà đánh, trói địch lại mà diệt. Kết hợp chặt chẽ giữa hành động tiến công và phòng ngự của ba thứ quân để hoàn thành nhiệm vụ của cấp trên giao.

1. **VẬN DỤNG MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VÀO SỰ NGHIỆP BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG THỜI KÌ MỚI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA SINH VIÊN**
2. **Quán triệt tư tưởng tích cực tiến công**

Trong lịch sử chiến tranh giữ nước, nghệ thuật quân sự của cha ông ta trước đây luôn nhấn mạnh tư tưởng tích cực, chủ động tiến công địch. Ngày nay, với sức mạnh của cả nước đánh giặc dưới sự lãnh đạo của Đảng, nghệ thuật quân sự của ta càng có điều kiện phát huy mặt mạnh của mình, khoét sâu chỗ yếu của địch để "kiên quyết không ngừng thế tiến công", tiến công địch vào đúng thời cơ, địa điểm thích hợp.

Ngày nay, kẻ thù của đất nước ta là chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, có ưu thế về tiềm lực kinh tế, quân sự, khoa học công nghệ mạnh, nhưng do tiến hành chiến tranh xâm lược, phi nghĩa, nên chúng sẽ bộc lộ nhiều sơ hở vì vậy chúng ta cần nâng cao tư tưởng sẵn sàng chủ động tiến công địch.

1. **Nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc**

Đây là sự kế thừa và phát huy lên một trình độ mới từ nghệ thuật quân sự truyền thống của dân tộc. Trong điều kiện ngày nay với sự phát triển của vũ khí trang thiết bị nhưng không phải vì thế mà bỏ qua sức mạnh của người dân ( cuộc chiến của Hồ Quý Ly thất bại là một bài học xương máu) vì vậy cần dựa vào dân để tiến hanh chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

1. **Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp bằng lực, thế, thời mưu**

Trong đấu tranh vũ trang, trước một đối tượng có sức mạnh vượt trội về quân sự, khoa học công nghệ phải biết kết hợp chặt chẽ các yếu tố: lực lượng, thế trận, thời cơ và mưu trí, sáng tạo.

Nghệ thuật quân sự của ta còn phải biết đánh giá đúng và triệt để khai thác các yếu tố "thiên thời, địa lợi, nhân hoà". Đó là nghệ thuật nắm bắt và phát huy sức mạnh của thời đại, phát huy tiềm năng, thế mạnh của đất nước, con người Việt Nam, trong đó, cần đặc biệt chú trọng "nhân hoà".

1. **Quán triệt tư tưởng lấy ít đánh nhiều, biết tập trung ưu thế lực lượng cần thiết để đánh thắng địch**

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, ông cha ta luôn phải chống lại kẻ thù xâm lược lớn hơn nhiều lần. Đứng trước thực tế đó, ông cha ta đã sáng tạo ra nghệ thuật "lấy ít địch nhiều", nhưng biết tập trung ưu thế lực lượng trong những thời điểm quan trọng để đánh thắng quân xâm lược. Ngày nay, vận dụng tư tưởng lấy ít đánh nhiều, ta phải phải phát huy được khả năng đánh giặc của toàn dân, của cả ba thứ quân, tạo ra sức mạnh tổng hợp hơn địch để đánh thắng địch trong mọi tình thế. Mặt khác, phải tận dụng địa hình, tận dụng được yếu tố bí mật, bất ngờ, tiết kiệm được lực lượng để đánh lâu dài, càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng.

1. **Kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với bảo vệ vững chắc các mục tiêu**

Từng trận đánh, từng chiến dịch có mục đích cụ thể khác nhau, nhưng mục đích chung nhất của mọi hoạt động tác chiến trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là tiêu diệt lực lượng địch phải đi đôi với bảo vệ vững chắc mục tiêu. Muốn giành thắng lợi triệt để trong chiến tranh, chúng ta phải kết hợp đánh tiêu hao với đánh tiêu diệt lớn quân địch. Đánh tiêu hao rộng rãi bằng đánh nhỏ, đánh vừa của chiến tranh nhân dân địa phương sẽ tạo điều kiện cho tác chiến tập trung của chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực, thực hiện đánh lớn, tiêu diệt lớn quân địch. Đi đôi với tiêu hao, tiêu diệt lực lượng của địch, phải bảo vệ vững chắc mục tiêu của ta, là vấn đề có tính quy luật của ta trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

1. **Trách nhiệm của sinh viên**

Nghiên cứu nghệ thuật quân sự của các thế hệ ông cha, chúng ta có quyền tự hào về tinh thần dũng cảm, ý chí kiên cường trong chống giặc ngoại xâm để bảo vệ sự tồn vong của đất nước. Ngày nay đất nước đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Nhưng kẻ thù còn đó, chúng đang tìm mọi thủ đoạn để xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Do vậy, trách nhiệm của sinh viên rất nặng nề đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trước hết, mỗi sinh viên cần phát huy tinh thần tự lực, vượt quan khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ học tập, đặc biệt là không ngừng bồi đắp lòng yêu quê hương, đất nước. Mặt khác, phải phấn đấu, tu dưỡng để trở thành những công dân tốt, sẵn sàng làm nhiệm vụ khi Tổ quốc cần.

**KẾT LUẬN**

Nghệ thuật quân sự Việt Nam ngày nay là sự phát huy truyền thống nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật QSVN từ khi có Đảng lãnh đạo. Hiện nay bối cảnh tình hình thế giới, tình hình khu vực đang có những diễn biến hết sức phức tạp. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đang dùng mọi âm mưu, thủ đoạn tinh vi và xảo quyệt nhằm lât đổ chế độ XHCN ở Việt Nam. Hơn lúc nào hết nghệ thuật QSVN cần được phát triển lên một tầm cao mới đáp ứng yêu cầu của cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam XHCN.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Phân tích truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên?
2. Trình bày những nét đặc sắc về nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo?

**BÀI 8: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO, BIÊN GIỚI QUỐC GIA**

**MỞ ĐẦU**

Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền. Lãnh thổ Việt Nam là một chỉnh thể thống nhất, bất khả xâm phạm, với diện tích đất liền là 331.689 km2, với 4.550 km đường biên giới, là nơi sinh sống của hơn 90 triệu dân thuộc 54 dân tộc anh em đoàn kết trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, bên cạnh những thuận lợi, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những nguy cơ, thách thức. Các thế lực thù địch chưa từ bỏ âm mưu can thiệp vào công việc nội bộ, gây mất ổn định chính trị-xã hội, xâm phạm chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước ta.

Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay. Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một nội dung đặc biệt quan trọng của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định: “Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ gìn hòa bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước. Nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới”.

**Phần I. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ QUỐC GIA**

1. CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ QUỐC GIA

**Tìm hiểu một số khái niệm:**

1. **Quốc gia**
   * Là thực thể pháp lí bao gồm ba yếu tố cấu thành: Lãnh thổ, dân cư và quyền lực công cộng. Quốc gia là chủ thể căn bản nhất của luật quốc tế.

Hiện có 193 quốc gia là thành viên Liên Hợp Quốc, 01 quan sát viên tại Liên Hợp Quốc (Toà thánh Vatican), 01 quốc gia được 24 quốc gia công nhận (Đài Loan), 7 quốc gia thực tế độc lập nhưng không được cộng đồng quốc tế thừa nhận, 2 quốc gia được quốc tế thừa nhận, nhưng thực tế không độc lập (Palestin và Tây Sahara).

7 quốc gia thực tế độc lập nhưng không được cộng đồng quốc tế thừa nhận: [Abkhazia](http://vi.wikipedia.org/wiki/Abkhazia), [Bắc Kibris](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Kibris) (riêng nước này được duy nhất [Thổ Nhĩ Kỳ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%95_Nh%C4%A9_K%E1%BB%B3) công nhận), [Nagorno- Karabakh](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a_Nagorno-Karabakh), [Nam Ossetia](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nam_Ossetia), [Somaliland](http://vi.wikipedia.org/wiki/Somaliland), [Transnistria](http://vi.wikipedia.org/wiki/Transnistria) và [Kosovo](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kosovo) (nước này được phần lớn các nước phương Tây công nhận).

* + Chủ quyền quốc gia là đặc trưng cơ bản, quan trọng nhất của quốc gia.
  + Theo luật pháp quốc tế hiện đại, tất cả các quốc gia đều bình đẳng về chủ quyền.
  + Quốc gia có khi được dùng để chỉ một nước hay đất nước. Hai khái niệm đó có thể được dùng thay thế cho nhau.
  + **Lãnh thổ quốc gia**

Là phạm vi không gian được giới hạn bởi biên giới quốc gia, thuộc chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ của một quốc gia.

Lãnh thổ quốc gia Việt Nam bao gồm: Vùng đất quốc gia, vùng biển quốc gia (nội thuỷ và lãnh hải), vùng trời quốc gia, ngoài ra còn gồm lãnh thổ quốc gia đặc biệt.

+ Vùng đất quốc gia (kể cả các đảo và quần đảo)

* + Khái niệm: Là phần mặt đất và lòng đất của đất liền (lục địa), của đảo, quần đảo thuộc chủ quyền một quốc gia; bộ phận quan trọng nhất cấu thành nên lãnh thổ quốc gia, làm cơ sở để xác định vùng trời quốc gia, nội thuỷ, lãnh hải.

Vùng đất quốc gia có thể gồm những lục địa ở những điểm khác nhau (tách rời nhau), nhưng các vùng đất đó đều thuộc lãnh thổ thống nhất của quốc gia (ví dụ bang Alaska của Mỹ) ; hoặc cũng có thể chỉ bao gồm các đảo, quần đảo ở ngoài biển hợp thành quốc gia quần đảo. (ví dụ Inđônêxia).

Việt Nam là một quốc gia nằm trên bán đảo Đông Dương, ven biển Thái Bình Dương, có vùng đất quốc gia vừa là đất liền, vừa là đảo, vừa là quần đảo, bao gồm từ đỉnh Lũng Cú - Hà Giang đến mũi Cà Mau; các đảo như Vân đồn, Cát bà, Côn đảo, Phú Quốc... và quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

* + Chế độ pháp lý: Vùng đất quốc gia thuộc chủ quyền hòan toàn & tuyệt đối của Việt Nam.

+ Vùng biển quốc gia

Việt Nam có ba mặt hướng ra biển: Đông, Nam và Tây Nam, với bờ biển dài

3.260 km, từ Móng Cái đến Hà Tiên. Phần Biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam mở rộng về phía Đông và Đông Nam, có thềm lục địa, các đảo và quần đảo lớn nhỏ bao bọc. Riêng Vịnh Bắc Bộ đã tập trung một quần thể gần 3.000 hòn đảo trong khu vực Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long; các đảo Cát Hải, Cát Bà, Bạch Long Vĩ; xa hơn là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; phía Tây Nam và Nam có các nhóm đảo Côn Sơn, Phú Quốc và Thổ Chu.

Vùng biển Việt Nam: Bao gồm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia.

**- Nội thuỷ**

+ Khái niệm: Là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong của đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam.

Đường cơ sở là đường gãy khúc nối liền các điểm được lựa chọn tại ngấn nước thuỷ triều thấp nhất dọc theo bờ biển và các đảo gần bờ do Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam xác định và công bố.( Nối điểm xa nhất khi thủy triều xuống thấp nhất lại với nhau bằng đường gấp khúc gọi là đường cơ sở). hệ thống đường cơ sở ven bờ lục địa Việt Nam gồm 10 đoạn nối 11 điểm và có ghi tọa độ, có ký hiệu từ: Điểm 0 đến A11.

+ Chế độ pháp lí: Vùng nước thuộc nội thuỷ có chế độ pháp lí như lãnh thổ trên

đất liền.( Có chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ **).** Nội thuỷ của Việt Nam bao gồm: Các vùng nước phía trong đường cơ sở; vùng nước cảng được giới hạn bởi đường nối các điểm nhô ra ngoài khơi xa nhất của các công trình thiết bị thường xuyên là bộ phận hữu cơ của hệ thống cảng.

**- Lãnh hải**

+ Khái niệm: Là vùng biển có chiều rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển, có chế độ pháp lí như lãnh thổ đất liền. (Thực hiện chủ quyền đầy đủ và hoàn toàn.)

Như vậy lãnh hải của nước ta là một dải biển ven bờ nằm ngoài và tiếp liền với nội thủy của nước ta và có chiều rộng là 12 hải lý, tính từ đường cơ sở ven bờ lục địa Việt Nam và thuộc về chủ quyền hoàn toàn của nước ta trên biển. Ranh giới bên ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển. Đường này chạy song song với đường cơ sở và cách đường cơ sở 12 hải lý.

Lãnh hải của Việt Nam bao gồm lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo.

Lãnh hải của các đảo, quần đảo xa bờ, của quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của các đảo hay quần đảo đó

+ Chế độ pháp lí: Trong lãnh hải, tàu thuyền của các quốc gia khác được hưởng quyền qua lại không gây hại, Tức là với điều kiện là không được xâm phạm đến hòa bình, an ninh, trật tự và phải tôn trọng các quy định của quốc gia ven biển. Thường đi theo tuyến phân luồng giao thông biển của nước ven biển. (Điều 19 công ước Luật Biển Quốc Tế 1982). Các phương tiện bay nước ngoài không được vào vùng trời ở trên lãnh hải Việt Nam. Trừ trường hợp được sự đồng ý của Chính phủ Việt Nam.

* **Vùng tiếp giáp lãnh hải**

+ Khái niệm: Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.

+ Chế độ pháp lí: Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia, quyền kiểm soát trong vùng tiếp giáp lãnh hải nhằm ngăn ngừa và trừng trị hành vi vi phạm pháp luật về hải quan, thuế, y tế, xuất nhập cảnh xảy ra trên lãnh thổ hoặc trong lãnh hải Việt Nam.

* Quyền chủ quyền: Là quyền cụ thể của một quốc gia xuất phát từ nguyên tắc chủ quyền quốc gia, cho phép quốc gia đó áp dụng quyền lực của mình đối với các đối tượng. Quốc gia ven biển được thực hiện quyền chủ quyền đối với vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của mình trong việc thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lý tài nguyên thiên nhiên và các hoạt động khác.
* Quyền tài phán: Là quyền của các cơ quan hành pháp và tư pháp của một quốc gia xem xét và giải quyết vụ việc theo thẩm quyền của mình. Trong phạm vi lãnh thổ quốc gia, quốc gia thực hiện quyền tài phán đầy đủ, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà quốc gia đó ký kết hoặc gia nhập có qui định khác. Quốc gia còn thực hiện quyền tài

phán đối với: Một số nơi bên ngoài lãnh thổ quốc gia VĐQKT, TLĐ; các phương tiện bay, tàu biển, tàu thuyền nước ngoài đi lại trong lãnh hải của mình).

* **Vùng đặc quyền kinh tế**

+ Khái niệm:Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở.

+ Chế độ pháp lí: Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền về việc thăm dò, khai thác, quản lý và bảo tồn tài nguyên thuộc vùng nước bên trên đáy biển, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển; về các hoạt động khác nhằm thăm dò, khai thác vùng này vì mục đích kinh tế.

Nhà nước thực hiện quyền tài phán quốc gia (quyền phân xử phải trái, đúng sai) về lắp đặt và sử dụng đảo nhân tạo, thiết bị và công trình trên biển; nghiên cứu khoa học biển, bảo vệ và gìn giữ môi trường biển.

Nhà nước tôn trọng quyền tự do hàng hải, tự do hàng không; quyền đặt dây cáp, ống dẫn ngầm của các quốc gia khác (phải có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam).

Các quyền và nghĩa vụ khác phù hợp với pháp luật quốc tế.

* **Thềm lục địa:**

+Khái niệm:Là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa.

Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa này cách đường cơ sở chưa đủ 200 hải lý thì thềm lục địa nơi đó được kéo dài đến 200 hải lý tính từ đường cơ sở.

Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa này vượt quá 200 hải lý tính từ đường cơ sở thì thềm lục địa nơi đó được kéo dài không quá 350 hải lý tính từ đường cơ sở hoặc không quá 100 hải lý tính từ đường đẳng sâu 2500 mét.

(Trong trường hợp thềm lục địa kéo dài hơn 200 hải lý thì phải làm luận chứng khoa học báo cáo với ủy ban ranh giới thềm lục địa của Liên hợp quốc)

+ Chế độ pháp lí: Nhà nước có quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia đối với thềm lục địa. Chủ quyền của nước ta đối với thềm lục địa là đương nhiên.

+ Vùng trời quốc gia

* Khái niệm: Là khoảng không gian phía trên lãnh thổ quốc gia; là bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia và thuộc chủ quyền hoàn toàn của quốc gia đó.
* Chế độ pháp lí: Việt Nam có chủ quyền hoàn toàn đối với vùng trời quốc gia của mình.

Việc làm chủ vùng trời quốc gia trên vùng lãnh thổ quốc gia đặc biệt được thực hiện theo quy định chung của công ước quốc tế.

+ Lãnh thổ quốc gia đặc biệt

Là loại lãnh thổ đặc thù của một quốc gia tồn tại hợp pháp trong lãnh thổ một quốc gia khác hoặc trên vùng biển, vùng trời quốc tế. Ví dụ như trụ sở làm việc và nơi

* của cơ quan đại diện ngoại giao.

1. **Chủ quyền quốc gia**

Là quyền làm chủ một cách độc lập, toàn vẹn và đầy đủ về mọi mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp của một quốc gia trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia đó. Quốc gia thể hiện chủ quyền của mình trên mọi phương diện kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao.

Tất cả các nước, không tính đến quy mô lãnh thổ, dân số, chế độ xã hội, đều có chủ quyền quốc gia. Chủ quyền quốc gia là đặc trưng chính trị và pháp lí thiết yếu của một quốc gia độc lập, được thể hiện trong hoạt động của các cơ quan nhà nước và trong hệ thống pháp luật quốc gia.

Tôn trọng chủ quyền quốc gia là một nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế. Hiến chương Liên hợp quốc khẳng định nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền giữa các quốc gia; không một quốc gia nào được can thiệp hoặc khống chế, xâm phạm chủ quyền của một quốc gia khác.

1. **Chủ quyền lãnh thổ quốc gia**

Là một bộ phận của chủ quyền quốc gia, khẳng định quyền làm chủ của quốc gia đó trên vùng lãnh thổ của mình. Mỗi nước có toàn quyền định đoạt mọi việc trên lãnh thổ của mình, không được xâm phạm lãnh thổ và can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác.

Chủ quyền lãnh thổ quốc gia dừng lại ở biên giới quốc gia; mọi tư tưởng và hành động thể hiện chủ quyền quốc gia vượt quá biên giới quốc gia của mình đều là hành động xâm phạm chủ quyền của các quốc gia khác và trái với công ước quốc tế. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là tuyệt đối, bất khả xâm phạm; tôn trọng chủ quyền lãnh thổ quốc gia là nguyên tắc cơ bản trong quan hệ và luật pháp quốc tế.

1. **NỘI DUNG XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ QUỐC GIA**
2. **Khái niệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia**

Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia là thực hiện tổng thể các giải pháp, biện pháp trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại và quốc phòng, an ninh nhằm thiết lập và bảo đảm quyền làm chủ một cách độc lập, toàn vẹn và đầy đủ về mọi mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp của quốc gia trong phạm vi lãnh thổ, bao gồm vùng đất, vùng trời, vùng biển và lãnh thổ đặc biệt của quốc gia.

* + Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia là sử dụng tổng hợp các lực lượng và biện pháp chống lại sự xâm phạm, phá hoại dưới mọi hình thức để giữ gìn toàn vẹn chủ quyền nhà nước đối với lãnh thổ quốc gia.
  + Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia Việt Nam là yêu cầu tất yếu, là nhiệm vụ quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia Việt Nam gồm:

1. **Nội dung của việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia Việt Nam**
   * Xây dựng, phát triển mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại và

quốc phòng, an ninh của đất nước.

* + Xác lập và bảo vệ quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp của Việt Nam trên mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong phạm vi lãnh thổ của mình.
  + Bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bao gồm vùng đất, vùng trời, nội thuỷ, lãnh hải và lãnh thổ đặc biệt của Việt Nam; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động phá hoại, vi phạm chủ quyền, xâm phạm lãnh thổ của Việt Nam.

(Ta đã làm chủ thực sự quần đảo Hoàng Sa từ thế kỷ XVII, khi quần đảo này chưa thuộc bất kỳ quốc gia nào. Năm 1956 Trung Quốc đưa quân chiếm đóng các đảo phía đông quần đảo Hoàng sa, năm 1974 chiếm toàn bộ Hoàng Sa)

* + Bảo vệ sự thống nhất lãnh thổ của đất nước, thống nhất về quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Đấu tranh làm thất bại mọi hành động chia cắt lãnh thổ Việt Nam; mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch cả bên trong lẫn bên ngoài hòng phá hoại quyền lực tối cao của Việt Nam.

Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia gắn bó chặt chẽ và đặt trong tổng thể chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Làm tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia là trực tiếp góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**Phần II. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ BIÊN GIỚI QUỐC GIA TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

1. **BIÊN GIỚI QUỐC GIA**
2. Khái niệm

Luật biên giới quốc gia của Việt Nam năm 2003 xác định: “Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đường và mặt phẳng thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

* + Biên giới quốc gia của Việt Nam được xác định bằng hệ thống các mốc quốc giới trên thực địa, được đánh dấu bằng các toạ độ trên hải đồ và thể hiện bằng mặt phẳng thẳng đứng theo lãnh thổ Việt Nam.
  + Biên giới quốc gia Việt Nam bao gồm biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển, trên không và trong lòng đất.

1. **Một số hiểu biết về biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển, trên không, trong lòng đất và khu vực biên giới**
2. **Biên giới quốc gia trên đất liền**

Là phân định lãnh thổ trên bề mặt đất liền của vùng đất quốc gia.

Trong thực tế, biên giới quốc gia trên đất liền được xác lập dựa vào các yếu tố địa hình (núi, sông, suối, hồ nước, thung lũng...); thiên văn (theo kinh tuyến, vĩ tuyến); hình học (đường nối liền các điểm quy ước). Biên giới quốc gia trên đất liền được xác lập trên cơ sở thoả thuận giữa các quốc gia có lãnh thổ tiếp giáp với nhau và được thể

hiện bằng các điều ước hoạch định biên giới giữa các QG liên quan.

* + Trên đất liền xác định theo các điểm (toạ độ, điểm cao), đường (đường thẳng, đường sống núi, đường cái, đường mòn), vật chuẩn (cù lao, bãi bồi)
  + Trên sông suối: nếu tàu thuyền đi lại được thì theo giữa lạch của sông; nếu tàu thuyền không đi lại được thì theo giữa sông suối đó. Nếu sông suối đổi dòng thì biên giới vẫn giữ nguyên.
  + Trên cầu bắc qua sông suối, biên giới chính giữa cầu, dù biên giới đi dưới sông suối như thế nào.
  + Việt Nam có đường biên giới quốc gia trên đất liền dài 4.550 km tiếp giáp với Trung Quốc ở phía Bắc, với Lào và Campuchia ở phía Tây, phía Đông giáp BĐ.

+ Biên giới Việt Nam – Trung Quốc:

Dài 1406 km (344 km đi theo sông, suối) . Có tổng cộng 1.971 cột mốc (1.549 cột mốc chính, 422 cột mốc phụ). Đi qua 7 tỉnh của Việt Nam và 2 tỉnh của TQ

+ Biên giới Việt Nam – Lào:

Dài 2.007 km (304 km sông, suối). Đi qua 10 tỉnh của VN và 8 tỉnh của Lào

+ Biên giới Việt Nam – Campuchia:

Dài 1.137 km. Đi qua 10 tỉnh của Việt Nam & giáp 9 tỉnh của Campuchia

(Hiện nay chúng ta đã cắm xong các cột mốc trên đất liền với Trung quốc và thông tin thêm về tình hình phân định cắm mốc biên giới với Campuchia và Lào). Cần đấu tranh với các quan điểm sai trái, xuyên tạc tình hình phân định cắm mốc biên giới giữa ta với Trung Quốc.**)**

1. **Biên giới quốc gia trên biển**

Là phân định lãnh thổ trên biển giữa các quốc gia có bờ biển liền kề hay đối diện nhau; là ranh giới phía ngoài của lãnh hải.

* + Biên giới quốc gia trên biển của quốc gia quần đảo là đường biên giới quốc gia phân định lãnh thổ quốc gia với biển cả.
  + Đối với các đảo của một quốc gia nằm ngoài phạm vi lãnh hải của quốc gia, biên giới quốc gia trên biển là đường ranh giới phía ngoài của lãnh hải bao quanh đảo.
  + Biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam được hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo của Việt Nam, được xác định theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.
  + Vùng nước lịch sử: (Theo Luật biên giới quốc gia 2003)

“Là vùng nước do những điều kiện địa lý đặc biệt có ý nghĩa quan trọng đối với kinh tế, quốc phòng, an ninh của Việt Nam, hoặc của Việt Nam và các quốc gia có cùng quá trình quản lý, khai thác, sử dụng lâu đời”

* + Việt Nam có vùng nước lịch sử với Trung Quốc và Cămpuchia (với Trung Quốc là ở Vịnh Bắc Bộ đã phân định xong)
  + Bờ biển nước ta dài 3.260km (từ mũi Sa Vĩ - Quảng Ninh; Hà Tiên - Kiên

Giang), đi qua 28 tỉnh, thành phố (680 xã ven biển). Có 30 cảng biển, 112 cửa sông, 47 vịnh, hơn 3.000 đảo.

Đảo Hoàng Sa:

Diện tích 15.000km2. Gồm 30 đảo. Phần nổi 10 km2 Đảo Trường Sa: Diện tích 180.000km2

Gồm 120 hòn đảo, bãi đá, bãi cạn, bãi ngầm. Đảo lớn nhất là đảo Ba Bình 0,6- 0,7 km2 ,các đảo khác từ 0,2-0,4km2.

1. **Biên giới quốc gia trên không**

Là biên giới phân định vùng trời giữa các quốc gia liền kề hoặc các vùng trời quốc tế, được xác định bởi mặt phẳng thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên trên vùng trời.

* + Trong điều kiện khoa học và công nghệ phát triển, việc xác lập biên giới quốc gia trên không có ý nghĩa ngày càng quan trọng trong việc thực hiện chủ quyền đối với vùng trời quốc gia. Đến nay chưa có quốc gia nào quy định độ cao cụ thể của biên giới quốc gia trên không. Nhưng nói chung không được vượt quá chiều cao vệ tinh địa tĩnh (35.786km).

1. **Biên giới quốc gia trong lòng đất**

Là phân định lãnh thổ quốc gia trong lòng đất phía dưới vùng đất quốc gia, nội thuỷ và lãnh hải, được xác định bởi mặt phẳng thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất.

Độ sâu cụ thể của biên giới trong lòng đất được xác định bằng độ sâu mà kĩ thuật khoan có thể thực hiện. Đến nay, chưa có quốc gia nào quy định độ sâu cụ thể của biên giới trong lòng đất.

1. **Khu vực biên giới**

Là vùng lãnh thổ tiếp giáp biên giới quốc gia có quy chế, quy định đặc biệt do Chính phủ ban hành nhằm bảo vệ an toàn biên giới.

* + Khu vực biên giới Việt Nam bao gồm:

+ Khu vực biên giới trên đất liền gồm xã, phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia Việt Nam trên đất liền.

+ Khu vực biên giới quốc gia Việt Nam trên biển được tính từ biên giới quốc gia trên biển vào hết địa giới hành chính xã, phường, thị trấn giáp biển và đảo, quần đảo.

+ Khu vực biên giới trên không gồm phần không gian dọc theo biên giới quốc gia có chiều rộng mười kilômét tính từ biên giới Việt Nam trở vào.

1. **NỘI DUNG XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ BIÊN GIỚI QUỐC GIA**
2. Khái niệm xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia

Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là thực hiện tổng thể các biện pháp để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ tài nguyên, môi sinh, môi trường, lợi ích quốc gia trên khu vực biên giới, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới.

* + Do vị trí địa lí và chính trị, trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, việc xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia luôn là một vấn đề đặc biệt quan trọng đối với sự ổn định và phát triển đất nước. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là một nội dung của xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, là một biện pháp hiệu quả chống lại sự xâm phạm chủ quyền lãnh thổ quốc gia.
  + Trong hoà bình, bảo vệ biên giới quốc gia là tổng thể các biện pháp mà hệ thống chính trị, xã hội, các lực lượng vũ trang khu vực biên giới áp dụng nhằm tuần tra, giữ gìn nguyên vẹn, chống lại sự xâm phạm biên giới quốc gia. Bộ đội Biên phòng là lực lượng chuyên trách và làm nòng cốt trong bảo vệ biên giới quốc gia. Khi có xung đột hoặc chiến tranh, các biện pháp bảo vệ biên giới quốc gia được thể hiện rõ qua các trạng thái sẵn sàng chiến đấu: thường xuyên, tăng cường và cao.
  + Luật biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003 xác định: “Xây dựng, quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới là sự nghiệp của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lí. Nhà nước và nhân dân thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại”. Xây dựng và bảo vệ gồm các nội dung sau:

1. Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia
   * Ưu tiên đầu tư xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện về chính trị, kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, có chính sách ưu tiên tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân khu vực biên giới định cư ổn định, phát triển và sinh sống lâu dài ở khu vực biên giới, điều chỉnh dân cư theo yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội và củng cố quốc phòng-an ninh khu vực biên giới.
   * Tăng cường, mở rộng quan hệ đối ngoại các cấp trên khu vực biên giới; phát triển kinh tế đối ngoại, tăng cường hợp tác nhiều mặt nhằm xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định lâu dài với các nước láng giềng.
   * Bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Sử dụng tổng hợp các lực lượng và biện pháp của Nhà nước chống lại sự xâm phạm, phá hoại dưới mọi hình thức để giữ gìn toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia.
   * Bảo vệ tài nguyên, môi sinh, môi trường. Sử dụng tổng hợp các biện pháp đấu tranh ngăn chặn mọi hành động xâm phạm tài nguyên, đặc biệt là xâm phạm tài nguyên trong lòng đất, trên biển, trên không, thềm lục địa của Việt Nam.

Ngăn chặn, đấu tranh với mọi hành động phá hoại, huỷ hoại, gây ô nhiễm môi sinh, môi trường khu vực biên giới, bảo đảm cho người Việt Nam, nhân dân khu vực biên giới có môi trường sinh sống bền vững, ổn định và phát triển lâu dài.

* + Bảo vệ lợi ích quốc gia trên khu vực biên giới. Thực thi quyền lực chính trị tối cao (quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp) của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên khu vực biên giới, chống lại mọi hành động xâm phạm về lợi ích kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước trên khu vực biên giới. Bảo đảm mọi lợi ích của người Việt Nam phải được thực hiện ở khu vực biên giới theo luật pháp Việt Nam, phù hợp với luật pháp quốc tế và các hiệp định mà Việt Nam kí kết với các nước hữu quan.
  + Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới. Đập tan mọi âm mưu và hành động gây mất ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới quốc gia. Đấu tranh chống mọi tư tưởng và hành động chia rẽ đoàn kết dân tộc, phá hoại sự ổn định, phát triển khu vực biên giới.
  + Phối hợp với các nước, đấu tranh ngăn chặn mọi hành động phá hoại tình đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước láng giềng. Trấn áp mọi hành động khủng bố, tội phạm xuyên biên giới quốc gia.

**Phần III. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA VỀ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN,BIỂN, ĐẢO, BIÊN GIỚI QUỐC GIA**

1. **QUAN ĐIỂM**
2. Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một nội dung quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa
   * Lãnh thổ và biên giới quốc gia Việt Nam là một bộ phận hợp thành quan trọng, không thể tách rời của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Lãnh thổ và biên giới quốc gia là yếu tố cơ bản bảo đảm cho sự ổn định, bền chắc của đất nước Việt Nam.
   * Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là sự khẳng định chủ quyền của Nhà nước Việt Nam, bao gồm cả quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trong phạm vi lãnh thổ, gồm cả vùng đất, vùng trời, nội thuỷ, lãnh hải và lãnh thổ đặc biệt của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
   * Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một nội dung đặc biệt quan trọng của xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa không thể thành công nếu chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia không được xây dựng và bảo vệ tốt, bị xâm phạm.
3. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam
   * Lãnh thổ quốc gia Việt Nam là nơi sinh ra và lưu giữ, phát triển con người và những giá trị của dân tộc Việt Nam.

Trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, các thế hệ người Việt Nam đã phải đổ biết bao mồ hôi, xương máu mới xây dựng nên, mới giữ gìn, bảo vệ được lãnh thổ quốc gia toàn vẹn, thống nhất và tươi đẹp như ngày hôm nay. Nhờ đó mà con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam có thể tồn tại, sinh sống, vươn lên và phát triển một cách độc lập, bình đẳng với các quốc gia, dân tộc khác trong cộng đồng quốc tế; những giá trị, truyền thống, bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam được khẳng định, lưu truyền và phát triển sánh vai với các cường quốc năm châu.

* + Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là kết quả đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam suốt chiều dài hàng ngàn năm lịch sử.

Từ thửa Hùng Vương dựng nước đến thời đại Hồ Chí Minh, đứng trước những kẻ thù to lớn và hung bạo, dân tộc Việt Nam luôn có ý thức và quyết tâm bảo vệ. Dù phải trải qua hàng chục cuộc chiến tranh lớn nhỏ, phải chịu dưới ách đô hộ của các thế lực phong kiến, thực dân, đế quốc, người Việt Nam luôn phất cao hào khí anh hùng,

lòng tự hào, tự tôn dân tộc trong dựng nước và giữ nước, xây dựng và giữ gìn biên cương lãnh thổ quốc gia, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Tư tưởng “Sông núi nước Nam vua Nam ở”, của ông cha ta được tiếp nối, khẳng định và nâng lên tầm cao mới trong thời đại Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dạy: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

* + Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam. Nhà nước Việt Nam, nhân dân Việt Nam quyết tâm giữ gìn và bảo vệ quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm đó.

Luật biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khẳng định: “Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Xây dựng, quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng và an ninh của đất nước”.

1. Xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định, giải quyết các vấn đề tranh chấp thông qua đàm phán hoà bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chính đáng của nhau
   * Xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định là vấn đề đặc biệt quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta.

Quan điểm này phù hợp với lợi ích và luật pháp của Việt Nam, phù hợp với công ước và luật pháp quốc tế, cũng như lợi ích của các quốc gia có liên quan. Đảng và Nhà nước ta coi việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa là lợi ích cao nhất của đất nước.

* + Trong giải quyết các vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biên giới, Đảng và Nhà nước ta luôn nhất quán thực hiện quan điểm giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng hoà bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chính đáng của nhau.
  + Về những vấn đề tranh chấp chủ quyền lãnh thổ trên bộ, trên biển do lịch sử để lại hoặc mới nẩy sinh, Đảng và Nhà nước ta khẳng định: “Việt Nam luôn sẵn sàng thương lượng hoà bình để giải quyết một cách có lí, có tình”,( Tài liệu Quốc phòng Việt Nam, NXB Thế giới, Hà nội, 2004, tr. 14 ) Việt Nam ủng hộ việc giải quyết các mâu thuẫn, bất đồng trong khu vực thông qua đối thoại, thương lượng hoà bình, không sử dụng vũ lực hay đe doạ sử dụng vũ lực. Nhưng Việt Nam cũng sẵn sàng tự vệ chống lại mọi hành động xâm phạm lãnh thổ đất liền, vùng trời, vùng biển và lợi ích quốc gia của Việt Nam.
  + Về vấn đề tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông, quan điểm nhất quán của Việt Nam là: Việt Nam khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi đối với vùng biển, đảo của Việt Nam trên Biển Đông, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Việt Nam có đầy đủ chứng cứ lịch sử và cơ sở pháp lí về vấn đề này. Tuy nhiên, vì lợi ích an ninh chung của các bên hữu quan, Việt Nam sẵn sàng đàm phán hoà bình để giải quyết, trước

mắt là đạt tới sự thoả thuận về “Bộ quy tắc ứng xử” trong khi tiếp tục tìm kiếm giải pháp lâu dài cho vấn đề Biển Đông.

1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí thống nhất của Nhà nước, lực lượng vũ trang là nòng cốt
   * Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhà nước thống nhất quản lí việc xây dựng, quản lí, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; có chính sách ưu tiên đặc biệt xây dựng khu vực biên giới vững mạnh về mọi mặt. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới…
   * Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng nòng cốt trong nhiệm vụ bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Bộ đội Biên phòng là lực lượng nòng cốt, chuyên trách, phối hợp với lực lượng Công an nhân dân, các ngành hữu quan và chính quyền địa phương trong hoạt động quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật.
2. **TRÁCH NHIỆM CÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA**
3. Trách nhiệm công dân
   * Mọi công dân Việt Nam đều có nghĩa vụ, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam.
   * Trách nhiệm của công dân Việt Nam đối với xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam được Nhà nước ban hành cụ thể trong Hiến pháp và luật.
   * Điều 64: Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định:

+ Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân.

+ Nhà nước củng cố và tăng cường nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân mà nòng cốt là lực lượng vũ trang nhân dân; phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo vệ vững chắc Tổ quốc, góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới.

+ Cơ quan, tổ chức, công dân phải thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quốc phòng và an ninh

Điều 1: Luật nghĩa vụ quân sự chỉ rõ: “Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và cao quý của công dân. Công dân phải làm nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân”.

Điều 10: Luật biên giới quốc gia cũng xác định: “Xây dựng, quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới là sự nghiệp của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lí”.

Thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, mọi công dân Việt Nam phải :

+ Mọi công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam không phân biệt thành phần xã hội, dân tộc, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ văn hoá, nơi cư trú đều có nghĩa vụ và trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

* + Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi) nêu rõ: “Mọi âm mưu và hành động chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đều bị nghiêm trị theo pháp luật”. Đồng thời phải luôn nâng cao ý thức quốc phòng, an ninh, xây dựng ý thức, thái độ và trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc; có những hành động thiết thực góp phần vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

+ Chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, trước hết thực hiện nghiêm và đầy đủ Luật Quốc phòng, Luật nghĩa vụ quân sự, Luật biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quân sự, thực hiện nghiêm chỉnh các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. “Công dân phải trung thành với Tổ quốc, làm nghĩa vụ quân sự, được giáo dục về quốc phòng và huấn luyện về quân sự; tham gia dân quân tự vệ, phòng thủ dân sự ; chấp hành nghiêm chỉnh các biện pháp của Nhà nước và người có thẩm quyền khi đất nước có tình trạng chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp về quốc phòng”.

1. Trách nhiệm của sinh viên
   * Sinh viên phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ nhận thức về mọi mặt, hiểu biết sâu sắc về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; từ đó xây dựng, củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, ý chí tự chủ, tự lập, tự cường, nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.
   * Thấy rõ ý nghĩa thiêng liêng, cao quý và bất khả xâm phạm về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xác định rõ vinh dự và trách nhiệm của công dân trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
   * Thực hiện tốt những quy định về chương trình giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh đối với học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp, đại học; hoàn thành tốt các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong thời gian học tập tại trường.
   * Sẵn sàng tham gia các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khi Nhà nước và người có thẩm quyền huy động, động viên. Sau khi tốt nghiệp, sẵn sàng tự nguyện, tự giác tham gia quân đội nhân dân, công an nhân dân khi Nhà nước yêu cầu. Tích cực, tự giác, tình nguyện tham gia xây dựng và phục vụ lâu dài tại các khu kinh tế - quốc phòng, góp phần xây dựng khu vực biên giới, hải đảo vững mạnh, phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, thực hiện nghiêm chỉnh Luật b iên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
   * Đề cao cảnh giác và kiên quyết đấu tranh làm thất bại các luận điệu xuyên tạc phản động về tình hình biên giới quốc gia và những vấn đề biên giới quốc gia đang được giải quyết giữa nước ta với các nước láng giềng cũng như âm mưu phá hoại sự đoàn kết, hữu nghị, hợp tác với các láng giềng.

**KẾT LUẬN**

Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là nội dung đặc biệt quan trọng trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí thống nhất của Nhà nước, lực lượng vũ trang là nòng cốt. Mọi công dân Việt Nam đều có nghĩa vụ, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

Sinh viên cần nhận thức sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia đối với sự toàn vẹn, thống nhất lãnh thổ; quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Trên cơ sở đó, nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân, học tập tốt, thực hiện tốt các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

là gì?

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Chủ quyền quốc gia là gì? Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia
2. Biên giới quốc gia là gì? Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia như

thế nào?

1. Trình bày quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia? Liên hệ trách nhiệm của công dân và sinh viên.

**BÀI 9: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ ĐỘNG VIÊN QUỐC PHÒNG**

**MỞ ĐẦU**

Dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên là một bộ phận của LLVT nhân dân Việt Nam. Xây dựng lực lượng DQTV, lực lượng DBĐV là nội dung quan trọng trong đường lối quân sự của Đảng, là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị.

Tăng cường sức mạnh của nền QPAN, xây dựng thế trận QPTD kết hợp chặt chẽ với thế trận ANND từ cơ sở trong đó lực lượng DQTV là nòng cốt. Vì vậy lực lượng DQTV, lực lượng DBĐV phải được quan tâm chăm lo xây dựng, củng cố thường xuyên và không ngừng nâng cao chất lượng để góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược trong thời kỳ mới.

**Phần I. XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ**

* 1. **KHÁI NIỆM, VỊ TRÍ VAI TRÒ, NHIỆM VỤ CỦA LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ**

1. Khái niệm

Dân quân tự vệ là lực lượng vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất, công tác,là thành phần của lực lưỡng vũ trang nhân dân Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là lực lượng bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước, làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh.

* Lực lượng này được tổ chức ở xã, phường, thị trấn gọi là dân quân;
* Được tổ chức ở cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội gọi là tự vệ.

1. Vị trí, vai trò của DQTV

* Dân quân tự vệ là một lực lượng chiến lược trong chiến tranh nhân dân,quốc phòng toàn dân, làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ địa phương.
* Lực lượng dân quân tự vệ là một trong những công cụ chủ yếu để bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhà nước và nhân dân tại địa phương,cơ sở.

1. Nhiệm vụ của lực lượng DQTV (Luật Dân quân tự vệ năm 2009)

* Sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phục vụ chiến đấu để bảo vệ địa phương,cơ sở; phối hợp với các đơn vị bộ đội biên phòng, hải quân, cảnh sát biển và lực lượng khác bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia và chủ quyền, quyền chủ quyền trên các vùng biển Việt Nam.
* Phối hợp với các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ; giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân của Nhà nước.
* Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm, cứu nạn, bảo vệ và phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và nhiệm vụ phòng

- Tuyên truyền, vận động nhân dân thực chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng-an ninh; tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương, cơ sở.

* Học tập chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự và diễn tập.
* Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.
  1. **NỘI DUNG XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ**

1. **Phương châm xây dựng**

Xây dựng dân quân tự vệ theo hướng “vững mạnh, rộng khắp, coi trọng chất lượng là chính”.

* 1. Vững mạnh

Được thể hiện là chất lượng phải toàn diện cả về chính trị tư tưởng, tổ chức, trình độ chính trị, quân sự và chuyên môn nghiệp vụ, biên chế trang bị hợp lí, thống nhất, có kỉ luật nghiêm, cơ động nhanh sẵn sàng chiến đấu tốt. Mỗi tổ chức dân quân tự vệ phải luôn vững vàng.

* 1. Rộng khắp

Lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng ở hầu hết các làng, bản, xóm, ấp xã, phường, các tổ chức kinh tế, chính trị xã hội, ở đâu cótổ chức Đảng, chính quyền và có dân, đều phải tổ chức dân quân tự vệ, kể các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Trường hợp các doanh nghiệp ngoài quốc doanh không đủ điều kiện (không có tổ chức Đảng) tổ chức dân quân tự vệ nếu có yêu cầu thì giám đốc doanh nghiệp đề nghị và được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh(thành phố trực thuộc trung ương) đồng ý thì công dân được thamgia dân quân tự vệ ở địa phương (cơ sở)(nơi cư trú). Giám đốc doanh nghiệp phải bảo đảm thời gian và tạo điều kiện cho công nhân tham gia dân quân tự vệ hoạt động.

c) Coi trọng chất lượng là chính

Chỉ tuyển chọn đưa vào đội ngũ những công dân có lí lịch rõ ràng, có hộ khẩu thường trú tại địa phương, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, chấp hành đúng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định ở địa phương, có sức khỏe phù hợp.

1. **Tổ chức, biên chế, trang bị của lực lượng dân quân tự vệ**

Phải phù hợp với tính chất, yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng – an ninh thời bình, thời chiến, đặc điểm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và điều kiện cụ thể của từng bộ, nghành, địa phương và cơ sở.

* 1. Về tổ chức

Dân quân tự vệ được tổ chức thành 2 lực lượng là: DQTV nòng cốt (lực lượng chiến đấu). DQTV rộng rãi (lực lượng phục vụ chiến đấu).

* LL DQTV nòng cốt gồm:

DQTV bộ binh, DQTV binh chủng, DQTV biển (vùng biển), được tổ chức thành: Lực lượng cơ động và Lực lượng tại chỗ

Đối với các xã (phường) thuộc địa bàn trọng điểm về QP-AN, biên giới, ven biển, hải đảo có yêu cầu chiến đấu cao thì được xem xét tổ chức lực lượng dân quân thường trực.

+ Lực lượng cơ động: Có nhiệm vụ là chiến đấu, chi viện cho lực lượng chiến đấu tại chỗ và địa phương khác khi cần**.**

+ Lực lượng tại chổ: Có nhiệm vụ là chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu trên địa bàn địa phương theo kế hoạch, phương án, khi cần có thể tăng cường cho lực lượng chiến đấu cơ động.

* Lực lượng dân quân tự vệ rộng rãi gồm:

Cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ nòng cốt đã hòan thành nghĩa vụ dân quân tự vệ (4 năm), công dân trong độ tuổi quy định (nam từ đủ 18 đến hết 45, nữ từ đủ 18 đến hết 40 tuổi).

Có nhiệm vụ phục vụ chiến đấu, vận chuyển tiếp tế, khắc phục hậu quả chiến đấu, bảo vệ và sơ tán nhân dân.

* 1. Về quy mô

Tổ chức DQTV gồm:

* Tổ
* Tiểu đội (khẩu đội)
* Trung đội
* Đại đội (haỉ đội)
* Tiểu đoàn (hải đoàn)

(Cấp đại đội ở xã, phường lớn; cấp tiểu đoàn ở các doanh nghiệp nhà nước do quân khu trở lên quy định).

* 1. Biên chế

Biên chế dân quân tự vệ được thống nhất trong toàn quốc. Số lượng cán bộ, chiến sĩ từng đơn vị do Bộ quốc phòng qui định.

* 1. Về cơ cấu và chức năng cán bộ quân sự cơ sở-phân đội
* Cơ cấu biên chế ban chỉ huy quân sự được tổ chức ở xã, phường, thị trấn, các doanh nghiệp của địa phương và các nghành của nhà nước gồm 4 người**:** Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Chính trị viên phó, Phó chỉ huy trưởng.

Ban CHQS cơ sở chịu trách nhiệm làm tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền cấp mình tổ chức triển khai công tác hoạt động dân quân tự vệ.

+ Chỉ huy trưởng:

Cấp Xã, Phường, Thị trấn: Là thành viên UBND cấp xã, là đảng viên, thường nằm trong cơ cấu cấp ủy.

Các cơ sở khác : Có thể kiêm nhiệm hoặc không kiêm nhiệm.

+ Chính trị viên:

Do Bí thư đảng ủy, Bí thư chi bộ các cơ sở kiêm chính trị viên, chịu trách nhiệm về công tác đảng, công tác chính trị trong DQTV.

+ Chính trị viên phó: Do Bí thư đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh kiêm nhiệm.

+ Phó chỉ huy trưởng: Ở xã, phường, Thị trấn: Là cán bộ chuyên trách, các cơ sở khác là cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

* Quyền hạn bổ nhiệm:

+ Xã đội trưởng, chính trị viên và chính trị viên phó xã đội, xã đội phó và tương đương do Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện bổ nhiệm theo đề nghị của ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với huyện đội trưởng.

+ Thôn đội trưởng, trung đội trưởng, tiểu đội trưởng và khẩu đội trưởng dân quân tự vệ do huyện đội trưởng bổ nhiệm theo đề nghị của xã đội trưởng.

* Thành phần chỉ huy đơn vị DQTV:

+ Cơ cấu cán bộ Tiểu đoàn, Hải đoàn, Hải đội, Đại đội gồm 4 người: Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Chính trị viên phó, Phó chỉ huy trưởng

Tiểu đoàn (Hải đoàn) trưởng, Chính trị viên tiểu đoàn (Hải đoàn), Chính trị viên phó tiểu đoàn (Hải đoàn), Tiểu đoàn (Hải đoàn) phó.

Đại đội (Hải đội) trưởng, Chính trị viên đại đội (Hải đội), Chính trị viên phó đại đội (Hải đội) phó, Đại đội (Hải đội) phó.

+ Cơ cấu cán bộ cấp Trung đội-Tiểu đội và tương đương:

Có một cấp Trưởng (VD: Trung đội trưởng, tiểu đội trưởng…).

e) Về vũ khí, trang bị của dân quân tự vệ

Vũ khí, trang bị cho dân quân tự vệ từ các nguồn do Bộ Quốc phòng cấp, các địa phương tự chế tạo hoặc thu được của địch.

1. Giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự đối với dân quân tự vệ
   1. **Giáo dục chính trị**

Giáo dục chính trị cho lực lượng dân quân tự vệ là một nội dung quan trọng hàng đầu trong nhiệm vụ xây dựng LLDQTV.

* Nội dung giáo dục cần tập trung:

**+** Không ngừng tăng cường bản chất cách mạng và ý thức giácngộ giai cấp, nâng cao cảnh giác cách mạng, nhận rõ bản chất, âm mưu thủ đoạn của kẻ thù.

+ Giáo dục truyền thống dân tộc, tinh thần yêu nước, yêu chế độ xã hội chủ nghĩa; mục tiêu lí tưởng của Đảng; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà đảng và nhân dân ta lựa chọn**.**

**+** Quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược, nhiệm vụ củng cố quốc phòng - an ninh, chống “Diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ,công tác quốc phòng địa phương.

**+** Một số nội dung cơ bản về Hiến pháp, pháp luật, luật dân quân tự vệ, nội dung phương pháp tiến hành vận động quần chúng.

**-** Thời gian giáo dục chính trị: 15-20% qũy thời gian giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự cho từng đối tượng.

* 1. **Huấn luyện quân sự**

Hằng năm, lực lượng dân quân tự vệ được huấn luyện theo nội dung, chương trình do Bộ Quốc phòng quy định, nội dung huấn luyện phải phù hợp và sát với cơ sở do chỉ huy quân sự địa phương các cấp xác định cụ thể.

Huấn luyện toàn diện cả chiến thuật, kĩ thuật, cả bộ binh và các binh chủng, chuyên môn kĩ thuật,...

-Thời gian huấn luyện quân sự: khoảng 80-85% qũy thời gian giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự cho từng đối tượng. Cụ thể:

**+** Đối với dân quân tự vệ tại chỗ: 07 ngày.

**+** Đối với DQTV cơ động, DQTV biển, DQTV binh chủng: 12 ngày.

**+** Đối với dân quân tự vệ năm thứ nhất: 15 ngày.

**+** Đối với DQTV thường trực: 60 ngày trong 01 năm.

* 1. **MỘT SỐ BIỆN PHÁP XÂY DỰNG DÂN QUÂN TỰ VỆ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

1. Thường xuyên giáo dục, quán triệt sâu rộng quan điểm, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân quân tự vệ.
2. Phát huy sức mạnh tổng hợp trên địa bàn địa phương trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.
3. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ gắn với xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.
4. Thực hiện nghiêm túc, đủ các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lực lượng dân quân tự vệ.

**Phần II. XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN**

1. **KHÁI NIỆM, VỊ TRÍ VAI TRÒ CÔNG TÁC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN**
2. Khái niệm

Lực lượng dự bị động viên gồm quân nhân dự bị và phương tiện kĩ thuật đã xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội nhằm duy trì tiềm lực quân sự, là yếu tố góp phần quyết định sự thắng lợi trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

* 1. **Quân nhân dự bị gồm**

Sĩ quan dự bị; quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan; binh sĩ dự bị.

* Sĩ quan dự bị:

+ Sĩ quan, cán bộ là quân nhân chuyên nghiệp khi thôi phục vụ tại ngũ còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện của sĩ quan dự bị.

+ Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan khi thôi phục vụ tại ngũ và hạ sĩ quan dự bị đã được đào tạo sĩ quan dự bị.

+ Cán bộ công chức ngoài quân đội và những người tốt nghiệp đại học trở lên có chuyên môn phù hợp với yêu cầu của quân đội, đã được đào tạo sĩ quan dự bị.

* Quân nhân chuyên nghiệp dự bị:

+ Hạ sĩ quan, binh sĩ hết hạn phục vụ tại ngũ.

+ Công nhân viên chức quốc phòng có trình độ chuyên môn kỹ thuật

+ Sĩ quan quân đội khi chức vụ đang đảm nhiệm không còn nhu cầu bố trí…(khi quân đội có nhu cầu thì được xét chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp).

* Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị:

+ Quân nhân dự bị hạng một gồm:

Hạ sĩ quan và binh sĩ đã phục vụ tại ngũ đủ thời hạn hoặc trên hạn định (18 tuổi đến hết 25 tuổi)

\* Hạ sĩ quan và binh sĩ xuất ngũ trước thời hạn nhưng đã phục vụ tại ngũ trên 6 tháng

\* Hạ sĩ quan và binh sĩ đã trải qua chiến đấu.

\* Nam quân nhân dự bị hạng hai đã qua huấn luyện tập trung đủ 6 tháng.

+ Quân nhân dự bị hạng hai gồm:

* Hạ sĩ quan và binh sĩ xuất ngũ trước thời hạn nhưng đã phục vụ tại ngũ dưới 6 tháng
* Công dân nam chưa phục vụ tại ngũ từ 26 tuổi trở lên được chuyển sang ngạch dự bị

\* Công dân nữ đã đăng ký nghĩa vụ quân sự. (công dân nữ có chuyên môn cần cho quân đội trong thời bình, phải đăng ký nghĩa vụ quân sự và được gọi huấn luyện; nếu tự nguyện thì có thể được phục vụ tại ngũ. Trong thời chiến theo quyết định của Chính phủ, phụ nữ được gọi nhập ngũ và đảm nhiệm công tác thích hợp).

* 1. Phương tiện kỹ thuật gồm

Phương tiện vận tải, làm đường, xếp dỡ, thông tin liên lạc, y tế và một số phương tiện khác. Danh mục phương tiện kỹ thuật do Chính phủ quy định (pháp lệnh lực lượng DBĐV năm 1996).

B. Vị trí, vai trò công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên

* + Công tác xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên giữ vị trí rất quan trọng trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, là một trong những nhiệm vụ cơ bản nhất góp phần xây dựng tiềm lực quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, bảo đảm nguồn nhân lực bổ sung, mở rộng lực lượng quân đội khi chuyển đất nước sang trạng thái chiến tranh.
  + Lực lượng dự bị động viên phối hợp chặt chẽ với dân quân tự vệ, công an... làm tăng thêm sức mạnh chiến đấu trên các địa bàn trong khu vực phòng thủ, bảo đảm sự vững chắc của thế trận quốc phòng ở địa phương, cơ sở.
  + Công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên là biểu hiện quán triệt quan điểm về sự kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sự kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế với nhiệm vụ xây dựng và củng cố quốc phòng, quốc phòng với kinh tế.

1. **NHỮNG QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN**
2. Xây dựng dựng lực lượng dự bị động viên bảo đảm số lượng đủ, chất lượng cao, xây dựng toàn diện có trọng tâm, trọng điểm
3. Xây dựng dựng lực lượng dự bị động viên phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.
4. Xây dựng dựng lực lượng dự bị động viên đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng các cấp ở địa phương, bộ, ngành.

Nguyên tắc lãnh đạo là “trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng”

**III. NỘI DUNG XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN**

**-** Phương thức xây dựng lực lượng dự bị động viên:

**+** Phương thức chung: Địa phương thực hiện là chính. Các đơn vị chủ lực (trong quân đội) nhận nguồn cung cấp biểu (mẫu) biên chế,phối hợp cùng địa phương tổ chức thực hiện.

**+** Phương thức tổ chức các đơn vị dự bị động viên:

* Đơn vị biên chế khung thường trực.
* Đơn vị không biên chế khung thường trực.

1. Tạo nguồn, đăng ký, quản lý lực lượng dự bị động viên
   1. **Tạo nguồn**

Là cơ sở quan trọng nhất để lập kế hoạch xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên.

* Biện pháp tạo nguồn:

+ Đối với sĩ quan dự bị:

* Cơ quan quân sự địa phương quản lí chắc số sĩ quan phục viên, xuất ngũ. Hàng năm, lựa chọn những đồng chí tuổi đời còn trẻ, có sức khoẻ, phẩm chất năng lực tốt đưa họ vào tạo nguồn.
* Số cán bộ chuyên môn kĩ thuật của nền kinh tế quốc dân (y tế, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải...) có thể phục vụ lợi ích quốc phòng khi có chiến tranh.
* Hằng năm, tuyển chọn số hạ sĩ quan có phẩm chất năng lực tốt trước khi xuất ngũ cho đi huấn luyện, đào tạo họ thành sĩ quan dự bị.
* Sinh viên nam từ các trường đại học, sau khi tốt nghiệp được đào tạo thành sĩ quan dự bị.
* Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện liên kết đào tạo theo nhu cầu chuyên môn kỹ thuật (học bổng quốc phòng). Đào tạo xong có thể chuyển một số sang quân đội, số còn lại đưa vào ngạch lực lượng dự bị động viên.

+ Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị:

Sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự phục viên xuất ngũ, có đủ điều kiện về phẩm chất năng lực, sức khoẻ đưa họ vào nguồn. Ngoài ra, đưa cả số thanh niên đã được tuyển chọn xếp vào diện sẵn sàng nhập ngũ, nhưng chưa nhập ngũ vào nguồn quân nhân dự bị.

* 1. **Đăng kí quản lí nguồn**

Việc đăng kí, quản lí lực lượng dự bị động viên phải có kế hoạch thường xuyên, chặt chẽ và chính xác, đăng kí quản lí cả con người và phương tiện kỹ thuật.

* Đối với quân nhân dự bị:

+ Được tiến hành đăng kí, quản lí tại nơi cư trú, do Ban chỉ huy quân sự xã (phường), ban chỉ huy quân sự huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh) thực hiện.

+ Đăng kí quản lí phải chính xác theo từng chuyên ngành quân sự, độ tuổi, loại sức khoẻ, hoàn cảnh gia đình, trình độ văn hoá, nhận thức về chính trị, trình độ hiểu biết về quân sự, chuyên môn, nghiệp vụ.

* Đối với phương tiện kỹ thuật: phải đăng kí, quản lí chính xác thường xuyên cả số lượng, chất lượng, tình trạng kĩ thuật của từng phương tiện.
* **Tổ chức, biên chế đơn vị dự bị động viên**
* Tổ chức, biên chế lực lượng dự bị động viên là tổ chức sắp xếp quân nhân dự bị, phương tiện kĩ thuật thành từng đơn vị dự bị động viên theo kế hoạch để quản lí, huấn luyện nâng cao khả năng sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu. Các đơn vị dự bị động viên phải duy trì đủ quân số, trang bị và phương tiện kỹ thuật.
* Loại hình tổ chức đơn vị dự bị động viên :

+ Đơn vị biên chế thiếu.

+ Đơn vị biên chế khung thường trực.

+ Đơn vị không có khung thường trực.

+ Đơn vị biên chế đủ.

+ Đơn vị chuên môn thời chiến.

* Nguyên tắc sắp xếp quân nhân dự bị vào các đơn vị dự bị động viên: Theo trình độ chuyên môn, theo hạng, theo cư trú.

1. Giáo dục chính trị, huấn luyện diễn tập, kiểm tra đơn vị dự bị động viên
   1. **Giáo dục chính trị**

* Giáo dục chính trị là nhiệm vụ hàng đầu trong xây dựng lực lượng dự bị động viên, làm cho cán bộ chiến sĩ nâng cao nhận thức về chính trị, có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định mục tiêu, lí tưởng.
* Nội dung giáo dục

+ Đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quan điểm quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng dự bị động viên, âm mưu thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng, truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc ta.

+ Giáo dục chính trị phải thường xuyên liên tục cho tất cả các đối tượng; được thực hiện xen kẽ trong từng giai đoạn, từng đợt huấn luyện, diễn tập.

* 1. Huấn luyện quân sự

- Phương châm huấn luyện: “Chất lượng, thiết thực, hiệu quả, tập trung có trọng tâm, trọng điểm”.

* Nội dung huấn luyện:

+ Gồm kĩ thuật bộ binh, binh chủng; chiến thuật từng người đến cấp đại đội, công tác hậu cần, băng bó cứu thương và hoạt động chống “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ.

+ Có thể huấn luyện tập trung tại các đơn vị dự bị động viên hoặc phân tán tại các địa phương, cơ sở.

+ Cần vận dụng sáng tạo, linh hoạt những phương pháp huấn luyện thích hợp sát đối tượng, sát thực tế.

* Hàng năm, sau khoá huấn luyện, lực lượng dự bị động viên sẽ tham gia hợp luyện, diễn tập. Kết thúc diễn tập, tổ chức rút kinh nghiệm để kịp thời bổ sung, nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục trong các đơn vị.
* Cùng với huấn luyện diễn tập, chế độ kiểm tra thực hiện nhiệm vụ được tiến
* Hành ành theo quy định nhằm giúp lãnh đạo, chỉ huy nắm được thực trạng tổ chức, xây dựng lực lượng DBĐV để có chủ trương, biện pháp sát đúng.

1. Bảo đảm hậu cần, kĩ thuật, tài chính cho xây dựng lực lượng dự bị động viên

* Vật chất kĩ thuật, kinh phí là yếu tố rất quan trọng để bảo đảm xây dựng lực lượng dự bị động viên gồm vũ khí trang bị, hậu cần kĩ thuật và tài chính. Yêu cầu phải bảo đảm đúng mức, đủ để triển khai xây dựng lực lượng dự bị động viên chất lượng ngày càng cao.
* Việc bảo đảm vật chất, kinh phí hàng năm do Chính phủ giao chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể cho các bộ ngành, địa phương thực hiện.

**III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN**

1. Thường xuyên giáo dục sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về vị trí, nhiệm vụ, những quan điểm của Đảng, Nhà nước đối với lực lượng dự bị động viên
2. Thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự và các cơ quan chức năng làm tham mưu và tổ chức thực hiện
3. Thường xuyên cũng cố, kiện toàn, bồi dưỡng cơ quan và đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên
4. Thực hiện nghiêm túc đầy đủ các chế độ, chính sách của Đảng và nhà nước đối với lực lượng dự bị động viên

Tóm lại: Xây dựng LLDBĐV là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị

**Phần III. ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG**

1. **KHÁI NIỆM, NGUYÊN TẮC, YÊU CẦU ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG**
2. Khái niệm

Động viên công nghiệp quốc phòng là huy động một phần hoặc toàn bộ năng lực sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội của doanh nghiệp công nghiệp ngoài lực lượng quốc phòng, huy động mọi nguồn lực của đất nước hoặc một số địa phương,... phục vụ cho quốc phòng, nhằm giành thế chủ động, bảo toàn, phát huy tiềm lực mọi mặt của quốc gia, duy trì, ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân, giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ trong mọi tình huống, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

* Khái niệm trên thể hiện khái quát một số nội dung chính sau đây:
* Động viên công nghiệp quốc phòng được chuẩn bị từ thời bình, là việc làm thường xuyên từ Trung ương đến địa phương.
* Động viên công nghiệp quốc phòng không áp dụng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. (doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp cổ phần với nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài).
* Có thể tổng động viên hoặc động viên cục bộ.

B. Nguyên tắc động viên công nghiệp quốc phòng

* Động viên công nghiệp quốc phòng được tiến hành trên cơ sở năng lực sản xuất, sửa chữa đã có của các doanh nghiệp công nghiệp, Nhà nước chỉ đầu tư thêm trang thiết bị chuyên dùng để hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội.
* Việc lựa chọn, giao nhiệm vụ động viên công nghiệp quốc phòng cho các doanh nghiệp công nghiệp phải bảo đảm tính đồng bộ theo nhu cầu sản xuất, sửa chữa trang bị của Quân đội và phù hợp với năng lực sản xuất, sửa chữa trang bị của doanh nghiệp.
* Nhà nước bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp công nghiệp, người lao động trong chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp quốc phòng. (giá thanh toán sản phẩm động viên công nghiệp được tính đúng, tính đủ trên cơ sở định mức, khung giá của nhà nước tại thời điểm thanh toán, bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và người lao động).

B.Yêu cầu của động viên công nghiệp quốc phòng

Chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp quốc phòng phải bảo đảm bí mật, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, đúng kế hoạch, nhanh chóng tăng cường sức mạnh về mọi mặt, sẵn sàng đối phó với các tình huống chiến tranh.

**IINỘI DUNG ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG**

A. Chuẩn bị động viên động viên công nghiệp quốc phòng

1. **Khảo sát, lựa chọn doanh nghiệp công nghiệp có khả năng sản xuất, sửa chữa trang bị**

* Nội dung khảo sát gồm:

+ Đặc điểm tình hình.

+ Cơ cấu tổ chức, số lượng, chất lượng cán bộ, công nhân, viên chức và những người lao động khác.

+ Nhiệm vụ sản xuất, công suất thiết kế, công suất thực tế.

+ Số lượng, chất lượng trang thiết bị hiện có.

+ Phương hướng sản xuất và đổi mới công nghệ.

Căn cứ vào nhu cầu sản xuất, sửa chữa trang bị của Quân đội và kết quả khảo sát năng lực sản xuất, sửa chữa của các doanh nghiệp công nghiệp Chính phủ quyết định các doanh nghiệp công nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp quốc phòng.

1. **Xây dựng kế hoạch động viên công nghiệp quốc phòng**
2. **Giao chỉ tiêu động viên công nghiệp quốc phòng**
3. **Hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa trang bị**
4. **Quản lí, duy trì dây chuyền sản xuất**
5. **Bồi dưỡng chuyên môn cho người lao động và diễn tập động viên công nghiệp quốc phòng**
6. **Dự trữ vật chất**
7. Thực hành động viên công nghiệp quốc phòng

* Quyết định và thông báo quyết định động viên công nghiệp quốc phòng (do Chính phủ quy định).
* Tổ chức di chuyển địa điểm đối với doanh nghiệp công nghiệp phải di chuyển. (từ khi nhận lệnh trong vòng 12 giờ phải di chuyển máy móc, phương tiện và người đến địa điểm quy định).
* Tổ chức bảo đảm vật tư, tài chính.
* Tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất, sửa chữa trang bị.
* Giao, nhận sản phẩm động viên công nghiệp quốc phòng.

**II. MỘT SỐ BIỆN PHÁP CHÍNH THỰC HIỆN ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP**

* 1. Nhà nước, Chính phủ chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang bộ, tổng công ty, thực hiện nghiêm pháp lệnh động viên công nghiệp quốc phòng các đơn vị trên phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ, thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ động viên công nghiệp quốc phòng
  2. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, các địa phương, các tổng công ty cần quán triệt sâu sắc tới mọi công dân về pháp lệnh, nghị định các văn bản hướng dẫn về động viên công nghiệp quốc phòng của Nhà nước và Chính phủ
  3. Các doanh nghiệp công nghiệp được chọn cần chủ động lập kế hoạch và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch chỉ tiêu

**KẾT LUẬN**

Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phònglà nhiệm vụ chiến lược của Đảng, Nhà nước nhằm xây dựng tiềm lực quốc phòng vững mạnh, chủ động đối phó với mọi tình huống nhất là khi chiến tranh xảy ra.

Toàn Đảng,toàn dân,toàn quân cần nhận thức đúng vị trí nhiệm vụ, quan điểm, nội dung và các biện pháp chủ yếu trong xây dựng lực lượng DQTV, lực lượng DBĐV và ĐVCN trong giai đoạn mới. Chủ động hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, nhất là Bộ quốc phòng với các địa phương, các bộ, ngành tạo sự thống nhất cao.

Sinh viên cần đề cao tinh thần trách nhiệm, nắm vững các nội dung về xây dựng lực lượng DQTV, lực lượng DBĐV và động viên công nghiệp quốc phòng, hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập, công tác, tích cực họat động góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng lực lượng DQTV, lực lượng DBĐV và động viên công nghiệp quốc phòng.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

* + 1. Phương châm xây dựng DQTV theo hướng “vững mạnh, rộng khắp, coi trọng chất lượng là chính”, anh (chị) hiểu vấn đề này như thế nào?
    2. Nội dung xây dựng lực lượng DBĐV hiện nay như thế nào? Anh (chị) có suy nghĩ gì để góp phần nâng cao chất lượng tạo nguồn DBĐV ở các địa phương trong tình hinh hiện nay.
    3. Những nguyên tắc động viên CNQP của Đảng, Nhà nước ta hiện nay như thế nào? Hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta hiện nay và trong tương lai có tác động thế nào đến tổ chức và thực hành động viên công nghiệp?

**BÀI 10: XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC**

**MỞ ĐẦU**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, nhiệm vụ đảm bảo ANQG, giữ gìn trật tự ATXH ở nước ta đã đạt kết quả quan trọng, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT-XH và đối ngoại của đất nước.

Tuy nhiên, những yếu tố gây mất ổn định bên trong vẫn diễn ra gay gắt, có mặt ngày càng phức tạp, tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống…, tệ quan liêu tham nhũng…, những biểu hiện xa rời mục tiêu CNXH chưa được khắc phục, tác động của mặt trái kinh tế thị trường đến công tác đảm bảo an ninh, tình hình tội phạm diễn biến phức tạp.

Trước tình hình đó, tăng cường công tác bảo vệ ANQG, trật tự ATXH có vai trò đặc biệt quan trọng trong thừi kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

**Phần I. CÁC KHÁI NIỆM VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA, GIỮ GÌN TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI**

1. **CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN**
2. An ninh quốc gia

An ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc”.

An ninh quốc gia bao gồm an ninh trên các lĩnh vực: An ninh chính trị-An ninh kinh tế-An ninh tư tưởng, văn hóa-An ninh xã hội-An ninh quốc phòng-An ninh đối ngoại. Trong đó an ninh chính trị là cốt lõi, xuyên suốt.

1. Bảo vệ an ninh quốc gia

Bảo vệ an ninh quốc gia là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm hại an ninh quốc gia.

* Hoạt động xâm hại an ninh quốc gia: là những hành vi xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
* Mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia: là những đối tượng, địa điểm, công trình, cơ sở về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, khoa học–kỹ thuật, văn hóa, xã hội thuộc danh mục cần được bảo vệ theo qui định của pháp luật.

1. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia

* Bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc .
* Bảo vệ an ninh về tư tưởng và văn hóa, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
* Bảo vệ an ninh trong lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, đối ngoại và các lợi ích khác của quốc gia.
* Bảo vệ bí mật Nhà nước và các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc phòng.
* Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại và loại trừ các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia.

1. Nguyên tắc bảo vệ an ninh quốc gia

* Tuân thủ hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
* Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lí thống nhất của Nhà nước; huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân tộc, lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia làm nòng cốt.
* Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia với nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội; phối hợp có hiệu quả hoạt động an ninh, quốc phòng với hoạt động đối ngoại.
* Chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

1. Cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia

* Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy và các đơn vị an ninh, tình báo, cảnh sát, cảnh vệ công an nhân dân.
* Bộ đội biên phòng, cảnh sát biển là cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia ở khu vực biên giới trên đất liền và trên biển.
* Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy và các đơn vị bảo vệ an ninh quân đội, tình báo quân đội nhân dân.

1. Biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia

* Biện pháp vận động quần chúng
* Biện pháp pháp luật
* Biện pháp ngoại giao
* Biện pháp kinh tế, biện pháp khoa học kỹ thuật
* Biện pháp nghiệp vụ
* Biện pháp vũ trang.

1. Trật tự an toàn xã hội

Là trạng thái xã hội bình yên trong đó mọi người được sống yên ổn trên cơ sở các quy phạm pháp luật, các qui tắc và chuẩn mực đạo đức, pháp lí xác định.

1. Đấu tranh giữ gìn trật tự an toàn xã hội bao gồm

**-** Chống tội phạm.

* Giữ gìn trật tự nơi công cộng.
* Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.
* Phòng ngừa tai nạn.
* Bài trừ tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường…

Giữ gìn trật tự ATXH là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, lực lượng công an nhân dân giữ vai trò nòng cốt và có chức năng tham mưu, hướng dẫn và trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự công cộng, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, tham gia phòng ngừa tai nạn, bài trừ tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường.

**NỘI DUNG BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA, GIỮ GÌN TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI**

1. Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia

Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, dân tộc, tôn giáo, biên giới, thông tin.

* 1. **Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ (cả trong nước và ngoài nước)**
* Đó là các hoạt động bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ Đảng Cộng sản Việt Nam; giữ gìn sự trong sạch, vững mạnh về mọi mặt của tổ chức Đảng, Nhà nước.
* Bảo vệ các cơ quan đại diện, cán bộ, sinh viên và người lao động Việt Nam đang công tác, học tập và lao động ở nước ngoài (Khủng bố đại sứ quán Việt Nam ở Thái Lan, móc nối tác động lôi kéo sinh viên học sinh ở nước ngoài, ví dụ Nguyễn Tiến Trung. Móc nối cán bộ ta khi công tác nước ngoài, ví dụ Đại tá Bùi Tín, luật sự Nguyễn Văn Đài, Trưởng văn phòng luật sư Thiên Ân ở Hà Nội)
* Muốn vậy cần phải phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá hệ thống chính trị, gây chia rẽ mất đoàn kết, làm tha hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Tóm lại: Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ luôn là nhiệm vụ trọng yếu hàng đầu, thường xuyên và cấp bách của toàn Đảng, toàn dân, của các cấp, các ngành.

* 1. **Bảo vệ an ninh kinh tế**
* Đó là bảo vệ sự ổn định, phát triển vững mạnh của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
* Chống các biểu hiện chệch hướng và các hoạt động phá hoại cơ sở vật chất-kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, phá hoại nền kinh tế, gây ảnh hưởng tác hại đến lợi ích của quốc gia.
* Bảo vệ đội ngũ cán bộ quản lí kinh tế, các nhà khoa học, các nhà kinh doanh giỏi không để nước ngoài lôi kéo mua chuộc gây tổn thất hoặc làm chuyển hướng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta.
  1. **Bảo vệ an ninh văn hóa, tư tưởng**

An ninh văn hóa tư tưởng là sự ổn định và phát triển bền vững của văn hóa, tư tưởng trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

* Bảo vệ an ninh văn hóa, tư tưởng là bảo vệ sự đúng đắn, vai trò chủ đạo của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng hồ Chí Minh.
* Bảo vệ những giá trị đạo đức truyền thống, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc
* Bảo vệ đội ngũ văn nghệ sĩ, những người làm công tác văn hóa, nghệ thuật.
* Đấu tranh chống lại sự công kích, bôi nhọ, nói xấu của các thế lực thù địch đối với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, ngăn chặn các hoạt động truyền bá văn hóa phẩm phản động, đồi trụy, thiếu lành mạnh, không phù hợp với thuần phong mĩ tục của dân tộc Việt Nam. (xuất hiện đĩa hình nhạc cách mạng lấy các hoạt cảnh các cô gái khoả thân).
  1. **Bảo vệ an ninh dân tộc**
* Bảo vệ quyền bình đẳng giữa các dân tộc, đảm bảo cho tất cả các thành viên trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam cùng phát triển theo đúng Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước.
* Ngăn ngừa, phát hiện, đấu tranh với các hoạt động lợi dụng dân tộc ít người để làm việc trái pháp luật, kích động gây chia rẽ giữa các dân tộc, xâm hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. (ngày 8-8-2008, lực lượng phản động ở Tây Nguyên kích động đồng bào dân tộc biểu tình bạo loạn không thành do ta làm tốt công tác vận động, thuyết phục).
  1. **Bảo vệ an ninh tôn giáo**
* Là đảm bảo chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước đối với nhân dân nhưng đồng thời cũng kiên quyết đấu tranh với các đối tượng, thế lực lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng.
* Thực hiện đại đoàn kết, bình đẳng giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển giữa các tôn giáo, giữa cộng đồng dân cư theo tôn giáo với những người không theo tôn giáo, đảm bảo tốt đời đẹp đạo, phụng sự Tổ quốc.
  1. **Bảo vệ an ninh biên giới**
* Bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia.
* Bảo vệ an ninh, trật tự của Tổ quốc ở khu vực biên giới quốc gia, cả trên đất liền và trên biển.
* Chống các hành vi xâm phạm chủ quyền biên giới từ phía nước ngoài, góp phần xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị với các nước láng giềng theo tinh thần “giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đặc biệt là vùng biển, đảo”.
* Chống các thế lực thù địch lợi dụng việc xuất, nhập cảnh, quá cảnh Việt Nam để tiến hành các hoạt động chống phá Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
  1. **Bảo vệ an ninh thông tin**
* An ninh thông tin là sự an toàn, nhanh chóng, chính xác và bí mật của thông tin trong quá trình xác lập, chuyển tải, thu nhận, xử lí và lưu giữ tin.
* Chủ động phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh có hiệu quả với âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, bọn tội phạm khác nhằm khai thác, sử dụng hệ thống thông tin liên lạc hoặc tiến hành các hoạt động phá hủy công trình, phương tiện thông tin liên lạc gây thiệt hại cho an ninh quốc gia của nước ta.
* Chống lộ, lọt những thông tin bí mật của Nhà nước.
* Ngăn chặn các hoạt động khai thác thông tin trái phép, dò tìm mật mã, mật khẩu để đánh cắp thông tin trên mạng.

1. Nội dung giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

Đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự nơi công cộng, đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, phòng ngừa tai nạn lao động, chống thiên tai, phòng ngừa dịch bệnh, bài trừ các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường.

* 1. **Đấu tranh phòng, chống tội phạm**
* Là việc tiến hành các biện pháp loại trừ nguyên nhân, điều kiện của tội phạm.
* Phát hiện để ngăn chặn kịp thời các hành vi phạm tội, hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả, tác hại do tội phạm gây ra cho xã hội.
* Điều tra khám phá tội phạm và người phạm tội để đưa ra xử lí trước pháp luật đảm bảo đúng người, đúng tội, tránh oan sai.
* Giáo dục cải tạo người phạm tội giúp họ nhận thức được lỗi lầm và cố gắng cải tạo tốt, có thể tái hòa nhập cộng đồng xã hội, trở thành người lương thiện, sống có ích cho xã hội.
  1. **Giữ gìn trật tự nơi công cộng**
* Trật tự công cộng là trạng thái xã hội có trật tự được hình thành và điều chỉnh bởi các quy tắc, quy phạm nhất định ở những nơi cộng cộng mà mọi người phải tuân theo.
* Trật tự công cộng là một mặt của trật tự, an toàn xã hội và có nội dung bao gồm:

+ Những quy định chung về trật tự, yên tĩnh, vệ sinh, nếp sống văn minh

+ Sự tuân thủ những quy định của pháp luật và phong tục, tập quán, sinh hoạt được mọi người thừa nhận.

* Giữ gìn trật tự nơi công cộng chính là giữ gìn trật tự, yên tĩnh chung (từ 22 giờ đến sáng), giữ gìn vệ sinh chung, duy trì nếp sống văn minh ở những nơi công cộng, nơi diễn ra các hoạt động chung của nhiều người, đảm bảo sự tôn trọng lẫn nhau trong hoạt động, sinh hoạt, nghỉ ngơi của mọi người.
  1. **Đảm bảo trật tự, an toàn giao thông**
* Trật tự, an toàn giao thông là trạng thái xã hội có trật tự được hình thành và điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông, vận tải công cộng mà mọi người phải tuân theo khi tham gia giao thông, nhờ đó đảm bảo cho hoạt động giao thông thông suốt, có trật tự, an toàn, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn giao thông gây thiệt hại về người và tài sản. (đèn xanh, đỏ, lề đường, trọng tải,…)

Đảm bảo trật tự, an toàn giao thông không phải là nhiệm vụ của riêng các lực lượng chức năng (cảnh sát giao thông, thanh tra giao thông công chính…) mà là trách nhiệm của tất cả mọi người tham gia giao thông.

+ Đó là việc nắm vững và tuân thủ nghiêm túc Luật giao thông (đường bộ, đường thuỷ, đường sắt,…)

+ Mọi hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông phải được xử lý nghiêm khắc.

+ Những thiếu sót, yếu kém là nguyên nhân, điều kiện gây ra các vụ tai nạn giao thông phải được khắc phục nhanh chóng. (chạy lấn tuyến, dừng đỗ xe không đúng nơi quy định, thi công đường không đảm bảo tái lập mặt đường) ý thức của người dân trong tham gia giao thông.

* 1. **Phòng ngừa tai nạn lao động, chống thiên tai, phòng ngừa dịch bệnh**

Chú ý phòng ngừa không để xảy ra tai nạn lao động và luôn luôn phòng chống thiên tai dịch bệnh.

* Tuyên truyền, kiểm tra xử phạt những vi phạm về an toàn lao động
* Tuyên truyền, xử lý các ổn định, tiêm phòng các dịch bệnh
* Có biện pháp đề phòng và chống thiên tai (lũ lụt, hạn hán, động đất,…)
  1. **Bài trừ các tệ nạn xã hội**
* Tệ nạn xã hội là hiện tượng xã hội bao gồm những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, có tính phổ biến, ảnh hưởng xấu về đạo đức và gây hậu quả nghiêm trọng trong đời sống cộng đồng.
* Tệ nạn xã hội bao gồm: mại dâm, nghiện ma túy, cờ bạc, mê tín dị đoan…
* Tệ nạn xã hội là cơ sở xã hội của tình trạng phạm tội, là một trong những nguồn gốc phát sinh tội phạm.
* Phòng chống tệ nạn xã hội là nhiệm vụ của toàn xã hội, phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, bằng những biện pháp đồng bộ, tích cực, kiên quyết và triệt để.
  1. **Bảo vệ môi trường**
* Môi trường có tầm quan trọng đặc biệt đối với đời sống của con người, sinh vật và sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, của đất nước, dân tộc và nhân loại.
* Khí thải làm ô nhiễm bẩn không khí, làm trái đất nóng lên, băng tan nước ngập, nhiệt độ tăng cao, ảnh hưởng đến toàn nhân loại.
* Bảo vệ môi trường là tập hợp những biện pháp giữ cho môi trường trong sạch, sử dụng hoặc phục hồi một cách hợp lí sinh giới (vi sinh vật, thực vật, động vật) và môi sinh (đất, lòng đất, nước, không khí, khí hậu…), đảm bảo sự cân bằng sinh thái… nhằm tạo ra một không gian tối ưu cho cuộc sống của con người.

**Phần II. TÌNH HÌNH AN NINH QUỐC GIA VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ**

**HỘI**

tạp:

1. **MỘT SỐ NÉT VỀ TÌNH HÌNH AN NINH QUỐC GIA**

Về cơ bản là ổn định và được giữ vững. Tuy nhiên vẫn còn nhiều diễn biến phức

* Các thế lực thù địch trong và ngoài nước đẩy mạnh hoạt động chống phá, đặc

biệt nguy hiểm là DBHB, BLLĐ.

* + Các tổ chức phản động người Việt ở nước ngoài : 200 tổ chức, cơ sở vật chất, 500 tờ báo, 50 Nhà xuất bản, 6 chương trình truyền hình, 10 đài phát thanh.
  + Hoạt động ngoan cố của các nhóm phản động nội địa.
  + Công tác bảo mật còn nhiều hạn chế, tình hình lộ bí mật, mất thông tin, tài liệu xảy ra ở nhiều cơ quan đơn vị.

-Tình hình an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh kinh tế phức tạp.

* + Tình hình an ninh biên giới: đất liền, biển đảo.
  + Xuất hiện nhiều “điểm nóng” về ANTT.

Tóm lại: Tình hình về an ninh quốc gia trong những năm qua nổi lên những vấn đề khá phức tạp và nhạy cảm. Đó chính là những yếu tố có thể gây ra tình hình mất ổn định, ảnh hưởng tới sự an nguy của quốc gia, vì vậy Đảng và Nhà nước ta đã xác định bảo vệ an ninh quốc gia là nhiệm vụ cực kì quan trọng của toàn Đảng, toàn dân ta.

1. **TÌNH HÌNH VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI**

- Tình hình tội phạm xâm phạm TTXH, tội phạm kinh tế, tội phạm ma tuý trong thời gian qua có những diễn biến rất phức tạp:

+ Số vụ, tính chất tội phạm.

+ Xuất hiện nhiều loại tội phạm mới.

+ Địa bàn phạm tội: Thành phần người phạm tội đa dạng, phức tạp.

* Tình hình về TNXH, vi phạm pháp luật khác diễn ra khá phổ biến.
* Ô nhiễm môi trường xảy ra phức tạp.
* Tình trạng tai nạn giao thông, tai nạn lao động, tai nạn nghề nghiệp xảy ra rất nghiêm trọng.

**Phần III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH AN NINH QUỐC GIA, TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI TRONG THỜI GIAN TỚI**

Theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ VIII Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới thì mục tiêu công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là: “Chủ động ngăn ngừa, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động, chống phá của các thế lực thù địch, khắc phục tình trạng sơ hở, mất cảnh giác. Phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả các nguy cơ xung đột, chiến tranh biên giới, biển đảo, chiến tranh mạng, không để xảy ra bạo loạn, khủng bố, hình thành tổ chức chính trị độc lập trong nước. Bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực, kiềm chế gia tăng và làm giảm tội phạm, tạo chuyển biến rõ rệt về trật tự xã hội, xây dựng xã hội an toàn, lành mạnh”.

1. **TÌNH HÌNH QUỐC TẾ**

* Tình hình chính trị - an ninh thế giới thay đổi nhanh chóng, diễn biến rất phức tạp, khó lường; tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, can thiệp lật đổ, khủng bố, chiến tranh cục bộ, chiến tranh mạng,... tiếp tục diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực.
* Cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau, tác động mạnh đến cục diện thế giới và các khu vực. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế. Các thể chế đa phương đứng trước những thách thức lớn. Các nước đang phát triển, nhất là những nước vừa và nhỏ đang đứng trước những cơ hội và khó khăn, thách thức lớn trên con đường phát triển. Trong bối cảnh đó, tập hợp lực lượng, liên kết, cạnh tranh, đấu tranh giữa các nước trên thế giới và khu vực vì lợi ích của từng quốc gia tiếp tục diễn ra rất phức tạp.

1. **TÌNH HÌNH KHU VỰC ĐÔNG NAM Á**

Châu Á-Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á, tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, có vị trí địa kinh tế-chính trị chiến lược ngày càng quan trọng trên thế giới. Đồng thời, đây cũng là khu vực cạnh tranh chiến lược giữa một số nước lớn, có nhiều nhân tố bất ổn. Tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và

trên Biển Đông tiếp tục diễn ra gay gắt, phức tạp. ASEAN trở thành cộng đồng, tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác, liên kết kinh tế trong khu vực, nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức cả bên trong và bên ngoài.

1. **NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN CỦA TA TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA, GIỮ GÌN TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI**
2. Thuận lợi

* Tiềm lực và vị thế quốc tế nước ta được tăng cường.
* Nhân dân Việt Nam có truyền thống yêu nước, đoàn kết, tin tưởng vào Đảng và chế độ, ngày càng thể hiện bản lĩnh, năng động, sáng tạo trong sự nghiệp xây dựng và BVTQ.
* Lực lượng vũ trang tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc.
* Đảng cộng sản Việt Nam có bản lĩnh chính trị vững vàng, dày dặn kinh nghiệm, đường lối đổi mới của Đảng đã được kiểm chứng qua thực tiễn là đúng đắn.

1. Khó khăn

* Nguy cơ và thách thức lớn nhất của nước ta:

+ Tụt hậu xa hơn về kinh tế.

+ Chệch hướng XHCN.

+ Nạn tham nhũng và tệ quan liêu.

+ Diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

* Những yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, các vấn đề kinh tế-xã hội...nếu không được khắc phục kịp thời, có hiệu quả sẽ là nguy cơ tiềm ẩn đối với an ninh trật tự của nước ta.
* Hoạt động DBHB, BLLĐ của các thế lực thù địch ngày càng ráo riết và thâm hiểm.
* Hoạt động xâm phạm độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ nước ta vẫn sẽ tiếp diễn.

**Phần IV. ĐỐI TÁC VÀ ĐỐI TƯỢNG ĐẤU TRANH TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA, GIỮ GÌN TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI**

1. **NHẬN THỨC VỀ ĐỐI TÁC ĐỐI TƯỢNG**
2. Nguyên tắc xác định

* Đối tác: Những ai chủ trương tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác của ta.
* Đối tượng: Bất kể thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng đấu tranh.
* Mặt khác, trong tình hình diễn biến mau lẹ và phức tạp hiện nay, cần có cách nhìn nhận biện chứng:

+ Trong mỗi đối tượng vẫn có thể có mặt cần tranh thủ, hợp tác

+ Trong một số đối tác, có thể có mặt khác biệt, mâu thuẫn với lợi ích của ta.

Trên cơ sở đó, cần khắc phục cả hai khuynh hướng mơ hồ mất cảnh giác hoặc cứng nhắc trong nhận thức, chủ trương và trong xử lí các tình huống cụ thể.

1. Căn cứ xác định đối tượng đấu tranh trong bảo vệ an ninh quốc gia

* Căn cứ vào nhiệm vụ và đối tượng đấu tranh của cách mạng trong từng giai đoạn.
* Căn cứ vào nội dung, yêu cầu, nhiệm vụ của công cuộc xây dựng, bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.
* Căn cứ vào thực tế hoạt động của các loại đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội từ trước đến nay ở nước ta.

1. **ĐỐI TƯỢNG XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA**

Là bọn gián điệp và bọn phản động

1. Gián điệp

Gián điệp là người Việt Nam hay người nước ngoài, hoạt động cá nhân hay có tổ chức, chịu sự chỉ huy của nước ngoài để tiến hành các hoạt động điều tra thu thập tình báo, gây cơ sở bí mật và phá hoại nhằm chống lại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1. Phản động

Phản động là những cá nhân hay tổ chức có âm mưu và hoạt động phản cách mạng chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa, nhưng không chịu sự chỉ huy của nước ngoài. (cả trong nước và ngoài nước).

* Trong tình hình hiện nay cần tập trung đấu tranh với những loại sau:

+ Bọn phản động người Việt Nam ở nước ngoài đang có hoạt động chống Việt Nam như tổ chức khủng bố Việt Nam Việt Tân, Chính phủ Việt Nam tự do của Nguyễn Hữu Chánh, Đảng nhân dân hành động của Nguyễn Sĩ Bình, Đảng vì dân của Nguyễn Công Bằng.

+ Bọn phản động lợi dụng tôn giáo.

+ Bọn phản động lợi dụng dân tộc ít người, nhất là bọn có sự câu kết của các lực lượng phản động bên ngoài.

+ Bọn phản động trong ngụy quân, ngụy quyền, đảng phái phản động cũ không chịu cải tạo.

+ Bọn có tư tưởng, quan điểm sai trái, thoái hóa, biến chất trở thành phản động, chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội; số cơ hội chính trị.

1. **ĐỐI TƯỢNG XÂM PHẠM VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI**

Đối tượng xâm phạm về trật tự, an toàn xã hội là những người có hành vi phạm tội gây thiệt hại đến tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản của công dân, đến tính mạng sức khỏe và danh dự phẩm giá của con người, đến trật tự, an toàn xã hội nhưng không có mục đích chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (hình sự, kinh tế, ma tuý, rửa tiền,…)

Trong các đối tượng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội hiện nay có những người phạm tội nhất thời, có đối tượng phạm tội chuyên nghiệp, với tính chất và mức độ nguy hiểm khác nhau. Các đối tượng này bao gồm:

* Các đối tượng xâm phạm trật tự xã hội (tội phạm hình sự)
* Các đối tượng xâm phạm trật tự quản lí kinh tế và chức vụ (tội phạm kinh tế)
* Các đối tượng về ma túy (tội phạm ma túy)

Trong các đối tượng trên cần tập trung vào đấu tranh với các đối tượng sau:

* Bọn tội phạm kinh tế, nhất là bọn tham nhũng, bọn buôn lậu, bọn sản xuất tàng trữ và tiêu thụ tiền giả.
* Bọn tội phạm về ma túy.
* Bọn tội phạm hình sự, tập trung vào bọn hoạt động có tổ chức, bọn lưu manh chuyên nghiệp, sử dụng bạo lực, tội phạm có quan hệ với nước ngoài.

1. **CÁC TAI NẠN, TỆ NẠN XÃ HỘI**

Phòng ngừa và làm giảm đến mức thấp nhất hậu quả thiệt hại do các tai nạn xã hội (tai nạn giao thông, tai nạn do sử dụng bảo quản chất nổ chất cháy không đúng qui định, tai nạn do sự cố kĩ thuật, do thiên nhiên…) gây ra.

Bài trừ các tệ nạn xã hội, trước mắt phải đẩy lùi một bước các loại tệ nạn xã hội như ma túy, cờ bạc, mại dâm.

**Phần V. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA, TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI**

1. **PHÁT HUY SỨC MẠNH TỔNG HỢP CỦA CẢ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ ĐẶT DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, SỰ QUẢN LÍ CỦA NHÀ NƯỚC, NHÂN DÂN LÀM CHỦ, CÔNG AN LÀ LỰC LƯỢNG NÒNG CỐT**

* Đảng lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt là nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.
* Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.
* Tăng cường hiệu lực quản lí của Nhà nước trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

Công an là lực lượng nòng cốt.

1. **KẾT HỢP CHẶT CHẼ NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VỚI NHIỆM VỤ BẢO VỆ TỔ QUỐC**

* Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là truyền thống của dân tộc ta trong quá trình dựng nước và giữ nước. Đảng, Nhà nước ta đã kế thừa và phát huy truyền thống đó trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

+ Thấy rằng sự ổn định và phát triển về mọi mặt của đời sống xã hội là nền tảng vững chắc của an ninh trật tự và ngược lại an ninh trật tự vững chắc mới có điều kiện ổn định phát triển đất nước về mọi mặt.

+ Cần nhận thức an ninh trật tự được giữ vững củng cố và phát triển là dựa trên nền tảng kinh tế, xã hội ổn định và phát triển.

* Hiện nay kết hợp chặt chẽ giữa an ninh và quốc phòng là một yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sự kết hợp giữa quốc phòng với an ninh, an ninh với quốc phòng có nội dung rất rộng, hình thức và cơ chế kết hợp cũng rất phong phú và đa dạng.

Một trong những nội dung quan trọng của việc kết hợp giữa an ninh với quốc phòng là kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng trật tự an ninh nhân dân với thế trận quốc phòng toàn dân.

1. **BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA PHẢI KẾT HỢP CHẶT CHẼ VỚI GIỮ GÌN TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI**

* An ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội là hai thành phần cấu thành trật tự xã

hội.

* Bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia là bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ thành

quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo ra một trong những điều kiện cơ bản nhất để xây dựng sự vững mạnh về mọi mặt trong xã hội.

* An ninh quốc gia được bảo vệ vững chắc sẽ tạo điều kiện cơ bản thuận lợi để bảo vệ tốt trật tự an toàn xã hội.
* Trật tự an toàn xã hội được giữ vững sẽ tạo điều kiện cho an ninh quốc gia càng được củng cố vững chắc, hiệu lực quản lí của Nhà nước được tăng cường, quyền làm chủ của nhân dân được bảo đảm vững chắc, cuộc sống của mọi người được yên vui, hạnh phúc.

**Phần VI. VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA SINH VIÊN TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ GIỮ GÌN TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI**

1. **QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA, TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI**

* Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi, bổ sung năm

2013).

* Luật thanh niên của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
* Luật An ninh quốc gia 2004.
* Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
* Luật GDQP&AN năm 2013.

1. **TRÁCH NHIỆM CỦA SINH VIÊN TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ AN**

**NINH QUỐC GIA, GIỮ GÌN TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI**

* + Nhận thức đúng cuộc đấu tranh để bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội là một bộ phận của cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra gay go, quyết liệt, phức tạp, lâu dài. Nhất là trong điều kiện hiện nay, khi các thế lực thù địch và các phần tử chống đối Đảng, Nhà nước đang ra sức tiến hành các hoạt động diễn biến hòa bình bằng mọi thủ đoạn.
  + Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động cụ thể để bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội.
  + Tăng cường rèn luyện thể lực, học tập tốt môn giáo dục quốc phòng và an ninh góp phần chuẩn bị cho lực lượng sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

**KẾT LUẬN**

Trong tình hình hiện nay chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đang ráo riết thực hiện “chiến lược diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ đối với nước ta; mặt khác những tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế, của mặt trái nền kinh tế thị trường đã tác động không nhỏ đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Do vậy bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội đang là vấn đề quan trọng và cấp bách hàng đầu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sinh viên là chủ nhân tương lai của đất nước, với trách nhiệm công dân của người thanh niên trong thời đại mới, chúng ta phải làm gì để góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội? Muốn vậy, mỗi người sinh viên không những phải nắm vững và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia và gìn giữ trật tự, an toàn xã hội mà còn vận động mọi người cùng tự giác chấp hành.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

* 1. Anh (chị) hãy phân tích quan điểm: “Công tác bảo vệ ANGQ, giữ gìn trật tự ATXH phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân tộc, lực lượng chuyên trách bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự ATXH làm nòng cốt? ý nghĩa thực tiễn rút ra đối với bản thân?
  2. Tại sao xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội phải đi đôi với bảo vệ ANGQ, giữ gìn trật tự ATXH?
  3. Anh (chị) hãy phân tích nội dung công tác bảo vệ ANGQ, giữ gìn trật tự ATXH ở nước ta hiện nay?
  4. Trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ ANGQ, giữ gìn trật tự ATXH hiện nay?

**BÀI 11: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI**

**MỞ ĐẦU**

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là một hình thức hoạt động tự giác, có tổ chức của đông đảo nhân dân lao động tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm nhằm bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự toán xã hội, bảo vệ tài sản Nhà nước và tính mạng, tài sản của nhân dân.

Ngày nay trong giai đoạn đất nước ta chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, có những thuận lợi mới, song vẫn còn nhiều trở lực và thách thức; Đảng và nhà nước ta có nhiều chủ trương quan trọng về đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, phát huy khối đại đoàn kết trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam để cùng xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

**Phần I. NHẬN THỨC CHUNG VỀ PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC**

* + 1. **QUAN ĐIỂM VỀ QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN VÀ VAI TRÒ CỦA QUẦN CHÚNG TRONG BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC**

1. Một số quan điểm về quần chúng
   1. **Khái niệm quần chúng nhân dân**

Quần chúng nhân dân là sự quần tụ liên hợp số đông những người lao động, những người làm cách mạng. Hoạt động của họ có tác dụng thúc đẩy xã hội phát triển trong những giai đoạn lịch sử nhất định.

* 1. **Quan điểm về quần chúng**

+ Triết học duy tâm:

Xã hội chia làm hai hạng người “Hạng thượng lưu” và hạng “thứ dân”; Thượng đế, thánh thần là tuyệt đối; vua là thiên tử, thay trời trị dân.

+ Các chế độ quân chủ tư sản hiện đại:

Nêu vấn đề “Dân chủ”, “Lấy dân làm gốc” nhưng khác nhau về bản chất.

+ Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin:

Quần chúng nhân dân là lực lượng đông đảo, là nền tảng cho một nước, là gốc rễ của một dân tộc, là động lực chính để thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

“Sự nghiệp cách mạng là của quần chúng. Quần chúng nhân dân lao động là người làm nên lịch sử”.

+ Quan điểm của Đảng và Bác Hồ: **“**Sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của toàn dân. Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân; Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”.

1. Vai trò của quần chúng nhân dân trong phong trào bảo vệ ANTQ
   * Quần chúng nhân dân có khả năng phát hiện, quản lí, giáo dục, cải tạo các loại tội phạm để thu hẹp dần đối tượng phạm tội.
   * Khi nào người dân có ý thức tự giác, có tinh thần làm chủ trong việc xây dựng cuộc sống mới lành mạnh, khi đó sẽ khắc phục dần những sơ hở, thiếu sót mà địch và bọn tội phạm có thể lợi dụng.
   * Lực lượng công an có hạn, nên công tác bảo vệ an ninh trật tự không thể thực hiện bằng chuyên môn đơn thuần mà phải làm tốt công tác vận động quần chúng nhân dân.

Khi tổng kết phong trào, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "nhân dân giúp ta nhiều thì thành công nhiều, giúp ta ít thì thành công ít, giúp ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn".

* + 1. **NHẬN THỨC VỀ PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC**

1. Khái niệm phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

Phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ là một hình thức hoạt động tự giác, có tổ chức của đông đảo nhân dân lao động tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm nhằm bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản Nhà nước và tính mạng, tài sản của nhân dân.

1. Vị trí, tác dụng của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
   * Giữ vị trí quan trọng không thể thiếu được đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đảng nói chung và sự nghiệp bảo vệ an ninh , trật tự nói riêng.
   * Là một bộ phận gắn bó khăng khít, chặt chẽ với các phong trào hành động cách mạng khác của Đảng, Nhà nước ở địa phương, đơn vị.
   * Giữ vị trí chiến lược, là nền tảng cơ bản trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, là một trong những biện pháp công tác cơ bản của lực lượng Công an nhân dân.
   * Là hình thức cơ bản để tập hợp thu hút đông đảo quần chúng phát huy quyền làm chủ của quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ an ninh trật tự.
2. Mục đích của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh, trật tự

Huy động sức mạnh của nhân dân để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn đấu tranh với các loại tội phạm, bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội ; góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

1. Đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc
   * Đối tượng tham gia đa dạng, liên quan đến mọi người, mọi tầng lớp của xã hội.
   * Nội dung, hình thức, phương pháp xây dựng phong trào ở các địa bàn, lĩnh vực khác nhau có sự khác nhau.
   * Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn liền với các cuộc vận động khác của Đảng và Nhà nước, gắn liền với việc thực hiện các chính sách của địa phương.

**Phần II. NỘI DUNG -PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ ANTQ**

1. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CÔNG TÁC XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ ANTQ
2. Giáo dục, nâng cao cảnh giác mạng, phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân tham gia phòng ngừa đấu tranh chống mọi âm mưu hoạt động của các thế thù địch trong và ngoài nước
   * Chống chiến tranh tâm lý phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch.
   * Bảo vệ an ninh kinh tế, an ninh xã hội, bảo vệ bí mật quốc gia.
   * Chống địch lợi dụng dân tộc, tôn giáo, lợi dụng dân chủ, nhân quyền để gây mất ổn định chính trị.
   * Giữ vững khối đoàn kết toàn dân, ổn định chính trị, bảo vệ nội bộ.
3. Vận động toàn dân tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội

phạm

* + Vận động nhân dân tích cực tham gia phát hiện, tố giác, đấu tranh chống các

loại tội phạm, góp phần giữ vững ổn định an ninh trật tự tại địa bàn.

* + Vận động nhân dân tham gia quản lý, giáo dục, cảm hóa những người cần phải giáo dục tại cộng đồng dân cư.
  + Vận động nhân dân chấp hành và tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị, giữ gìn vệ sinh mỹ quan nơi công cộng…
  + Hướng dẫn và vận động nhân dân bài trừ tệ nạn xã hội, bài trừ các hủ tục lạc hậu, đấu tranh bài trừ văn hoá phẩm độc hại.
  + Xây dựng cơ quan đơn vị, cụm dân cư và từng gia đình an toàn, đoàn kết, xây dựng nếp sống văn hoá trong cộng đồng dân cư.

1. Xây dựng và mở rộng mối liên kết phối hợp chặt chẽ với các ngành, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị xã hội trong các phong trào của địa phương
   * Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết liên tịch, thông tư liên ngành, các quy chế phối hợp hoạt động giữa Công an xã với các đoàn thể, các cơ quan, trường học đóng trên địa bàn.
   * Thường xuyên theo dõi nắm bắt tình hình việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, xây dựng và phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, kịp thời đề xuất lồng ghép nội dung, yêu cầu của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phù hợp.
2. Tham gia xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng tại cơ sở vững mạnh
   * Thông qua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc để rèn luyện, thử thách xây dựng đội ngũ cán bộ viên chức nhà nước ở cơ sở.
   * Thông qua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc để thường xuyên đóng góp ý kiến xây dựng cho tổ chức Đảng, chính quyền cơ sở, lực lượng Công an.
3. **PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC**
4. Nắm tình hình và xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
5. **Nắm tình hình**
   * Nội dung nắm tình hình bao gồm:

+ Vị trí địa lý, đặc điểm địa bàn về phân bố dân cư, phong tục tập quán, nghề nghiệp truyền thống, vấn đề tôn giáo, dân tộc.

+ Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn như:

* Tình hình âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm.
* Tình hình tai nạn, tệ nạn xã hội.
* Tình hình các loại đối tượng cần quản lý giáo dục ở từng cụm dân cư.

+ Tình hình quần chúng chấp hành đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương.

+ Tình hình các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng về vai trò lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức động viên quần chúng tham gia phong trào hành động cách mạng của địa phương.

+ Tình hình diễn biến của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn qua từng thời kỳ.

+ Những sơ hở thiếu sót của ta trong việc thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước mà kẻ xấu có thể lợi dụng để kích động quần chúng.

* + Phương pháp nắm tình hình:

+ Nghiên cứu khai thác các tài liệu sẵn có để nắm tình hình địa bàn như:

* Tài liệu về tình hình an ninh trật tự ở địa phương qua các năm.
* Báo cáo sơ kết, tổng kết về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc qua từng thời kỳ.
* Tài liệu quản lý về nhân khẩu, hộ khẩu, quản lý các nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự, quản lý vũ khí, vật liệu nổ.
* Tài liệu về tổ chức giữ gìn trật tự công cộng và các tài liệu quản lý hành chính khác mà chính quyền và các cơ quan chức năng đang quản lý.

+ Đi sát cơ sở tiếp xúc gặp gỡ, thu thập ý kiến của các tổ chức, các tầng lớp dân cư khác nhau như:

* Trực tiếp điều tra khảo sát mọi hoạt động của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và quần chúng nhân dân ở địa phương.
* Ngoài ra còn phải chú ý kết hợp chặt chẽ với việc sử dụng các lực lượng, phương tiện, biện pháp nghiệp vụ khác để nắm tình hình.

1. **Xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc**
   * Nội dung của kế hoạch gồm những vấn đề cơ bản như sau:

+ Đánh giá tổng quát tình hình an ninh trật tự, tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức trách nhiệm của quần chúng nhân dân, thực trạng, xác định sự cần thiết phải tiến hành vận động xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ trong thời gian tới.

+ Xác định mục đích, yêu cầu cụ thể phải đạt được của phong trào toàn dân cùng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

+ Xác định nội dung cụ thể của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và hình thức, biện pháp để thực hiện nội dung đó.

+ Xác định cách thức tổ chức thực hiện kế hoạch, như:

* Phân công trách nhiệm và quy định mối quan hệ phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể, giữa các lực lượng tham gia xây dựng phong trào
* Phân chia các bước và thời gian thực hiện từng bước, tiến hành xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
* Xác định điều kiện vật chất cần có để bảo đảm xây dựng phong trào đạt kết quả.
  + Phương pháp xây dựng kế hoạch:

+ Trên cơ sở nội dung kế hoạch được xác định, tiến hành viết dự thảo kế hoạch đảm bảo đủ nội dung, đúng về thể thức văn bản.

+ Gửi bản thảo kế hoạch đến các tổ chức cá nhân có liên quan để lấy ý kiến đóng góp, nhằm phát huy trí tuệ của tập thể, nâng cao tinh thần làm chủ, tính năng động, sáng tạo của từng người trong xây dựng kế hoạch.

+ Tiếp thu ý kiến đóng góp, nghiên cứu bổ sung, xây dựng hoàn chỉnh bản kế hoạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã phê duyệt và tổ chức thực hiện.

1. Tuyên truyền, giáo dục và hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự
2. **Tuyên truyền, giáo dục quần chúng nhân dân**
   * Nội dung tuyên truyền giáo dục:

+ Tuyên truyền để nhân dân nhân thức rõ về âm mưu, phương thức thủ đoạn của các thế lực thù địch và các loại tội phạm, nhận thức rõ bản chất sâu xa của chúng, thấy được tầm quan trọng, tính chất phức tạp, quyết liệt và lâu dài của cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

+ Tuyên truyền giáo dục nhân dân hiểu về đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, các quy định, phong tục tập quán tốt đẹp của địa phương, nghĩa vụ và quyền lợi của công dân đối với việc bảo vệ an ninh trật tự.

+ Ngoài những nội dung trên, tùy theo tình hình cụ thể từng nơi, từng lúc mà lựa chọn, xác định thêm những nội dung khác để tuyên truyền giáo dục.

* + Phương pháp tuyên tuyền giáo dục:

+ Triệt để khai thác sử dụng phương tiện thông tin đại chúng và các loại hình văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, áp phích khẩu hiệu, biểu ngữ… để tuyên truyền.

+ Thông qua các hình thức sinh hoạt, hội họp của các tổ chức chính trị-xã hội và thông qua hệ thống giáo dục các cấp ở địa phương để tuyên truyền.

+ Sử dụng lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên để tuyên truyền giáo dục quần chúng theo từng chuyên đề.

+ Thường xuyên tiếp xúc, gặp gỡ trực tiếp quần chúng để tọa đàm, trao đổi, giải thích những vấn đề về bảo vệ an ninh trật tự.

+ Trước hết phải tổ chức tuyên truyền giáo dục nâng cao nhân thức cho cán bộ của các ban trong Đảng, trong chính quyền, cán bộ lãnh đạo các ngành, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, sau đó tuyên truyền giáo dục sâu rộng ra trong nhân dân.

+ Kết hợp tuyên truyền giáo dục rộng rãi với tuyên truyền giáo dục cá biệt bằng lời lẽ đơn giản và thực tế sinh động.

1. **Hướng dẫn nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh-trật tự**
   * Nội dung hướng dẫn quần chúng bao gồm:

+ Hướng dẫn quần chúng bảo vệ, thực hiện đường lối chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước.

+ Hướng dẫn quần chúng nhân dân phòng ngừa tội phạm, tham gia hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân; quản lý, giáo dục các đối tượng.

+ Hướng dẫn quần chúng nhân dân phát hiện tố giác với Công an, chính quyền địa phương những người, sự việc, hiện tượng nghi vấn xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

+ Hướng dẫn quần chúng nhân dân lên án, đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, các lề thói hủ tục lạc hậu trong đời sống kinh tế xã hội, phòng ngừa và làm giảm các tai nạn, bài trừ các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường.

+ Hướng dẫn quần chúng nhân dân tham gia xây dựng các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể cách mạng, tham gia góp ý kiến xây dựng lực lượng Công an, dân quân tự vệ trong sạch vững mạnh.

* + Phương pháp hướng dẫn quần chúng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự.

Đi từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ việc bảo vệ những lợi ích cá nhân trước mắt đến lợi ích lâu dài của tập thể; từ việc bảo vệ lợi ích kinh tế đơn thuần đến bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng; từ việc bí mật tố giác và cung cấp tài liệu, tin tức về hoạt động của bọn tội phạm đến công tác đấu tranh trực diện với chúng một cách có tổ chức.

1. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng, các ngành, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội ở địa phương để tổ chức vận động toàn dân bảo vệ an ninh trật tự.

Để huy động được sức mạnh của toàn dân tham gia nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự trong quá trình xây dựng phong trào cần phải có sự phối hợp, kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội ở địa phương.

Nội dung phối hợp cần tập trung vào các vấn đề:

* + Phối hợp chặt chẽ các lực lượng, các tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ an ninh trật tự trên địa bàn phường, xã các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn để xây dựng các hình thức tổ chức quần chúng tự quản, Hội đồng bảo vệ trật tự xã hội, Ban bảo vệ dân phố, lực lượng dân phòng và lực lượng bảo vệ chuyên trách của các cơ quan doanh nghiệp.
  + Phối hợp với các lực lượng, cơ quan đơn vị, tổ chức đoàn thể quần chúng để tuyên truyền, vận động, giáo dục, hướng dẫn giác ngộ cho người dân nắm vững những yêu cầu của công tác bảo vệ an ninh-trật tự trên địa bàn.
  + Phối hợp trong việc chỉ đạo hướng dẫn thực hiện các mục tiêu yêu cầu đề ra trong công tác tổ chức vận động quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.

**IV. Xây dựng các tổ chức, lực lượng quần chúng làm nòng cốt làm hạt nhân để xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ**

1. **Xây dựng cá nhân và các tổ chức quần chúng nòng cốt làm hạt nhân để thúc đẩy là một nội dung quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến tổ chức vận động nhân dân**
   * Lực lượng quần chúng nòng cốt vừa là hạt nhân lãnh đạo phong trào, vừa là cầu nối giữa lực lượng Công an với nhân dân vừa là người đi đầu, trực tiếp hướng dẫn nhân dân thực hiện các quy định về an ninh trật tự.
   * Vì vậy việc xây dựng lực lượng quần chúng nòng cốt ở cơ sở để duy trì và phát triển, đẩy mạnh phong trào, đây là một nội dung rất quan trọng không thể thiếu.
2. **Các tổ chức quần chúng nòng cốt làm nhiệm vụ an ninh trật tự ở địa bàn cơ sở gồm:**

Hiện nay ở các cơ sở xã, phường trong toàn quốc thường có 3 loại hình tổ chức quần chúng làm công tác an ninh trật tự là:

* + Loại tổ chức quần chúng có chức năng tư vấn:

+ Hội đồng an ninh trật tự ở cơ sở (xã, phường, thị trấn).

+ Thành phần gồm Chủ tịch UBND, Chủ tịch UBMTTQ, Trưởng Công an, Bí thư Đoàn thanh niên, Chủ tịch Cựu chiến binh, Chủ tịch phụ nữ.

Ở cơ quan, doanh nghiệp thành phần gồm, Bí thư Đảng uỷ, Thủ trưởng cơ quan, Trưởng phòng (tổ trưởng) bảo vệ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Phụ nữ.

+ Hội đồng an ninh trật tự có nhiệm vụ giúp (tư vấn) cho cấp uỷ, chính quyền, thủ trưởng cơ quan doanh nghiệp…

* + Loại có chức năng quản lý, điều hành:

+ Ban an ninh trật tự và Ban bảo vệ dân phố (ở nông thôn: ban an ninh trật tự được thành lập ở thôn, ấp, bản, làng; ở cơ quan, doanh nghiệp lớn ban an ninh trật tự được thành lập ở phân xưởng, xí nghiệp, công ty.

+ Ban an ninh trật tự và Ban bảo vệ dân phố là lực lượng nòng cốt trong việc thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

* + Loại có chức năng thực hành:

+ Tổ an ninh nhân dân, an ninh công nhân, đội dân phòng, đội thanh niên xung kích an ninh.

+ Có nhiệm vụ trực tiếp thực thi các nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự ở các cơ sở.

* + Cần phải lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn có uy tín với quần chúng.
  + Lựa chọn người có khả năng tổ chức, điều hành các hoạt động có liên quan đến an ninh trật tự, bản thân có ý thức tự giác, tự nguyện và trách nhiệm.
  + Bồi dưỡng, hướng dẫn để đội ngũ cán bộ cơ sở nắm vững chức năng nhiệm vụ, quyền hạn lề lối làm việc.
  + Thường xuyên có kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về pháp luật, nghiệp vụ, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn.
  + Nắm vững những diễn biến hoạt động của đội ngũ cán bộ cơ sở có kế hoạch thăm hỏi động viên kịp thời đối.

1. **Phương pháp xây dựng các tổ chức quần chúng nòng cốt được tiến hành như sau**
   * Xác định hình thức tổ chức quần chúng cần xây dựng: căn cứ tình hình đặc điểm của địa bàn, yêu cầu của công tác phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm ở từng nơi, từng lúc; căn cứ điều kiện khả năng nhận thức cũng như khả năng đảm nhiệm những phần việc cụ thể của quần chúng và nhu cầu nguyện vọng, lợi ích chính đáng của quần chúng để định ra hình thức tổ chức quần chúng.
   * Xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quần chúng được xây

dựng.

* + Căn cứ vào pháp luật của Nhà nước, chế độ nội quy, quy định của đơn vị, địa

phương và yêu cầu của tình hình nhiệm vụ, bảo vệ an ninh trật tự đặt ra để xác định.

* + Đề xuất cấp ủy, chính quyền ra quyết định thành lập tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.
  + Sau khi xác định rõ sự cần thiết phải thành lập các tổ chức quần chúng, loại hình tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạng của loại hình tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự đó. Công an cấp cơ sở báo cáo, đề xuất với cấp uỷ, chính quyền địa phương và làm thủ tục trình Chủ tịch, Phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn ra quyết định thành lập tổ chức.

E. Xây dựng điển hình và nhân điển hình tiên tiến làm cơ sở để tổ chức vận động quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc

* + Điển hình tiên tiên tiến là những cá nhân, đơn vị, cơ sở đạt dược thành tích xuất sắc nổi trội trong phong trào, có đặc thù chung phổ biến giúp các cá nhân, đơn vị khác học tập, noi theo.
  + Nhân điển hình tiên tiến là việc tổ chức học tập, phát triển những nhân tố tích cực của phong trào toàn dân thành phổ biến rộng khắp.
  + Để nhân rộng điển hình tiên tiến cần làm tốt các công việc cụ thể sau đây:

Lựa chọn điển hình tiên tiến. Tổ chức rút kinh nghiệm điển hình tiên tiến. Phổ biến kinh nghiệm điển hình tiên tiến:

* Mở hội nghị nhân điển hình tiên tiến.
* Sử dụng, phát huy ưu thế của các phương tiện thông tin đại chúng.

F. Lồng ghép nội dung phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ với các phong trào khác của nhà trường và của địa phương

* + Lồng ghép trong phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công với nước, nội dung đảm bảo giữ gìn an ninh trật tự là nội dung bảo vệ tài sản công dân phòng ngừa tội phạm.
  + Kết hợp giáo dục những người cần phải giáo dục tại địa phương với nội dung xây dựng làng văn hoá, khu phố văn hoá.
  + Trong phong trào học sinh, sinh viên thanh lịch của nhà trường lồng ghép với phong trào chấp hành luật giao thông.

**Phần III. TRÁCH NHIỆM CỦA SINH VIÊN TRONG VIỆC THAM GIA XÂY DỰNG PHONG TRÀO BẢO VỆ ANTQ**

* + Mỗi sinh viên phải có nhận thức đúng đắn đầy đủ trách nhiệm công dân đối với công cuộc bảo vệ an ninh trật tự của tổ quốc
  + Tự giác chấp hành các quy định về đảm bảo an ninh trật tự của nhà trường và của địa phương nơi cư trú.
  + Tích cực tham gia vào các phong trào bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương
  + Nêu cao ý thức cảnh giác, tích cực tham gia hoạt động phòng chông stooij phạm ở địa phương, phát hiện những hiện tượng tiêu cực, những hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trong nhà trường và nơi cư trú kịp thời, cưng cấp cho cơ quan công an để có biện pháp ngăn chặn và giải quyết.

**KẾT LUẬN**

Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc nói chung và bảo vệ an ninh nói riêng là sự nghiệp của toàn dân, được đông đảo nhân dân tham gia và đã mang lại những kết quả to lớn, góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Xã hội hóa công tác bảo vệ an ninh quốc gia là một chủ trương của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ đổi mới. Thực tiễn sinh động của đất nước trong thời gian qua đang chứng minh sự sáng tạo đúng đắn đó.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Trình bày vai trò của quần chúng nhân dân trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ?
2. Phương pháp tiến hành phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ ở địa bàn cơ sở. Đặc điểm địa lý và văn hóa-xã hội của từng vùng, miền có ảnh hưởng như thế nào đến phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ?
3. Sinh viên có trách nhiệm gì trong việc tham gia phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ ở địa phương nơi cư trú?